THÔNG ĐIỆP REDEMPTORIS MISSIO (SỨ VỤ ĐẤNG CỨU THẾ)

CỦA ĐỨC GIÁO HOÀNG GIOAN PHAOLÔ II

07 - 12 - 1990\*\*\*

Chuyển ngữ: Đaminh Maria Cao Tấn Tĩnh, BVL

(Dịch từ tuần san L’Osservatore Romano, ấn bản Anh ngữ, 28/1/1991)

Mở Đầu

1- Việc truyền giáo mà Chúa Kitô là Đấng Cứu Chuộc đã ủy thác cho Giáo Hội cần phải hoàn tất thì còn rất xa vời. Trong lúc đệ nhị Thiên Niên kể từ khi Chúa Kitô giáng sinh sắp qua đi, tình hình nhân loại tổng quan cho thấy rằng việc truyền giáo ấy mới chỉ là bắt đầu, nên chúng ta cần phải hết sức dấn thân cho công việc này. Chính Thần Linh là Đấng thôi thúc chúng ta loan truyền các việc cao cả của Thiên Chúa: “Nếu tôi rao giảng Phúc Âm thì đâu có gì để mà tự hào. Vì đó là phận sự tôi cần phải làm. Khốn cho tôi nếu tôi không rao giảng Phúc Âm!” (1Cor.9:16). Tôi cảm thấy rất cần phải nhân danh toàn thể Giáo Hội lập lại tiếng kêu ấy của Thánh Phaolô. Từ đầu Giáo Triều của mình, Tôi đã muốn đi đến tận cùng thế giới để nói lên mối quan tâm truyền giáo này rồi. Việc Tôi trực tiếp gặp gỡ các người chưa nhận biết Chúa Kitô đã làm tôi càng xác tín hơn nữa về việc khẩn thiết của hoạt động truyền giáo, chủ đềcủa Bức Thông Điệp Tôi đang viết đây.  
Công Đồng Chung Vaticanô II đã tìm cách canh tân đời sống và hoạt động của Giáo Hội theo chiều hướng cần thiết của thế giới hiện đại. Công Đồng nhấn mạnh đến “bản chất truyền giáo” của Giáo Hội, căn cứ vào việc sinh động nơi chính sứ vụ của Chúa Ba Ngôi. Bởi đó, trọng tâm của việc truyền giáo là ở chính bản tính của đời sống Kitô giáo, đồng thời nó cũng là nguồn mạch cho việc đại kết: “để tất cả họ được nên một... cho thế gian tin rằng Cha đã sai Con” (Jn.17:21).

2-         Công Đồng đã gặt hái được nhiều hoa trái trong lãnh vực hoạt động truyền giáo. Hoạt động truyền giáo đã tăng tiến tại các Giáo Hội địa phương, bao gồm Giám Mục, giáo sĩ và các nhân viên làm việc tông đồ. Việc hiện diện của các cộng đồng Kitô hữu lại càng rõ ràng hơn trong sinh hoạt của các quốc gia, và việc hiệp thông giữa các Giáo Hội đã dẫn tới một cuộc trao đổi sống động những lợi ích và tặng ân thiêng liêng. Việc dấn thân của thành phần giáo dân trong việc truyền bá phúc âm hóa đang làm thay đổi sinh hoạt của giáo hội, trong khi đó, các Giáo Hội riêng lại càng mong muốn gặp gỡ các phần tử của những Giáo Hội Kitô giáo khác, cũng như của những tôn giáo khác, để đối thoại và hợp tác với họ. Nhất là đang có một ý thức mới về hoạt động truyền giáo là một vấn đề của tất cả mọi Kitô hữu, của hết mọi giáo phận và giáo xứ, của các tổ chức và đoàn thể trong Giáo Hội.

Tuy nhiên, trong “mùa xuân mới” này của Kitô giáo, vẫn còn có một khuynh hướng tiêu cực không thể phủ nhận được, một khuynh hướng khiến Tôi phải viết Văn Kiện này để phác ra cách thức thắng vượt nó. Hoạt động truyền giáo đặc biết nhắm đến “các dân nước” (ad gentes) như thể đang xìu xuống, và khuynh hướng này chắc chắn không hợp với những chiều hướng của Công Đồng, cũng như không hợp với các lời kêu gọi của Huấn Quyền sau Công Đồng. Những khó khăn cả trong lẫn ngoài đã làm suy yếu đi lực đẩy làm việc truyền giáo của Giáo Hội hướng tới các người ngoài Kitô giáo, một sự kiện cần phải được tất cả mọi người tin vào Chúa Kitô quan tâm lưu ý đến. Bởi vì, động lực truyền giáo bao giờ cũng là dấu chỉ sinh động trong lịch sử của Giáo Hội thế nào, thì việc yếu kém truyền giáo là dấu hiệu khủng hoảng đức tin như vậy (xem ĐTC Phaolô VI, Sứ Điệp cho Ngày Thế Giới Truyền Giáo, 1972, Insegnamenti X – 1972 – 522).

Hai mươi lăm năm sau khi Công Đồng kết thúc và phổ biến Sắc Lệnh về Hoạt Động Truyền Giáo Ad Gentes, mười lăm năm sau Tông Huấn Evangelii Nuntatiandi do Đức Phaolô VI ban bố, và để tiếp tục giáo huấn thuọâc huấn quyền của các vị tiền nhiệm của mình (xem Đức Bênêđíctô XV, Tông Thư Maximum Illud ngày 30-11-1919: AAS 11 – 1919, 440-455; Đức Piô XI, Thông Điệp Rerum Ecclesiae ngày 28-2-1926: AAS 18 – 1926 – 65-83; Đức Piô XII, Thông Điệp Evangelii Praecones ngày 2-6-1951: AAS 43 – 1951 – 497-528; Thông Điệp Fidei Donum ngày 21-4-1957: AAS 49 – 1957 – 225-248; Đức Gioan XXIII, Thông Điệp Peinceps Pastorum ngày 28-11-1959: AAS 51 – 1959 – 833-864), Tôi muốn kêu mời Giáo Hội hãy canh tân lại việc dấn thân truyền giáo của mình. Văn kiện này nhắm đến việc canh tân nội tâm về đức tin và đời sống Kitô giáo. Vì hoạt động truyền giáo giúp vào việc canh tân Giáo Hội, vào việc làm tái sinh động đức tin cũng như căn tính Kitô giáo, và vào việc làm bừng lên lòng nhiệt thành và niềm phấn khởi mới. Đức tin được tăng cường khi đem đức tin ban phát cho kẻ khác! Chính trong khi dấn thân thực hiện việc truyền giáo đại đồng của Giáo Hội lại chính là lúc làm cho việc truyền bá phúc âm hóa mới mẻ của dân Kitô giáo được  khởi sắc và đỡ nâng.

Thế nhưng, điều làm Tôi càng mạnh mẽ hơn nữa trong việc công bố tính cách khẩn thiết của vấn đề truyền giáo phúc âm hóa, đó là sự kiện vấn đề truyền giáo phúc âm hóa này là công việc trọng yếu Giáo Hội có thể đem cống hiến cho mọi người, cũng như cho cả loài người trong thế giới tân tiến ngày nay, một thế giới đã đạt được những thành đạt tuyệt vời, song cũng là một thế giới hình như đã mất đi cảm quan về những thực tại tối thượng và về chính việc hiện hữu của mình. Tôi đã viết trong Bức Thông Điệp đầu tiên của Tôi là, “Chúa Kitô Đấng Cứu Chuộc đã hoàn toàn tỏ cho con người thấy được bản thân họ... Con người muốn thấu triệt được mình... phải... đến gần Chúa Kitô... Ơn Cứu Chuộc được thực hiện nhờ Thập Giá đã hoàn toàn phục hồi cho con người phẩm vị của họ và trả lại ý nghĩa cho đời sống của họ trên thế gian này” (Redemptor Hominis –4/3/1979 – đoạn 10: AAS 71 – 1979 – 274f).

Tôi cũng còn có những lý do và mục tiêu khác nữa: đó là để đáp lại nhiều lời yêu cầu xin ban bố một văn kiện như thế này; để làm sáng tỏ những ngờ vực và mập mờ liên quan đến hoạt động truyền giáo ad gentes, cũng như để công nhận việc những anh chị em gương mẫu đã dấn thân cho hoạt động truyền giáo và tất cả những ai nâng đỡ họ; để nuôi dưỡng các ơn gọi truyền giáo; để khích lệ các thần học gia trong việc tìm tòi và quảng diễn một cách có phương pháp những khía cạnh khác nhau của hoạt động truyền giáo; để tạo nên một động lực mới mẻ cho hoạt động truyền giáo, bằng cách nuôi dưỡng việc dấn thân của các Giáo Hội riêng – nhất là những giáo hội mới được hình thành – trong việc trao đổi các thừa sai; và để bảo đảm với những người ngoài Kitô giáo, nhất là các chính quyền của các xứ sở đang có hoạt động truyền giáo rằng, tất cả những điều này chỉ có một mục đích duy nhất, đó là phụng sự con người bằng việc tỏ ra cho họ tình yêu Thiên Chúa được bộc lộ nơi Chúa Giêsu Kitô.

3-         Hỡi các dân tộc khắp mọi nơi, hãy mở cửa cho Chúa Kitô! Phúc Âm của Người không bao giờ làm mất đi tự do của con người, mất đi việc tôn trọng cần phải có đối với mọi nền văn hóa cũng như với bất cứ những gì tốt lành nơi mỗi một tôn giáo. Bằng việc chấp nhận Chúa Kitô là quí vị tự mở lòng mình ra cho Lời tối hậu của Thiên Chúa, cho Đấng mà trong Người Thiên Chúa đã hoàn toàn tỏ mình ra và đã chỉ cho chúng ta đường lối đến cùng Ngài.

Con số những người không biết Chúa Kitô và không thuộc về Giáo Hội tăng liên tục. Thật vậy, nó đã tăng gần như gấp đôi kể từ khi kết thúc Công Đồng. Nếu chúng ta để ý đến phần nhân loại rất đông được Chúa Cha yêu thương và sai Con Ngài đến vì họ này, thì mới thấy rõ được tính cách khẩn thiết của việc Giáo Hội truyền giáo.

Ngoài ra, thời điểm của chúng ta đây còn hiến cho Giáo Hội những cơ hội mới trong lãnh vực này: đó là cơ hội sụp đổ của những triết thuyết áp đảo và những thể chế chính trị, như chúng ta chứng kiến thấy; cơ hội thế giới mở mang ranh giới và xích lại gần gũi nhau hơn, nhờ vấn đề phát triển phương tiện truyền thông; cơ hội con người biết xác nhận các giá trị Phúc Âm, được Chúa Giêsu thể hiện trong cuộc sống của Người (như bình an, công chính, tình huynh đệ, quan tâm đến thành phần nghèo); và cơ hội phát triển của một thứ kinh tế và kỹ thuật vô hồn chỉ thúc đẩy con người tìm kiếm chân lý về Thiên Chúa, về con người và về ý nghĩa của chính cuộc sống.  
  
Thiên Chúa đang mở ra trước mắt Giáo Hội một chân trời nhân loại hết sức thuận lợi cho việc gieo vãi Phúc Âm. Tôi cảm thấy rằng đã đến lúc tất cả năng lực của Giáo Hội cần phải dấn thân vào một việc truyền bá phúc âm hóa mới, cũng như vào việc truyền giáo ad gentes. Không một tín hữu nào tin tưởng vào Chúa Kitô, không một tổ chức nào của Giáo Hội được phép tránh né nhiệm vụ trên hết này: đó là nhiệm vụ phải loan truyền Chúa Kitô cho tất cả mọi dân nước.  
  
I. CHÚA GIÊSU KITÔ LÀ ĐẤNG CỨU ĐỘ DUY NHẤT  
  
Trong Bức Thông Điệp đầu tiên, Tôi đã đề ra một dự án cho Giáo Triều của mình, Tôi đã nói rằng, “phận sự trọng yếu của Giáo Hội trong mọi thời đại, nhất là trong thời của chúng ta đây, là hướng cái nhìn của con người, là hướng dẫn việc nhận thức và cảm nghiệm của toàn thể nhân loại qui về mầu nhiệm Chúa Kitô” (Ibid.: loc. cit., 275).  
  
Việc truyền giáo phổ quát của Giáo Hội được phát sinh từ niềm tin vào Chúa Giêsu Kitô, như đã được phát biểu trong bản tuyên xưng đức tin Chúa Ba Ngôi: “Tôi tin kính một Chúa Giêsu Kitô, Con một Thiên Chúa, sinh bởi Đức Chúa Cha từ trước muôn đời ... Vì loài người chúng tôi và để cứu rỗi chúng tôi Người đã từ trời xuống thế: bởi phép Đức Chúa Thánh Thần, Người đã nhập thể trong lòng Trinh Nữ Maria và đã làm người” (Kinh Tin Kính của Hai Công Đồng Chung Nicêa và Contantinôpôli: DS 150). Biến cố Cứu Chuộc đã mang lại ơn cứu độ cho tất cả mọi người, “vì mỗi một người đều được bao gồm trong mầu nhiệm Cứu Chuộc, và Chúa Kitô đã vĩnh viễn hiệp nhất chính mình với từng người nơi mầu nhiệm này” (Thông Điệp Redemptor Hominis, đoạn 13: loc. cit., 283). Việc truyền giáo của Giáo Hội chỉ có ý nghĩa trong niềm tin và việc truyền giáo này bắt nguồn từ niềm tin.  
  
Tuy nhiên, cũng căn cứ vào những đổi thay đã xẩy ra trong thời đại tân tiến ngày nay, cũng như căn cứ vào việc phát triển những tư tưởng mới về thần học, một số người đã ngẫm nghĩ rằng: “Công việc truyền giáo nơi những người ngoài Kitô giáo có còn thích ứng nữa hay chăng?” Nó chẳng phải đã được thay thế bằng việc đối thoại liên tôn rồi sao? Việc tiến bộ của nhân loại không phải là mục tiêu xứng hợp của việc Giáo Hội truyền giáo ư? Việc tôn trọng lương tâm và tự do của con người đã không loại trừ đi tất cả mọi nỗ lực để làm cho con người hoán cải rồi sao? Chẳng lẽ không thể nào đạt được ơn cứu độ nơi các tôn giáo khác à? Vậy thì tại sao lại cần phải thực hiện hoạt động truyền giáo?  
  
“Không ai đến với Cha mà không qua Thày”  
  
5-         Nếu chúng ta trở về với thuở ban đầu của Giáo Hội, chúng ta sẽ thấy được niềm xác tín rõ ràng, Chúa Kitô là Đấng Cứu Độ duy nhất của tất cả mọi người, là Đấng duy nhất có thể tỏ Thiên Chúa ra và dẫn tất cả mọi người đến cùng Thiên Chúa. Để trả lời cho giáo quyền Do Thái vặn hỏi các Tông Đồ về việc chữa lành một người bị què, Thánh Phêrô đã nói: “Nhờ danh Chúa Giêsu Kitô Nazarét là Đấng quí vị đóng đanh, Đấng Thiên Chúa đã làm cho sống lại từ trong kẻ chết, Đấng mà nhờ Người người này đang lành mạnh đứng ở trước quí vị đây ... Không có ơn cứu độ nơi một người nào khác, vì không có một danh hiệu nào dưới gầm trời này được ban cho con người làm cho chúng ta được cứu độ” (Acts 4:10,12). Câu phát biểu ngỏ với Hội Đồng Do Thái ấy có một giá trị phổ quát, vì đối với tất cả mọi dân nước – Do Thái cũng như Dân Ngoại – ơn cứu độ chỉ có thể phát xuất từ Chúa Giêsu Kitô mà thôi.  
  
Tính cách phổ quát của ơn cứu độ nơi Chúa Kitô được cả Thánh Kinh Tân Ước nhắc đến. Thánh Phaolô đã công nhận Chúa Kitô Phục Sinh là Chúa. Thánh nhân viết: “Mặc dù có nhiều vị được gọi là thần trên trời dưới đất – như thật sự đã có nhiều ‘thần’ và nhiều ‘chúa’ – nhưng đối với chúng ta chỉ có một Thiên Chúa duy nhất là Cha, nhờ Ngài tất cả mọi sự có, và vì Ngài mà chúng ta hiện hữu, cũng như chỉ có một Chúa duy nhất là Đức Giêsu Kitô, nhờ Người tất cả mọi sự có và bởi Người chúng ta sống động” (1Cor.8:5-6). Một Thiên Chúa duy nhất và một Chúa duy nhất được Thánh Phaolô nhắc đến một cách tương phản với số đông “thần linh” và “chúa tể” được chung chung chấp nhận. Thánh Phaolô tỏ ra phản lại với thuyết đa thần nơi hoàn cảnh tôn giáo thời của thánh nhân, và nhấn mạnh đến cái làm nên đặc tính của niềm tin Kitô giáo, đó là niềm tin vào một Thiên Chúa duy nhất và vào một Chúa duy nhất được Thiên Chúa sai đến.  
  
Trong Phúc Âm Thánh Gioan, tính cách phổ quát cứu độ này của Chúa Kitô bao gồm tất cả mọi khía cạnh thuộc sứ mệnh về ân sủng, chân lý và mạc khải của Người: Lời là “ánh sáng thật đã chiếu soi mọi người” (Jn.1:9). Còn nữa, “chưa ai đã từng thấy Thiên Chúa; duy Người Con một là Đấng ở trong lòng Cha mới là vị tỏ Cha ra” (Jn.1:18; x. Mt.11:27). Việc Thiên Chúa mạc khải được chấm dứt và hoàn tất nơi Người Con duy nhất của Ngài: “Thiên Chúa đã nói với cha ông chúng ta trong quá khứ bằng nhiều cách thức khác nhau; nhưng trong những ngày sau hết này, Ngài đã nói với chúng ta nơi Người Con, Đấng Ngài định cho thừa hưởng tất cả mọi sự, và bởi Đấng này Ngài đã dựng nên thế gian” (Heb.1:1-2; x. Jn.14:6).  
  
Nơi Lời mạc khải cuối cùng này của Ngài, Thiên Chúa đã tỏ mình ra một cách khả dĩ trọn vẹn nhất. Ngài đã mạc khải cho con người biết Ngài là ai. Việc mạc khải mình ra sau hết này của Thiên Chúa là lý do sâu xa tại sao tự bản tính Giáo Hội là truyền giáo. Giáo Hội không thể làm gì khác hơn là loan truyền Phúc Âm, tức là loan truyền trọn vẹn chân lý Thiên Chúa đã giúp chúng ta biết về Ngài.  
  
Chúa Kitô là trung gian duy nhất giữa Thiên Chúa và nhân loại: “Chỉ có một Thiên Chúa duy nhất và một trung gian duy nhất giữa Thiên Chúa và con người, đó là con người Đức Giêsu Kitô, Đấng đã hiến mình làm giá chuộc cho tất cả mọi người, một sự thật đã được chứng thực vào thời điểm của mình. Đối với sự thật này, cha đã được chỉ định để làm người rao giảng và làm tông đồ (cha nói thật chứ không nói dối), làm thày dạy Dân Ngoại trong đức tin và chân lý” (1Tim.2:5-7; x. Heb.4:14-16). Bởi thế, không ai có thể được hiệp thông với Thiên Chúa mà không qua Chúa Kitô, nhờ hoạt động của Chúa Thánh Thần. Vai trò trung gian duy nhất phổ quát của Chúa Kitô, không hề làm ngăn cản hành trình tiến đến với Thiên Chúa, là đường lối chính Thiên Chúa thiết lập, một sự kiện Chúa Kitô đã thừa biết. Mặc dầu cũng có những hình thức dự phần vào việc làm trung gian khác thể loại và khác cấp độ, chúng chỉ có ý nghĩa và giá trị là do vai trò trung gian riêng của Chúa Kitô mà thôi, và không được nghĩ rằng chúng song song với hay bổ khuyết cho vai trò trung gian của Người.   
  
6-         Làm bất cứ điều gì đưa đến việc phân rẽ Lời và Đức Giêsu Kitô là phản với đức tin Kitô giáo. Thánh Gioan đã minh bạch nói rằng Lời, Đấng “từ ban đầu đã ở nơi Thiên Chúa” cũng chính là Đấng “đã hóa thành nhục thể” (Jn.1:2,14). Chúa Giêsu là Lời Nhập Thể – một ngôi vị duy nhất bất phân. Người ta không thể phân tách Chúa Giêsu khỏi Đức Kitô, hay nói về một “Chúa Giêsu lịch sử” khác với “Đức Kitô của đức tin”. Giáo Hội công nhận và tuyên xưng Chúa Giêsu là “Đức Kitô, Con Thiên Chúa hằng sống” (Mt.16:16): Đức Kitô này chính là Chúa Giêsu Nazarét; Người là Lời Thiên Chúa làm người vì phần rỗi của tất cả mọi người. Nơi Đức Kitô “trọn vẹn thần tính ngự trị một cách thể lý” (Col.2:9) và “tất cả chúng ta đã nhận lãnh từ sự viên mãn của Người” (Jn.1:16). “Người Con duy nhất, Đấng ở trong lòng Cha” (Jn.1:18) là “Người Con yêu dấu, nơi Người chúng ta được ơn cứu chuộc... Vì trong Người tất cả những gì viên mãn của Thiên Chúa muốn ngự trị, và qua Người Thiên Chúa hòa giải tất cả mọi sự dưới đất cũng như trên trời, bằng việc làm hòa nơi máu của thập giá Người” (Col.1:13-14, 19-20). Chính tính cách độc nhất vô nhị này nơi Đức Kitô đã làm cho Người có một tầm quan trọng tuyệt đối và phổ quát, nhờ đó, dù thuộc về lịch sử, Người vẫn là tâm điểm và mục đích của lịch sử (xem Công Đồng Chung Vaticanô II, Hiến Chế Mục Vụ về Giáo Hội trong Thế Giới Ngày Nay Gaudium et Spes, đoạn 2): “Ta là Alpha và là Omega, là trước hết và là sau cùng, là nguyên thủy và là cùng đích” (Rev.22:13).  
  
Như thế, cho dù được phép và cần xét đến những khía cạnh khác nhau này nơi mầu nhiệm của Chúa Kitô, chúng ta cũng không bao giờ được đánh mất tính cách hiệp nhất của mầu nhiệm ấy. Trong tiến trình nhận thức và cảm nhận những tặng ân đa diện – nhất là những kho tàng thiêng liêng – Thiên Chúa đã đổ xuống trên mọi người, chúng ta không thể phân rẽ những tặng ân này khỏi Chúa Giêsu Kitô, Đấng là tâm điểm của dự án Thiên Chúa cứu độ. Như “nhờ việc nhập thể của mình, Con Thiên Chúa, ở một nghĩa nào đó, đã liên kết mình với hết mọi người”, cũng thế, “chúng ta buộc phải tin rằng, Chúa Thánh Thần ban cho mọi người cơ hội để thông phần vào Mầu Nhiệm Vượt Qua một cách nào đó chỉ có Thiên Chúa biết” (Ibid., đoạn 22). Dự án của Thiên Chúa là ở chỗ “kết hiệp tất cả mọi sự trong Đức Kitô, những sự trên trời cũng như những sự dưới đất” (Eph.1:10).  
  
Tin Tưởng vào Chúa Kitô dẫn đến Việc Con Người được Tự Do  
  
7-         Việc khẩn thiết của hoạt động truyền giáo được bắt nguồn từ sự sống thực sự tươi mới do Chúa Kitô mang đến, cũng như được các môn đồ của Người mặc lấy. Sự sống mới này là một tặng ân của Thiên Chúa, và con người cần phải chấp nhận và phát triển nó, nếu họ muốn hiện thực trọn vẹn ơn gọi của mình hợp với Chúa Kitô. Toàn thể Tân Ước là một bản thánh ca hát lên sự sống mới này nơi những ai tin vào Đức Kitô và sống trong Giáo Hội của Người. Ơn cứu độ trong Chúa Kitô, như Giáo Hội làm chứng và loan truyền, là việc Thiên Chúa thông mình ra: “Chính tình yêu chẳng những dựng nên sự lành mà còn ban cả việc được tham dự vào chính sự sống của Thiên Chúa là Cha và Con và Thánh Thần nữa. Vì Ngài là Đấng yêu thích những ước muốn trao ban chính mình” (Thông Điệp Dives in Mesericordia – 30/11/1980 – đoạn 7: AAS 72 – 1980 – 1202).  
  
Thiên Chúa ban cho con người sự sống mới này. “Người ta có thể phủ nhận Đức Kitô và mọi sự Người đã thực hiện trong lịch sử loài người được chăng? Dĩ nhiên là người ta có thể. Con người có tự do mà. Họ có thể nói ‘không’ với Thiên Chúa. Họ có thể nói ‘không’ với Đức Kitô. Thế nhưng, vấn đề chính yếu vẫn còn đó: Làm điều này có hợp lý hay chăng? Nếu hợp lý thì hợp lý ở chỗ nào?” (Bài Giảng trong Thánh Lễ ở Krakow ngày 10-6-1979: AAS 71 – 1979 – 873).  
  
Trong thế giới tân tiến ngày nay có một khuynh hướng làm con người giảm xuống chiều kích theo chiều ngang mà thôi. Thế nhưng, nếu không hướng đến Tuyệt Đối Thể thì con người sẽ ra sao? Câu trả lời cho vấn nạn này được tìm thấy nơi kinh nghiệm sống của mọi người, song nó cũng được lịch sử nhân loại ghi nhận, bằng những cuộc máu đổ nhân danh các ý thức hệ, hay bằng các chế độ chính trị chỉ tìm cách xây dựng một “tân nhân loại” ở ngoài Thiên Chúa (xem Đức Gioan XXIII, Thông Điệp Mater et Magistra – 15/5/1961 – đoạn IV: AAS 53 – 1961 – 451-453).  
  
Ngoài ra, Công Đồng Chung Vaticanô II cũng đã trả lời cho những ai quan tâm đến việc bảo toàn quyền tự do lương tâm rằng: “Con người có quyền tự do tôn giáo... tất cả mọi người đều phải được bảo vệ cho khỏi bị cá nhân, phái nhóm hay bất cứ quyền lực nào của con người cưỡng ép, bắt họ phải tác hành ngược lại với lương tâm của mình về vấn đề tôn giáo, hay ngăn cản họ tác hành theo lương tâm của mình, ở nơi riêng cũng như công cộng, làm một mình hay hợp với người khác, trong một giới hạn thích hợp” (Tuyên Ngôn về Quyền Tự Do Tôn Giáo Dignitatis Humanae, đoạn 2).  
  
Việc loan truyền Chúa Kitô và làm chứng cho Người, một khi được thực hiện theo chiều hướng tôn trọng lương tâm con người, thì không vi phạm đến quyền tự do của con người. Đức tin đòi con người phải được tự do chấp nhận, thế nhưng, đồng thời đức tin cũng cần phải được cống hiến cho họ, vì “những nhóm người này có quyền biết đến nguồn phong phú của mầu nhiệm Chúa Kitô (x.Eph.3:8) - những phong phú chúng ta tin rằng toàn thể nhân loại có thể tìm thấy, trong một mức độ trọn đầy thật sự, mọi sự mà họ đang mò mẫm tìm kiếm những gì liên quan đến Thiên Chúa, đến con người và đến định mệnh của họ, đến sự sống và sự chết, đến chân lý... Đó là lý do tại sao Giáo Hội giữ tinh thần truyền giáo của mình sống động, thậm chí còn muốn làm cho nó tăng thêm trong giây phút lịch sử chúng ta đang sống đây” (Đức Phaolô VI, Tông Huấn Evangelii Nuntiandi – 8/12/1975 – đoạn 53: AAS 68 – 1976 -, 42). Thế nhưng, cũng cần phải cùng với Công Đồng mà nói rằng, “theo phẩm vị làm người của mình, được trang bị bởi lý trí và ý muốn tự do, cũng như mang bên mình trách nhiệm bản thân, tất cả mọi người được thúc đẩy bởi bản tính tự nhiên của mình, cũng như bị bó buộc bởi những đòi hởi về luân lý, phải tìm kiếm chân lý, trên hết là chân lý về đạo giáo. Họ còn phải tin vào chân lý một khi nhận biết chân lý, và phải điều hành cả cuộc sống của mình theo đòi hỏi của chân lý nữa” (Tuyên Ngôn về Quyền Tự Do Tôn Giáo Dignitatis Humanae, đoạn 2).  
  
Giáo Hội là Dấu Hiệu và là Phương Tiện Cứu Độ  
  
9-         Thừa hưởng viên đầu tiên của ơn cứu chuộc là Giáo Hội. Chúa Kitô đã chiếm được Giáo Hội bằng giá máu của mình, và làm cho Giáo Hội thành cộng sự viên của mình trong việc cứu độ thế giới. Thật vậy, Chúa Kitô ở trong Giáo Hội. Giáo Hội là Hiền Thê của Người. Chính Người là Đấng khiến cho Giáo Hội lớn lên. Người thực hiện sứ mệnh của Người qua Giáo Hội.  
  
Công Đồng thường nhắc đến vai trò của Giáo Hội trong việc cứu độ nhân loại. Nhận thức được Thiên Chúa yêu thương tất cả mọi người, và ban cho họ cơ hội lãnh nhận ơn cứu độ (x.1Tim.2:4; xem Hiến Chế Tín Lý về Giáo Hội Lumen Gentium, đoạn 14-17; Sắc Lệnh về Hoạt Động Truyền Giáo của Giáo Hội Ad Gentes, đoạn 3), Giáo Hội tin rằng Thiên Chúa đã thiết lập Chúa Kitô như vị trung gian duy nhất, và chính Giáo Hội cũng được thiết lập như một bí tích cứu độ phổ quát (xem Hiến Chế Tín Lý về Giáo Hội Lumen Gentium, đoạn 48; Hiến Chế Mục Vụ về Giáo Hội trong Thế Giới Ngày Nay Gaudium et Spes, đoạn 43; Sắc Lệnh về Hoạt Động Truyền Giáo của Giáo Hội Ad Gentes, đoạn 7, 21). “Bởi thế, tất cả mọi người được kêu gọi tham dự vào mối hiệp nhất công giáo này của dân Chúa, họ thuộc về mối hiệp nhất này, hay hướng về mối hiệp nhất này bằng nhiều cách khác nhau, dù họ là tín hữu Công Giáo, hay là các người tin vào Đức Kitô, và sau hết dù họ là tất cả mọi người ở khắp nơi nhờ ơn Chúa được kêu gọi đến ơn cứu độ” (Hiến Chế Tín Lý về Giáo Hội Lumen Gentium, đoạn 13). Cần phải giữ lấy cả hai chân lý này, tức là chân lý mọi người thực sự có cơ hội được cứu độ nơi Chúa Kitô, và chân lý Giáo Hội cần thiết cho ơn cứu độ. Cả hai chân lý này giúp chúng ta hiểu được một mầu nhiệm cứu độ duy nhất, để chúng ta có thể nhận biết tình thương của Thiên Chúa, cũng như biết được trách nhiệm của riêng mình. Ơn cứu độ, một ơn bao giờ cũng là do Thần Linh ban tặng, đòi con người phải cộng tác, cả trong việc cứu lấy mình và cứu lấy cả người khác nữa. Đó là ý muốn của Thiên Chúa, và đó là lý do tại sao Ngài đã thiết lập Giáo Hội và làm cho Giáo Hội trở thành một phần thuộc dự án cứu độ của Ngài. Đối với “dân thiên sai này”, Công Đồng nói: “Dân này đã được Chúa Kitô thiết lập như một hiệp thông sự sống, yêu thương và chân lý; Người cũng muốn dùng dân này như dụng cụ cứu độ tất cả mọi người, và sai đi truyền giáo khắp thế giới như ánh sáng thế gian và như muối đất” (Hiến Chế Tín Lý về Giáo Hội Lumen Gentium, đoạn 13).  
Ơn Cứu Độ Nơi Chúa Kitô được Hiến Ban cho Tất Cả Mọi Người  
  
10-       Tính cách phổ quát của ơn cứu độ có nghĩa là ơn cứu độ không phải chỉ được ban cho những ai tuyên xưng tin vào Chúa Kitô và đã gia nhập Giáo Hội. Vì được ban cho tất cả mọi người, ơn cứu độ phải thuận lợi một cách cụ thể đối với mọi người. Thế nhưng, thực tế cho thấy, hôm nay đây, cũng như trong quá khứ, nhiều người không có cơ hội biết đến hay chấp nhận mạc khải Phúc Âm hoặc gia nhập Giáo Hội. Những điều kiện về xã hội và văn hóa họ sống không cho phép họ thực hiện được điều này, và họ thường được dưỡng dục theo các truyền thống tôn giáo khác. Đối với những người như vậy, mặc dù họ có liên hệ một cách mầu nhiệm nào đó với Giáo Hội, ơn cứu độ nơi Chúa Kitô bởi ân sủng cũng không làm cho họ chính thức trở thành phần tử của Giáo Hội, song chỉ soi sáng cho họ bằng một đường lối hợp với tình trạng tinh thần và thể chất của họ mà thôi. Ân sủng này là do Chúa Kitô ban cho; ân sủng ấy là hoa trái của việc Người Hiến Tế và được Thánh Linh thông ban cho. Ân sủng ấy giúp cho mỗi người đạt đến ơn cứu độ bằng việc tự do cộng tác của họ.  
  
Vì lý do này, sau khi xác nhận vai trò chính yếu của Mầu Nhiệm Vượt Qua, Công Đồng liền tuyên bố rằng: “Mầu Nhiệm Vượt Qua không chỉ áp dụng cho Kitô hữu thôi, mà còn cho tất cả mọi người thiện chí được ân sủng âm thầm tác động trong lòng họ nữa. Vì Chúa Kitô chết cho mọi người, và vì ơn gọi tối thượng của mỗi người chúng ta phát xuất từ Thiên Chúa, do đó, ơn gọi này là một ơn gọi phổ quát, mà chúng ta buộc phải tin rằng Chúa Thánh Thần hiến cho mọi người cơ hội được thông phần vào Mầu Nhiệm Vượt Qua một cách nào đó chỉ một mình Thiên Chúa biết” (Hiến Chế Mục Vụ về Giáo Hội trong Thế Giới Ngày Nay Gaudium et Spes, đoạn 22).  
  
“Chúng Tôi không thể nào không nói”  
  
11-       Vậy thì chúng ta phải nói làm sao về những chống đối đã được đề cập đến liên quan tới việc truyền giáo ad gentes đây? Cho dù tôn trọng niềm tin và cảm nhận của tất cả mọi người, chúng ta trước hết cũng phải tỏ tường xác nhận đức tin của mình nơi Chúa Kitô, Đấng Cứu Chuộc duy nhất của loài người, một đức tin chúng ta đã lãnh nhận như một tặng ân bởi trời, chứ không phải như thành quả của công lênh riêng mình. Cùng với Thánh Phaolô chúng ta hãy nói rằng “tôi không hổ thẹn vì Phúc Âm: Phúc Âm là quyền năng của Thiên Chúa đối với phần rỗi cho những ai tin tưởng” (Rm.1:16). Các vị tử đạo Kitô giáo qua khắp mọi đời – kể cả thời của chúng ta đây – đã hiến mạng sống và tiếp tục hiến mạng sống của mình để minh chứng cho đức tin này, với niềm xác tín là, hết mọi con người đều cần đến Chúa Giêsu Kitô, Đấng đã chiến thắng tội lỗi cùng sự chết, và đã hòa giải loài người với Thiên Chúa.  
  
Xác nhận lời của mình bằng các phép lạ và bằng việc Phục Sinh từ cõi chết, Chúa Kitô công bố Người là Con Thiên Chúa, mật thiết hiệp nhất với Cha, các môn đệ của Người cũng nhận thức được như thế. Giáo Hội cung hiến cho loài người Phúc Âm, một sứ điệp ngôn sứ đáp ứng các nhu cầu cùng với các ước vọng của tâm can con người, một sứ điệp bao giờ cũng là “Tin Mừng”. Giáo Hội không thể không loan truyền việc Chúa Giêsu đã đến để tỏ cho con người thấy dung nhan của Thiên Chúa, cũng như để lập công cứu độ cho toàn thể nhân loại, bằng Thập Tự Giá và Cuộc Phục Sinh của Người.  
  
Đối với vấn nạn “tại sao lại truyền giáo?”, cùng với đức tin và kinh nghiệm của Giáo Hội, câu giải đáp của chúng ta đó là, việc giải phóng thực sự hệ tại việc mở lòng mình ra cho tình yêu của Chúa Kitô. Chúng ta được giải thoát khỏi mọi xa cách và ngờ vực, khỏi mọi thứ nô lệ cho quyền lực tội lỗi và sự chết, trong Người và chỉ trong Người mà thôi. Chúa Kitô thực sự là “bình an của chúng ta” (Eph.2:14); “tình yêu Chúa Kitô thúc đẩy chúng ta” (2Cor.5:14), ban cho đời sống chúng ta ý nghĩa và niềm vui. Truyền giáo là một vấn đề của đức tin, một chứng tỏ xác thực cho thấy niềm tin của chúng ta nơi Chúa Kitô và nơi tình Người yêu thương chúng ta.  
  
Hôm nay đây có một khuynh hướng muốn kéo Kitô giáo xuống tầm mức khôn ngoan thuần túy loài người, một ngụy khoa học về vấn đề an sinh. Trong một thế giới bị tục hóa trầm trọng của chúng ta đây vẫn đang diễn ra một “cuộc tục hóa dần dần ơn cứu chuộc”, trong việc người ta tranh đấu cho thiện ích của con người, thế nhưng, bị cắt xén, con người đã tụt xuống chiều kích hoàn toàn theo chiều ngang. Thế mà, như chúng ta đã biết, Chúa Giêsu đến để mang lại ơn cứu độ chân chính, một ơn cứu độ bao gồm trọn vẹn con người và toàn thể loài người, một ơn cứu độ mở ra một viễn ảnh tuyệt vời, hướng tới việc làm con cái thần linh. Tại sao lại truyền giáo? Bởi vì, chúng ta cũng như Thánh Phaolô “được ân sủng là để rao giảng cho Dân Ngoại các kho tàng khôn lường của Chúa Kitô” (Eph.3:8). Sự sống mới trong Chúa Kitô là một “Tin Mừng” cho con người nam nữ ở mọi thời đại: tất cả mọi người được kêu gọi đến sự sống mới này và được ấn định để thừa hưởng sự sống ấy. Thật vậy, tất cả mọi người đang tìm kiếm sự sống ấy, mặc dù có những lúc tìm kiếm bằng một đường lối lầm lẫn, và mọi người đều có quyền biết đến giá trị của tặng ân này, cũng như được tự do tiến đến với tặng ân ấy. Giáo Hội cũng như mọi người Kitô hữu ở trong Giáo Hội không được giữ kín hay độc quyền trên sự sống mới và trên kho tàng họ đã lãnh nhận bởi lòng lành Thiên Chúa là để thông truyền cho toàn thể loài người ấy.  
  
Đó là lý do tại sao việc truyền giáo của Giáo Hội phát xuất chẳng những từ lệnh Chúa truyền, mà còn từ những đòi hỏi sâu xa nơi sự sống của Thiên Chúa ở trong chúng ta nữa. Những ai được tháp nhập vào Giáo Hội Công Giáo phải cảm nhận được đặc ân này, và chính vì lý do đó, họ càng buộc phải làm chứng cho đức tin cũng như cho đời sống Kitô giáo, như là một việc phục vụ anh chị em của mình và như là một đáp ứng tương xứng với Thiên Chúa. Họ luôn luôn phải nhớ rằng, “họ có được vị trí nổi nang không phải là do công lênh của họ, mà là do ân sủng đặc biệt của Chúa Kitô; và nếu họ không đáp ứng ân sủng này trong tử tưởng, lời nói và việc làm, thì chẳng những họ sẽ không được cứu độ, họ còn bị phán xét nghiêm ngặt hơn nữa” (Công Đồng Chung Vaticanô II, Hiến Chế Tín Lý về Giáo Hội Lumen Gentium, đoạn 14).  
  
II. VƯƠNG QUỐC CỦA THIÊN CHÚA  
  
"Chính ‘Thiên Chúa, Đấng giầu lòng thương xót’ được Chúa Giêsu Kitô tỏ cho thấy như là một người Cha: Chính Con Ngài đã biểu lộ Ngài và tỏ Ngài ra cho chúng ta nơi bản thân của Người” (Thông Điệp Dives in Mesericordia, đoạn 1: loc. cit., 1177). Tôi đã viết điều này ở đầu Bức Thông Điệp Dives in Misericordia của Tôi để trình bày cho thấy rằng Chúa Kitô là mạc khải và là hiện thân của lòng thương  Chúa Cha. Ơn cứu độ ở tại việc tin tưởng và chấp nhận mầu nhiệm của Chúa Cha và mầu nhiệm tình yêu của Ngài, một mầu nhiệm được biểu lộ và ban tặng một cách tự do trong Chúa Giêsu nhờ Thần Linh. Vương Quốc của Thiên Chúa đã được hoàn tất bằng cách ấy, một Vương Quốc được sửa soạn trong Cựu Ước, được trị đến nhờ Chúa Kitô và trong Chúa Kitô, và được Giáo Hội loan truyền cho tất cả mọi dân tộc, một Giáo Hội hoạt động và nguyện cầu cho Vương Quốc này được trọn vẹn và vĩnh viễn trị đến.  
  
Cựu Ước chứng thực là Thiên Chúa đã tuyển chọn và thành hình một dân tộc cho Ngài, để mạc khải và thực thi dự án yêu thương của Ngài. Thế nhưng, đồng thời Thiên Chúa cũng là Đấng Hóa Công và là Cha của tất cả mọi dân tộc; Ngài chăm lo và cung ứng cho họ, trải rộng phúc lành của Ngài cho tất cả mọi dân nước (x. Gen 12:3); Ngài đã thiết lập giao ước với họ tất cả (x.Gen 9:1-17). Dân Yến Duyên cảm nhận được một vị Thiên Chúa cá thể và cứu độ (x. Dt 4:37, 7:6-8; Is 43:1-7), và đã trở nên nhân chứng và phát ngôn viên của Ngài cho các dân tộc. Trong giòng lịch sử của mình, dân Yến Duyên đã nhận thức rằng, việc họ được tuyển chọn có một ý nghĩa phổ quát (chẳng hạn xem Is 2:2-5, 25:6-8, 60:1-6; Jer 3:17, 16:19).  
  
Chúa Kitô hiện thực Vương Quốc Thiên Chúa  
  
13-       Chúa Giêsu Nazarét đã làm cho dự án của Thiên Chúa nên trọn. Sau khi nhận được Thánh Linh lúc chịu Phép Rửa, Chúa Giêsu đã làm sáng tỏ ơn gọi thiên sai của mình: Người đi khắp Galilêa “rao giảng Phúc Âm của Thiên Chúa mà nói: ‘Thời điểm đã trọn, Vương Quốc của Thiên Chúa đã đến; hãy ăn năn thống hối và hãy tin vào Phúc Âm” (Mk 1:14-15; x. Mt 4:17; Lk 4:43). Việc loan báo và thiết lập Vương Quốc của Thiên Chúa là mục tiêu đối với sứ mệnh của Người: “Tôi được sai đến là vì mục đích này” (Lk 4:43). Nhưng đó chưa phải là tất cả. Chúa Giêsu còn là chính “Tin Mừng” nữa, như Người tuyên bố ngay khi mở màn cho sứ vụ của Người ở hội đường Nazarét, lúc Người áp dụng vào mình những lời của tiên tri Isaia về Đấng Được Xức Dầu do Thần Linh Chúa sai đi (x. Lk 4:14-21). Vì “Tin Mừng” là Chúa Kitô, nên giữa sứ điệp và sứ giả, giữa lời nói, việc làm và con người chỉ là một. Quyền năng của Người, cái bí mật hiệu năng nơi các hoạt động của Người, có được là do Người hoàn toàn đống nhất với sứ điệp Người loan báo: Người loan báo “Tin Mừng” không phải bằng những gì Người nói hay làm, mà ở chỗ Người là.  
  
Tác vụ của Chúa Giêsu đã được trình thuật theo diễn tiến của những cuộc Người hành trình tại quê hương xứ sở của Người. Trước Phục Sinh, sứ vụ của Người nhắm vào dân Yến-Duyên. Tuy nhiên, Chúa Giêsu cũng cho thấy một yếu tố mới hết sức quan trọng. Thực tại cánh chung không tiêu biểu cho một “tận thế” xa vời, mà đã sát cận và hoạt động giữa chúng ta rồi. Vương Quốc của Thiên Chúa đã đến (x. Mk 1:15); việc vương quốc này trị đến đã được nguyện xin (x. Mt 6:10); đức tin có thể thoáng thấy được rằng vương quốc ấy đã hoạt động nơi các dấu hiệu như phép lạ (x. Mt 11:4-5) và trừ quỉ (x. Mt 12:25-28), trong việc chọn 12 Vị (x. Mk 3:13-19), cũng như trong việc loan báo Tin Mừng cho người nghèo khó (x. Lk 4:18). Việc Chúa Giêsu gặp gỡ Dân Ngoại cho thấy rõ ràng là vấn đề được vào Vương Quốc Thiên Chúa là do đức tin và do việc cải thiện đời sống (x. Mk 1:15), chứ không phải chỉ căn cứ vào chủng tộc.  
  
Vương Quốc được Chúa Giêsu khai mở là Vương Quốc của Thiên Chúa. Chính Chúa Giêsu đã mạc khải vị Thiên Chúa này là ai, Đấng mà Người thân thưa bằng một lời thân tình “Abba”, Cha (x. Mk 14:36). Thiên Chúa, như được mạc khải đặc biệt qua các dụ ngôn (x. Lk 15:3-32; Mt 20:1-16), nhậy cảm trước những nhu cầu và khổ đau của mọi người: Người là một Người Cha đầy yêu thương và thương cảm, Đấng ban ơn tha thứ và tự ý ban phát các ơn con người cầu xin cùng Ngài.  
  
Thánh Gioan nói với chúng ta rằng “Thiên Chúa là tình yêu” (1Jn 4:8,16). Bởi thế, mọi người đều được mời gọi “hối cải” và “tin tưởng” vào tình yêu nhân hậu của Thiên Chúa. Vương Quốc của Thiên Chúa sẽ phát triển ở chỗ mọi người biết trở về cùng Thiên Chúa trong nguyện cầu thân thiết với Ngài như một Người Cha (x. Lk 11:2; Mt 23:9) và nỗ lực để làm theo ý của Ngài (x. Mt 7:21).  
  
Những Đặc Tính và Đòi Hỏi của Vương Quốc Thiên Chúa  
  
14-       Chúa Giêsu dần dần mạc khải cho thấy những đặc tính và đòi hỏi của Vương Quốc Thiên Chúa, bằng lời Người nói, việc Người làm và bản thân của Người.  
  
Vương Quốc của Thiên Chúa nhắm đến toàn thể nhân loại, và tất cả mọi dân tộc đều được kêu gọi trở nên công dân của vương quốc này. Để nhấn mạnh đến sự kiện ấy, Chúa Giêsu đã đặc biệt đến gần những ai sống bên lề xã hội, và tỏ ra ưu ái loan truyền Tin Mừng cho họ. Khi bắt đầu mở màn cho tác vụ của mình, Người đã công bố rằng, Người được “xức dầu... để rao giảng tin mừng cho người nghèo khó” (Lk 4:18). Đối với tất cả những ai là nạn nhân bị  ruồng bỏ và khinh miệt, Chúa Giêsu tuyên bố: “Phúc cho người nghèo các con” (Lk 6:20). Hơn thế nữa, Người còn cho những người ấy cảm nghiệm thấy họ được giải phóng ngay lúc bấy giờ, bằng việc Người ở gần họ, đến ăn uống tại nhà của họ (x Lk 5:30, 15:2), đối xử với họ ngang vai với mình và như bạn hữu của mình (x. Lk 7:34), khiến cho họ cảm thấy họ được Thiên Chúa yêu thương, nhờ đó, Người tỏ cho họ thấy việc Thiên Chúa dịu dàng chăm sóc thành phần nghèo khó và tội nhân (x Lk 15:1-32).  
  
Việc giải phóng và ơn cứu độ từ Vương Quốc của Thiên Chúa đến với con người theo cả chiều kích thể lý cũng như tâm linh. Có hai cử chỉ nói lên đặc tính nơi sứ vụ của Chúa Giêsu, đó là chữa lành và tha thứ. Nhiều vụ chữa lành của Chúa Giêsu tỏ cho thấy rõ ràng lòng Người hết sức thương cảm đối với tình trạng thảm não của con người, nhưng chúng cũng nói lên rằng, nơi Vương Quốc của Thiên Chúa sẽ không còn bệnh tật hay khổ đau, và sứ vụ của Người, ngay từ ban đầu, là giải phóng con người khỏi những sự dữ ấy. Đối với Chúa Giêsu, các vụ chữa lành còn là dấu hiệu cứu độ về tâm linh nữa, tức là dấu hiệu của việc giải phóng khỏi tội lỗi. Bằng việc chữa lành, Người mời gọi con người tin tưởng, hoán cải và xin ơn tha thứ (x. Lk 5:24). Một khi đã tin tưởng, thì việc chữa lành lại là một thôi thúc tiến xa hơn nữa: nó dẫn đến ơn cứu độ (x. Lk 18:42-43). Những vụ giải thoát cho khỏi bị quỉ ám – là sự dữ trên hết và là biểu hiệu cho tội lỗi cũng như cho việc phản chống Thiên Chúa – là những dấu hiệu thật sự cho thấy “Vương Quốc của Thiên Chúa đã đến với các người” (Mt 12:28).  
  
15-       Vương Quốc của Thiên Chúa nhắm đến việc biến đổi các mối liên hệ loài người; Vương Quốc này dần dần phát triển ở chỗ con người từ từ biết yêu thương, tha thứ và phục vụ nhau. Chúa Giêsu tóm tắt cả Lề Luật bằng việc tập trung vào giới răn yêu thương (x. Mt 22:34-40; Lk 10:25-28): “Các con hãy yêu thương nhau như Thày đã yêu thương các con” (Jn 13:34, x.15:12). Tình Chúa Giêsu yêu thương nhân loại được bộc lộ đến tuyệt đỉnh ở chỗ Người hiến mạng sống mình vì nhân loại (x. Jn 15:13), một tình yêu cho thấy Chúa Cha yêu thương thế gian (x. Jn 3:16). Bởi thế, bản chất của Vương Quốc Thiên Chúa là một bản chất hiệp thông tất cả loài người – hiệp thông với nhau cũng như với Thiên Chúa.  
  
Vương Quốc của Thiên Chúa là một mối bận tâm của mọi người: cá nhân, xã hội và thế giới. Hoạt động cho Vương Quốc này tức là nhìn nhận và đề cao hoạt động của Thiên Chúa đang hiện diện trong lịch sử loài người và biến đổi lịch sử loài người. Xây dựng Vương Quốc này tức là hoạt động để giải phóng con người khỏi tất cả mọi hình thức của sự dữ. Tóm lại, Vương Quốc của Thiên Chúa là trọn vẹn dự án cứu độ của Thiên Chúa được biểu lộ và hiện thực.  
  
Nơi Chúa Kitô Vương Quốc Thiên Chúa được Hoàn Tất và Loan Báo  
  
16-       Bằng việc phục sinh Chúa Giêsu từ trong kẻ chết, Thiên Chúa đã chiến thắng sự chết, và nơi Chúa Giêsu, Ngài đã vĩnh viễn mở màn cho Vương Quốc của Ngài. Trong cuộc sống trần gian của mình, Chúa Giêsu là Vị Tiên Tri của Vương Quốc này; sau cuộc Khổ Nạn, Phục Sinh và Thăng Thiên, Người thông dự vào quyền lực của Thiên Chúa cũng như vào quyền thống trị thế gian với Thiên Chúa (x. Mt 28:18; Acts 2:36; Eph 1:18-21). Cuộc Phục Sinh làm cho sứ điệp của Chúa Kitô, hành động của Người, cũng như toàn thể sứ vụ của Người có một chiều hướng phổ quát đại đồng. Các môn đệ của Người nhận ra rằng, Vương Quốc của Thiên Chúa đã hiện diện nơi con người Chúa Giêsu, và đang từ từ được thiết lập trong con người cũng như trong thế giới qua mối giây liên kết mầu nhiệm với Người.   
  
Thật vậy, sau Cuộc Phục Sinh, các môn đệ của Chúa Kitô đã rao giảng Vương Quốc này bằng việc loan truyền Chúa Giêsu Tử Giá và Phục Sinh từ trong cõi chết. Ở Samaria, Thánh Philiphê “đã rao giảng tin mừng về Vương Quốc của Thiên Chúa và danh của Chúa Giêsu Kitô” (Acts 8:12). Ở Rôma, chúng ta thấy Thánh Phaolô “rao giảng Vương Quốc của Thiên Chúa và dạy dỗ về Chúa Giêsu Kitô” (Acts 28:31). Các Kitô hữu tiên khởi cũng loan báo về “Vương Quốc của Chúa Kitô và của Thiên Chúa” (Eph 5:5; x. Rev 11:15, 12:10), hay về “Vương Quốc của Đức Giêsu Kitô là Chúa và là Đấng Cứu Độ của chúng ta” (1Pt 1:11). Việc giảng dạy của Giáo Hội sơ khai tập trung vào việc loan truyền về Chúa Giêsu Kitô là Đấng được đồng hóa với Vương Quốc Thiên Chúa. Bởi thế cho nên cần phải liên kết việc loan báo Vương Quốc của Thiên Chúa (nội dung của “lời rao giảng tiên khởi” của Chúa Giêsu) với việc loan báo biến cố về Chúa Kitô (“lời rao giảng tiên khởi” của các Tông Đồ) với nhau. Hai việc loan báo này bổ xung cho nhau; làm cho nhau nên sáng tỏ.  
Vương Quốc Thiên Chúa Liên Hệ với Chúa Kitô và Giáo Hội  
  
17-       Ngày nay người ta hay nói đến Vương Quốc này, nhưng không luôn luôn theo chiều hướng thiên về việc nghĩ đến Giáo Hội. Thật vậy, có những ý nghĩ về ơn cứu độ và về việc truyền giáo, có thể được gọi là “đặt trọng tâm vào nhân loại học”, đã làm giảm mất ý nghĩa của từ ngữ, vì những ý nghĩ ấy chú trọng đến những nhu cầu trần thế. Theo quan điểm này, Vương Quốc của Thiên Chúa có khuynh hướng trở thành một điều gì đó hoàn toàn nhân bản và tục hóa; cái có giá trị chỉ là những dự án và việc đấu tranh giải phóng về phương diện kinh tế xã hội, chính trị và ngay cả văn hóa trong chiều hướng dính liền với siêu việt tính. Cả ở mức độ này đi nữa, người ta cũng thấy được rằng có những giá trị được đề cao, tuy nhiên, quan niệm ấy vẫn nằm trong phạm trù của một vương quốc nhân loại, thiếu mất các chiều kích chuyên chính và sâu xa của nó. Một quan niệm như vậy sẽ dễ dàng biến thành một quan niệm thiên về ý thức hệ thuần túy trong lãnh vực tiến bộ trần thế. Trong khi đó, Vương Quốc của Thiên Chúa lại “không thuộc về thế gian này... không bởi thế gian này” (Jn 18:36).  
  
Cũng có những quan niệm cố ý nhấn mạnh đến Vương Quốc này và cho thấy đó là những quan niệm lấy “Vương Quốc của Thiên Chúa làm chính”. Họ chú trọng tới hình ảnh của một Giáo Hội không quan tâm gì đến bản thân mình, mà chỉ hoàn toàn lo việc làm chứng và phụng sự Vương Quốc này. Đó là một “Giáo Hội sống cho người khác”, giống như Chúa Kitô là “con người sống cho kẻ khác” vậy. Công việc của Giáo Hội, theo họ cho thấy, như thể đã tiến theo hai chiều hướng: một chiều hướng đề cao những giá trị về Vương Quốc của Thiên Chúa”, như hòa bình, công lý, tự do, tình huynh đệ v.v., còn chiều hướng kia là việc phát động vấn đề đối thoại giữa các dân tộc, văn hóa và tôn giáo, để nhờ việc làm cho nhau nên phong phú này, những giá trị ấy có thể giúp vào việc canh tân thế giới và giúp cho thế giới tiến đến gần Vương Quốc của Thiên Chúa hơn nữa.  
  
Song song với những khía cạnh tích cực, những quan niệm này cũng thường để lộ ra cho thấy cả những khía cạnh tiêu cực nữa. Khía cạnh tiêu cực thứ nhất, đó là việc họ không nói gì đến Chúa Kitô hết: Vương Quốc họ nói đến được căn cứ “chủ yếu theo thần học”, bởi vì, theo họ, Đức Kitô là Đấng không thể nào hiểu nổi đối với những người thiếu đức tin Kitô giáo, trong khi đó, các dân tộc khác, các nền văn hóa khác và các tôn giáo khác lại có thể gặp nhau nơi cùng một thực tại thần linh duy nhất, được gọi bằng một danh xưng nào đó. Cùng một lý do ấy, họ nhấn thật mạnh đến mầu nhiệm tạo dựng, một mầu nhiệm được phản ảnh nơi tính cách đa diện của các văn hóa và niềm tin, trong khi đó, họ không đếm xỉa gì tới mầu nhiệm cứu chuộc cả. Ngoài ra, theo họ hiểu, nơi Vương Quốc của Thiên Chúa, vai trò của Giáo Hội không có là bao nhiêu, hay chẳng có giá trị gì mấy so với “khuynh hướng lấy giáo hội làm chính” xưa kia, đối với họ, chính Giáo Hội chỉ là một dấu chỉ, mà đã là một dấu chỉ thì không thể nào tránh khỏi tính cách mập mờ.  
  
18-       Đó không phải là Vương Quốc của Thiên Chúa như Mạc Khải đã tỏ cho chúng ta biết. Vương Quốc này không thể nào tách lìa với Chúa Kitô hay với Giáo Hội.  
  
Như đã nói tới, Chúa Kitô chẳng những loan báo về Vương Quốc này, mà chính Vương Quốc này còn được thể hiện và nên trọn nơi Người nữa. Điều này xẩy ra chẳng những qua lời Người nói và việc Người làm: “Trên hết, ... Vương Quốc này được biểu lộ nơi chính con người của Đức Kitô, Con Thiên Chúa cũng là Con Người, Đấng đến ‘để phục vụ và hiến mạng sống làm giá chuộc cho nhiều người’ (Mk 10:45)” (Công Đồng Chung Vaticanô II, Hiến Chế Tín Lý về Giáo Hội Lumen Gentium, đoạn 5). Vương Quốc của Thiên Chúa không phải là một quan niệm, một tín lý hay là một hoạch định muốn cắt nghĩa sao cũng được, mà trước hết là một con người, dưới dung nhan và danh xưng Giêsu Nazarét, hình ảnh của Thiên Chúa vô hình (Công Đồng Chung Vaticanô II, Hiến Chế Mạc Vụ về Giáo Hội trong Thế Giới Ngày Nay, Gaudium et Spes, đoạn 22). Nếu Vương Quốc này tách khỏi Chúa Giêsu sẽ không còn là Vương Quốc của Thiên Chúa như Người mạc khải nữa. Hậu quả sẽ là việc làm mất đi ý nghĩa về Vương Quốc này, một vương quốc có thể bị biến đổi thành mục tiêu thuần nhân loại hay mục tiêu theo ý thức hệ, và hậu quả cũng còn là hình ảnh méo mó về căn tính của Chúa Kitô, Đấng không còn là Vị Chúa một ngày kia sẽ làm chủ tất cả mọi sự nữa (x. 1Cor 15:27).  
  
Cũng thế, người ta không được phép tách Vương Quốc Thiên Chúa khỏi Giáo Hội. Đúng thế, Giáo Hội không phải là cùng đích của chính mình, vì Giáo Hội phải hướng về Vương Quốc của Thiên Chúa mà Giáo Hội là hạt mầm, là dấu chỉ và là dụng cụ. Tuy nhiên, dù biệt lập khỏi Chúa Kitô và Vương Quốc này, Giáo Hội cũng phải liên kết bất khả phân ly với cả Chúa Kitô và Vương Quốc Thiên Chúa. Chúa Kitô đã ban cho Giáo Hội là Thân Thể của Người tất cả các ơn ích và phương tiện cứu độ. Chúa Thánh Thần ngự trong Giáo Hội, làm cho Giáo Hội sống động bằng các tặng ân và đặc sủng của Ngài, thánh hóa, dẫn dắt và không ngừng canh tân Giáo Hội (Công Đồng Chung Vaticanô II, Hiến Chế Tín Lý về Giáo Hội Lumen Gentium, đoạn 4). Bởi thế mới có một mối liên hệ duy nhất và đặc biệt, trong đó bao gồm cả tác động của Chúa Kitô và của Thần Linh thực hiện ở bên ngoài giới hạn hữu hình của Giáo Hội, mối liên hệ làm cho Giáo Hội đóng một vai trò chuyên biệt và cần thiết; vì mối liên hệ đặc biệt với Vương Quốc của Thiên Chúa cũng như với Vương Quốc của Chúa Kitô này mà Giáo Hội có “sứ mệnh loan truyền và khai mở Vương Quốc của Thiên Chúa cũng như  Vương Quốc của Chúa Kitô nơi mọi dân nước” (ibid. 5).  
  
19-       Thực tại của Vương Quốc này phải được hiểu theo quan điểm toàn diện ấy. Vương Quốc của Thiên Chúa chắn chắn cần phải đề cao các giá trị nhân bản cũng như những giá trị đáng gọi là “của phúc âm”, vì chúng gắn liền với “Tin Mừng”. Thế nhưng, việc đề cao hằng được Giáo Hội ôm ấp này không được tách khỏi hay phản lại với những công việc khác, như việc loan báo Chúa Kitô và Phúc Âm của Người, cũng như việc thiết lập và xây dựng những cộng đồng là những gì làm hiện thực và linh hoạt hình ảnh sống động của Vương Quốc ấy. Người ta bởi thế không nên sợ bị rơi vào một hình thức “lấy giáo hội làm chính”. Đức Giáo Hoàng Phaolô VI, vị đã xác nhận có “một mối liên kết sâu xa giữa Chúa Kitô, Giáo Hội và việc truyền bá phúc âm hóa” (Tông Huấn Evangelii Nuntiandi, đoạn 16: loc. cit., 15), cũng là vị nói rằng, Giáo Hội “không lấy chính mình làm cùng đích, mà chỉ hết lòng lo sao cho mình được hoàn toàn thuộc về Chúa Kitô, ở trong Chúa Kitô và sống cho Chúa Kitô, cũng như hoàn toàn thuộc về con người, ở giữa con người và sống cho con người” (Diễn Từ khai mạc Khóa Ba Công Đồng Chung Vaticanô II ngày 14-9-1964: AAS 56 – 1964 – 810).  
  
Giáo Hội Phục Vụ Vương Quốc Thiên Chúa  
  
20-       Giáo Hội phục vụ Vương Quốc của Thiên Chúa một cách hiệu nghiệm và cụ thể. Điều này được thấy đặc biệt nơi việc Giáo Hội giảng dạy, đó là lời mời gọi cải hối. Việc rao giảng là việc đầu tiên và căn bản Giáo Hội làm để Vương Quốc này được trị đến nơi cá nhân cũng như nơi xã hội loài người. Ơn cứu độ cánh chung được bắt đầu ngay từ bây giờ ở nơi sự sống mới trong Chúa Kitô: “Những ai tin tưởng vào Người, những ai tin vào danh Người thì Người ban cho họ khả năng trở nên con cái của Thiên Chúa” (Jn 1:12).  
  
Giáo Hội bởi thế mới phục vụ Vương Quốc của Thiên Chúa, bằng việc thiết lập các cộng đồng và đặt nền móng cho các Giáo Hội tân lập riêng, cũng như bằng việc hướng dẫn các Giáo Hội mới này tới một đức tin và đức ái trưởng thành hướng đến người khác, trong việc phục vụ cá nhân cùng xã hội, và trong việc hiểu biết cùng tôn trọng những cơ cấu tổ chức của loài người.  
  
Giáo Hội phục vụ Vương Quốc của Thiên Chúa bằng việc lan truyền khắp thế giới “các giá trị Phúc Âm”, là biểu hiện Vương Quốc này và là những gì giúp cho con người chấp nhận dự án của Thiên Chúa. Thực tại sơ khởi về Vương Quốc Thiên Chúa thật sự cũng có thể được thấy bên ngoài giới hạn của Giáo Hội, ở các dân tộc khắp nơi, qua việc họ sống “các giá trị Phúc Âm” và cởi mở trước hoạt động của Thần Linh, Đấng thổi lúc nào và ở đâu tùy ý của Ngài (x. Jn 3:8). Thế nhưng, phải nói ngay là, chiều kích tạm thời này của Vương Quốc Thiên Chúa vẫn bất toàn cho tới khi được liên hệ với Vương Quốc của Chúa Kitô hiện diện nơi Giáo Hội và vươn tới tầm mức viên trọn cánh chung (xem ĐTC Phaolô VI, Tông Huấn Evangelii Nuntandi, đoạn 34: loc. cit., 28).  
  
Nhiều chiều kích của Vương Quốc Thiên Chúa (xem Ủy Ban Thần Học Thế Giới, Các Đề Tài Giáo Hội Học Chọn Lọc vào Dịp Kỷ Niệm 20 Năm Kết Thúc Công Đồng Chung Vaticanô II, ngày 7-12-1985, đoạn 10: “The Eschatological Character of the Church: Kingdom and Church”) cũng không làm suy yếu các nền tảng và mục đích của hoạt động truyền giáo, trái lại, còn làm kiên cường và nới rộng các hoạt động này nữa. Giáo Hội là một bí tích cứu độ của toàn thể nhân loại, và hoạt động của Giáo Hội không chỉ hạn hẹp nơi thành phần chấp nhận sứ điệp của Giáo Hội mà thôi. Giáo Hội là một năng động trong việc nhân loại hành trình tiến về chung cuộc của Vương Quốc Thiên Chúa, là dấu chỉ và là cổ động viên cho các giá trị Phúc Âm (Công Đồng Chung Vaticanô II, Hiến Chế Mạc Vụ về Giáo Hội trong Thế Giới Ngày Nay, Gaudium et Spes, đoạn 39). Giáo Hội đóng góp vào việc loài người lữ hành trở về cùng dự án của Thiên Chúa qua chứng từ của mình, cũng như qua các hoạt động, như đối thoại, đề cao nhân bản, dấn thân cho công lý và hòa bình, cho việc giáo dục con người và việc chăm sóc bệnh nhân, cho việc trợ giúp người nghèo và trẻ em. Tuy nhiên, khi thực hiện những hoạt động này, Giáo Hội bao giờ cũng đặt ưu tiên cho những thực tại siêu việt và linh thiêng là những cơ bản của việc cứu độ cánh chung.  
  
Sau hết, Giáo Hội phục vụ Vương Quốc của Thiên Chúa bằng việc chuyển cầu của mình, vì Vương Quốc này, tự bản chất, là tặng ân và là việc làm của Thiên Chúa, như các dụ ngôn trong Phúc Âm cũng như lời kinh Chúa Giêsu dạy nhắc nhở chúng ta. Chúng ta phải cầu xin cho được Vương Quốc này, đón nhận Vương Quốc này và làm cho Vương Quốc này lớn lên trong chúng ta; thế nhưng, chúng ta cũng phải cùng nhau hoạt động để Vương Quốc này được đón nhận và phát triển nơi tất cả mọi dân nước, cho đến lúc Chúa Kitô “trao về cho Thiên Chúa là Cha Vương Quốc này” để “Thiên Chúa là tất cả trong mọi sự” (x. 1Cor 15:24,28).  
  
III. THÁNH LINH LÀ TÁC NHÂN CHÍNH CỦA VIỆC TRUYỀN GIÁO  
  
"Vào lúc tuyệt đỉnh sứ vụ thiên sai của Chúa Giêsu, Chúa Thánh Thần đã tỏ mình ra nơi Mầu Nhiệm Vượt Qua bằng tất cả chủ thể thần linh của mình: như là một Đấng đang tiếp tục công việc cứu độ được bắt đầu nơi hy tế Thập Giá. Thực ra, Chúa Giêsu đã trao phó cho loài người công việc này, tức cho các vị Tông Đồ, cho Giáo Hội. Tuy nhiên, Chúa Thánh Thần vẫn là tác nhân siêu việt và chính yếu nơi các Vị và qua các Vị trong vấn đề hoàn thành công việc ấy, trong tâm linh nhân loại cũng như trong lịch sử thế giới” (Thông Điệp Dominum et Vivificantem – ngày 18/5/1986 – đoạn 42: AAS 78 – 1986 – 857).  
  
Chúa Thánh Thần thực sự là tác nhân chính yếu cho toàn thể sứ vụ truyền giáo của Giáo Hội. Tác động của Ngài nổi bật trong việc truyền giáo ad gentes, như chúng ta đã thấy nơi Giáo Hội sơ khai: như trường hợp trở lại của gia đình Cornêliô (x. Acts 10), trường hợp giải quyết các rắc rối xẩy ra (x. Acts 15), trường hợp chọn lựa các vùng cũng như các dân để truyền bá phúc âm hóa (x. Acts 16:6ff). Thần Linh đã làm việc qua các Vị Tông Đồ, thế nhưng, Ngài cũng đồng thời tác động cả nơi những ai nghe các Vị nói nữa: “Nhờ tác động của Ngài, Tin Mừng được hình thành nơi tâm trí con người và được lan truyền qua giòng lịch sử. Chính Thánh Linh là Đấng ban sự sống đã làm việc này” (Ibid., đoạn 64: loc. cit., 892).  
  
Được Sai Đi “Đến Tận Cùng Trái Đất”  
  
22-       Tất cả các Thánh Ký, khi trình thuật về việc Chúa Kitô Phục Sinh gặp gỡ các Tông Đồ của Người, đều kết luận bằng một “lệnh truyền giáo”: “Thày được toàn quyền trên trời dưới đất. Vậy các con hãy đi tuyển mộ các môn đồ nơi mọi dân nước, ... này đây, Thày ở cùng các con luôn mãi cho đến tận thế” (Mt 28:18-20; x. Mk. 16:15-18; Lk 24:46-49; Jn 20:21-23).  
  
Đó là một việc sai Thần Linh đến, như rõ ràng thấy trong Phúc Âm Thánh Gioan: Chúa Kitô đã sai những người của mình vào thế gian, như Cha đã sai Người, bởi vậy mà Người đã ban Thần Linh cho các vị. Về phần mình, Thánh Luca nối kết chặt chẽ giữa việc các Vị Tông Đồ phải làm chứng cho Chúa Kitô với hoạt động của Thần Linh, Đấng giúp các vị hoàn thành mệnh lệnh truyền giáo mà các vị đã lãnh nhận.  
  
23-    Những câu Phúc Âm khác nhau về “lệnh truyền giáo” đều chất chứa những yếu tố chung cũng như những đặc tính thích hợp với nhau. Tuy nhiên, có hai yếu tố ở trong tất cả các câu Phúc Âm này. Yếu tố thứ nhất, có một chiều kích phổ quát đại đồng nơi công việc được trao phó cho các Vị Tông Đồ, thành phần được sai đến với “tất cả mọi dân nước” (Mt 28:19); được sai “đi khắp thế giới ... cho mọi tạo vật” (Mk 16:15); được sai đến với “mọi dân nước” (Lk 24:47); “cho tới tận cùng trái đất” (Acts 1:8). Yếu tố thứ hai, đó là lời Chúa bảo đảm với các Vị Tông Đồ rằng các Vị sẽ không đơn độc làm việc này một mình, song các Vị sẽ nhận được sức mạnh và phương tiện cần thiết để thực hiện sứ vụ của các Vị. Điều muốn nói đến ở đây là việc hiện diện và quyền năng của Thần Linh cùng với ơn trợ giúp của chính Chúa Giêsu: “Thế rồi các Vị ra đi rao giảng khắp nơi, có Chúa cùng làm việc với các Vị” (Mk 16:20).  
  
Đối với những điểm nhấn mạnh khác nhau nơi mỗi bản văn Phúc Âm, Thánh Marcô cho thấy truyền giáo như là việc loan báo hay là việc rao giảng tiên khởi: “Các con hãy rao giảng Phúc Âm” (Mk 16:15). Mục đích của Người là dẫn thính giả đến việc lập lại lời tuyên xưng đức tin của Thánh Phêrô: “Thày là Đức Kitô” (Mk 8:29), cũng như đến việc tuyên xưng như viên đại đội trưởng Rôma khi đứng trước thân xác của Chúa Giêsu trên Thập Giá: “Người này thực là Con Thiên Chúa!” (Mk 15:39). Nơi Phúc Âm Thánh Mathêu, việc truyền giáo được đặt nặng trên nền tảng Giáo Hội và căn cứ vào Giáo Huấn của Giáo Hội (x. Mt 28:19-20; 16:18). Theo Người, lệnh truyền giáo nói lên rằng việc loan truyền Phúc Âm cần phải được hoàn tất bằng việc đặc biệt dạy giáo lý về giáo hội và về các bí tích. Nơi Phúc Âm Thánh Luca, việc truyền giáo được cho thấy như là một việc làm chứng (x. Lk 24:48; Acts 1:8), đặc biệt làm chứng cho Biến Cố Phục Sinh (x. Acts 1:22). Nhà truyền giáo được mời gọi tin tưởng vào quyền năng biến đổi của Phúc Âm, cũng như được mời gọi để loan báo điều Thánh Luca trình bày rất khéo, đó là loan báo việc trở về với tình yêu và lòng thương xót của Thiên Chúa, một cảm nghiệm thấy  mình hoàn toàn được giải phóng khỏi căn gốc của mọi sự dữ là tội lỗi.  
  
Thánh Gioan là Thánh Ký duy nhất minh nhiên nói về “lệnh truyền”, một chữ tương đương với “sứ vụ”. Thánh Ký trực tiếp liên kết sứ vụ Chúa Giêsu ủy thác cho các môn đệ của Người với sứ vụ chính Người đã lãnh nhận từ Cha: “Như Cha đã sai Thày thế nào Thày cũng sai các con như vậy” (Jn 20:21). Khi thân thưa cùng Cha của mình, Chúa Giêsu nói: “Như Cha đã sai Con vào thế gian thế nào, Con cũng sai họ vào thế giới như vậy” (Jn 17:18). Tất cả ý nghĩa về việc truyền giáo nơi Phúc Âm Thánh Gioan đều được diễn tả trong “lời cầu tư tế”: “Sự sống đời đời là thế này, đó là nhận biết Cha là Thiên Chúa chân thật duy nhất và Chúa Giêsu Kitô là Đấng Cha sai” (Jn 17:3). Mục đích tối hậu của việc truyền giáo là giúp cho con người được thông phần vào mối hiệp thông giữa Cha và Con. Các môn đệ phải sống hiệp nhất với nhau, khi ở lại trong Cha và Con, để làm cho thế giới nhận biết và tin tưởng (x. Jn 17:21-23). Đây là một bản văn về truyền giáo rất quan trọng. Bản văn này làm cho chúng ta hiểu rằng, chúng ta là các nhà truyền giáo trước hết bởi cái chúng ta là, là một Giáo Hội với sự sống nội tại hiệp nhất trong yêu thương, ngay trước cả khi chúng ta trở nên những nhà truyền giáo bằng lời nói hay việc làm.  
  
Vì thế, bốn Phúc Âm đều làm chứng cho thấy tính cách đa dạng nào đó trong mối hiệp nhất căn bản của cùng một sứ vụ, một tính cách đa dạng phản ảnh những cảm nghiệm và trường hợp khác nhau nơi các cộng đồng Kitô giáo tiên khởi. Tính cách đa dạng này cũng là kết quả bởi lực đẩy của chính Thần Linh; tính cách đa dạng này khuyến khích chúng ta chú trọng tới những gì khác nhau nơi các đặc sủng truyền giáo cũng như tới những gì khác nhau nơi các hoàn cảnh và dân tộc. Tuy nhiên, Thánh Ký nào cũng nhấn mạnh là sứ vụ của các môn đệ là sứ vụ cộng tác vào sứ vụ của Chúa Kitô: “Này đây Thày ở cùng các con luôn mãi cho đến tận thế” (Mt 28:20). Thế nên, việc truyền giáo không do bởi khả năng của con người mà do bởi quyền năng của Chúa Phục Sinh.  
  
Thần Linh Hướng Dẫn Việc Truyền Giáo của Giáo Hội  
  
24-       Sứ vụ của Giáo Hội, giống như sứ vụ của Chúa Kitô, là việc của Thiên Chúa làm, hay như Thánh Luca thường nói, là việc của Thần Linh làm. Sau khi Chúa Giêsu Phục Sinh và Thăng Thiên, các Vị Tông Đồ cảm thấy có một mãnh lực làm biến đổi các vị, đó là cảm nghiệm Thánh Thần Hiện Xuống. Việc Chúa Thánh Thần hiện xuống làm cho các vị trở thành những chứng nhân và tiên tri (x. Acts 1:8, 2:17-18). Biến cố này khiến cho các vị đầy những dũng lực can trường, thúc đẩy các vị truyền sang cho các người khác cảm nghiệm của mình về Chúa Giêsu và về niềm hy vọng kích động các vị. Thần Linh ban cho các vị khả năng làm chứng cho Chúa Giêsu một cách “kiên cường” (chữ Hy Lạp “parrhesia” cũng có nghĩa là nhiệt liệt hay hăng say; xem Acts 2:29, 4:13,29,31, 9:27-28, 13:46, 14:3, 18:26, 19:8,26, 28:31).  
  
Khi những nhà truyền bá phúc âm hóa tiên khởi từ Giêrusalem ra đi, thì Thần Linh lại càng trở thành một “vị chỉ đạo”, giúp họ chọn lựa về thành phần họ phải đi tới và cả những nơi họ cần phải thực hiện cuộc hành trình của mình. Hoạt động của Thần Linh được biểu lộ đặc biệt nơi tác lực thúc đẩy để thực hiện việc truyền giáo, một việc truyền giáo, theo lời của Chúa Kitô, trải rộng từ Giêrusalem đến khắp Giuđêa và Samaria, cho tới tận cùng trái đất.  
  
Sách Tông Vụ ghi nhận sáu bản tóm tắt về “những bài diễn giảng truyền giáo” được ngỏ cùng các người Do Thái trong thời gian Giáo Hội phôi thai (x. Acts 2:22-39, 3:12-26, 4:9-12, 5:29-32, 10:34-43, 13:16-41). Những bài giảng mẫu này được Thánh Phêrô và Phaolô phát ngôn, loan báo Chúa Giêsu và mời gọi những người nghe hãy “cải hối”, tức là mời gọi họ hãy lấy đức tin chấp nhận Chúa Giêsu và hãy để cho Thần Linh biến đổi họ trong Người.  
  
Thánh Phaolô và Banabê được Thần Linh thúc đẩy đi đến với Dân Ngoại (x. Acts 13:46-48), một việc phát triển không phải là không có những căng thẳng và rắc rối. Làm sao những người Dân Ngoại này có thể sống niềm tin của mình vào Chúa Giêsu được? Họ có buộc phải tuân giữ các truyền thống Giuđa và luật cắt bì chăng? Ở Công Đồng Chung đầu tiên, một công đồng qui tụ những phần tử từ các Giáo Hội khác nhau lại họp với các Vị Tông Đồ ở Giêrusalem, vấn đề đã được giải quyết, một giải quyết được công nhận do Thần Linh soi sáng, đó là quyết định Dân Ngoại không cần phải giữ Luật Do Thái để trở thành Kitô hữu (x. Acts 15:5-11,28). Từ đó trở đi, Giáo Hội mở cửa ra, trở thành nhà cho tất cả mọi người được vào, một nhà ai cũng cảm thấy thân tình, trong khi đó họ vẫn sống theo văn hóa và những tập tục riêng của họ, nếu những điều này không trái với Phúc Âm.  
  
25-       Các nhà truyền giáo tiếp tục đi con đường này, ở chỗ để ý đến các niềm hy vọng và ước mong của con người, để ý tới nỗi buồn thương và đau khổ của họ, cũng như đến văn hóa của họ, để loan báo cho họ ơn cứu độ nơi Chúa Kitô. Những bài diễn giảng ở Lystra và Nhã Điển (x. Acts 14:15-17, 17:22-31) được công nhận như những mẫu rao giảng đối với việc truyền bá phúc âm hóa cho Dân Ngoại. Trong hai bài diễn giảng này, Thánh Phaolô đi vào vấn đề “đối thoại” với các giá trị về văn hóa và tôn giáo của các dân nước khác nhau. Đối với dân Lycaoniô, một dân theo đạo thiên nhiên, thánh nhân chia sẻ các cảm nghiệm liên quan đến vũ trụ vạn vật. Đối với những người Hy Lạp, thánh nhân bàn đến triết lý và trích dẫn lời các thi sĩ của họ nói (x. Acts 17:18,26-28). Vị Thiên Chúa Thánh Phaolô muốn tỏ cho thấy đã hiện diện nơi đời sống của họ; thật vậy, Vị Thiên Chúa này đã tạo dựng nên họ và đang mầu nhiệm hướng dẫn các quốc gia và lịch sử. Thế nhưng, nếu họ nhận biết Vị Thiên Chúa chân thật ấy, họ phải loại trừ các thần giả tạo do họ làm nên, và phải hướng về Đấng được Thiên Chúa sai đến để chữa trị tình trạng vô tri của họ cũng như để làm thỏa nguyện các ước vọng của cõi lòng họ. Đó là những bài diễn giảng mẫu mực cho việc Phúc Âm hội nhập văn hóa.  
  
Theo Thần Linh thúc đẩy, đức tin Kitô giáo cuối cùng đã hướng tới các “dân nước”. Chứng từ cho Chúa Kitô vươn tới những trung tâm quan trọng nhất ở vùng phía đông Địa Trung Hải rồi tới Rôma cũng như tới các miền xa ở Phía Tây. Chính Thần Linh là nguồn mạch thúc đẩy thực hiện một cuộc truyền giáo thực sự đại đồng này, chẳng những về địa dư mà còn vượt ra ngoài cả chủng tộc và tôn giáo.  
  
Thánh Linh Khiến Toàn Thể Giáo Hội Thành Truyền Giáo  
  
26-       Thần Linh đưa nhóm tín hữu đến việc “thành lập một cộng đồng”, trở thành một Giáo Hội. Sau bài giảng tiên khởi của Thánh Phêrô vào ngày Lễ Ngũ Tuần làm cho nhiều người trở lại thì việc thành hình một cộng đồng đầu tiên đã xẩy ra (x. Acts 2:42-47, 4:32-35).  
  
Một trong những mục đích chính của việc truyền giáo đó là qui tụ người ta lại với nhau trong việc nghe lời Phúc Âm, trong mối hiệp thông huynh đệ, trong nguyện cầu và trong việc cử hành Thánh Thể. Sống trong “mối hiệp thông huynh đệ” (koinonia) tức là trở nên “một lòng một trí” (Acts 4:32), bằng cách kiến tạo mối thông giao ở mọi quan điểm về nhân bản, tâm linh và thể chất. Thật vậy, một cộng đồng Kitô giáo đích thực cũng thực hiện cả việc phân phối các sản vật trần thế nữa, để không ai bị túng thiếu, và để tất cả có thể nhận được những sản vật này “tùy theo nhu cầu của mình” (x. Acts 2:45, 4:35). Các cộng đồng đầu tiên, được cấu tạo nên bởi “các tấm lòng hân hoan và quảng đại” (Acts 2:46), đều là các cộng đồng cởi mở và truyền giáo, ở chỗ họ được “thiện cảm với mọi người” (Acts 2:47). Ngay trước khi bắt tay vào việc thì truyền giáo đã có nghĩa là làm chứng và là lối sống sáng soi cho người khác rồi vậy (Xem ĐTC Phaolô VI, Tông Huấn Evangelii Nuntiandi, đoạn 41-42: loc. cit., 31-33).  
  
27-       Sách Tông Vụ cho thấy là việc truyền giáo, một việc trước hết hướng đến dân Yến-Duyên, rồi sau đó mới tới Dân Ngoại, được phát triển ở nhiều cấp độ. Trước hết và trên hết là nhóm 12 Vị do Thánh Phêrô lãnh đạo như một khối duy nhất để loan truyền Phúc Âm. Rồi tới một cộng đồng tín hữu, theo cách sống và hoạt động của mình, làm chứng cho Chúa và hoán cải Dân Ngoại (x. Acts 2:46-47). Sau đó có những nhóm sứ giả đặc biệt được sai đi loan truyền Phúc Âm. Bởi thế, cộng đồng Kitô hữu ở Antiôkia mới sai các phần tử của mình đi truyền giáo; đang khi ăn chay, cầu nguyện và cử hành Thánh Thể, cộng đồng nhận ra Thần Linh đã chọn “sai đi” (x. Acts 13:1-4) Phaolô và Banabê. Thế nên, theo nguồn gốc của mình, truyền giáo được coi như là một việc dấn thân của cộng đồng, một trách nhiệm của Giáo Hội địa phương, một Giáo Hội cần đến “các nhà truyền giáo” để tiến tới những giới tuyến mới. Sánh vai với những người được sai đi còn có những người khác nữa, thành phần làm chứng một cách tự nhiên cho sự sống mới, một sự sống đã biến đổi cuộc đời của họ, cũng là thành phần sau này tạo nên mối liên kết giữa các cộng đồng đang nẩy nở với Giáo Hội Tông Truyền.  
  
Việc đọc Sách Tông Vụ giúp chúng ta nhận ra là, ở vào thuở ban đầu của Giáo Hội, việc truyền giáo ad gentes, trong khi có những nhà truyền giáo hiến “cả đời sống” cho ơn gọi đặc biệt này, thì thật sự đã được coi là hoa trái tự nhiên của đời sống Kitô hữu, một hoa trái mà mọi tín hữu phải thực hiện bằng chứng từ của tác hành cá nhân, cũng như bằng việc loan truyền Phúc Âm khi nào có thể.  
  
Thần Linh Hiện Diện và Sinh Động ở Mọi Nơi và Mọi Lúc  
  
28-       Thần Linh tỏ mình một cách đặc biệt trong Giáo Hội cũng như nơi các phần thể của Giáo Hội. Tuy nhiên, việc hiện diện và hoạt động của Ngài có tính cách phổ quát, không bị giới hạn bởi không gian và thời gian (xem Thông Điệp Dominum et Vivificantem, đoạn 53: loc. cit., 874f). Công Đồng Chung Vaticanô II nhắc lại rằng, Thần Linh đang hoạt động trong lòng mọi người, qua những “hạt giống Lời Chúa”, được thể hiện nơi những khởi động của con người – bao gồm cả những khởi động về tôn giáo – cũng như nơi những nỗ lực của con người trong việc đạt tới sự thật, sự thiện và chính Thiên Chúa (xem Công Đồng Chung Vaticanô II, Sắc Lệnh về Hoạt Động Truyền Giáo của Giáo Hội Ad Gentes, đoạn 3, 11, 15; Hiến Chế Mục Vụ về Giáo Hội trong Thế Giới Ngày Nay Gaudium et Spes, đoạn 10-11, 22, 26, 38, 41, 92-93).  
  
Thần Linh ban cho loài người “ánh sáng và sức mạnh để đáp ứng ơn gọi cao cả nhất của mình”; nhờ Thần Linh, “bằng đức tin, nhân loại đạt tới viêïc chiêm ngưỡng và nếm hưởng mầu nhiệm của dự án Thiên Chúa”; thật vậy, “chúng ta buộc phải tin rằng Thánh Linh ban cho mọi người cơ hội để được thông phần vào Mầu Nhiệm Vượt Qua một cách chỉ có Thiên Chúa biết” (xem Công Đồng Chung Vaticanô II, Hiến Chế Mục Vụ về Giáo Hội trong Thế Giới Ngày Nay Gaudium et Spes, đoạn 10, 15, 22). Giáo Hội “biết rằng nhân loại được Thần Linh Thiên Chúa liên tục khơi động và vì thế không bao giờ lại hoàn toàn dửng dưng với các vấn đề tôn giáo”, và “con người bao giờ ... cũng muốn biết được cái ý nghĩa của đời sống, hoạt động và cái chết của mình” (Ibid. đoạn 41). Như thế, Thần Linh ở ngay chính nguồn gốc của việc con người vấn nạn về cuộc sống và tôn giáo của họ, một việc vấn nạn có những lúc nổi lên không phải chỉ bởi các trường hợp liên quan đến chúng gây ra mà còn bởi chính cấu trúc nơi con người của họ” (xem Thông Điệp Dominum et Vivificantem, đoạn 54: loc. cit., 875f).   
  
Việc Thần Linh hiện diện và hoạt động có tác dụng chẳng những nơi cá nhân mà còn nơi cả xã hội lẫn lịch sử, nơi cả các dân tộc, các văn hóa và tôn giáo nữa. Thật thế, Thần Linh là nguồn gốc của các lý tưởng, cũng như của công việc cao quí là những gì mang lại lợi ích cho loài người trong cuộc hành trình của họ qua giòng lịch sử: “Bằng việc quan phòng khôn ngoan, Thần Linh Thiên Chúa hướng dẫn diễn tiến của các thời đại và canh tân bộ mặt trái đất” (xem Công Đồng Chung Vaticanô II, Hiến Chế Mục Vụ về Giáo Hội trong Thế Giới Ngày Nay Gaudium et Spes, đoạn 26). Chúa Kitô Phục Sinh “hiện nay đang hoạt động nơi cõi lòng con người bằng sức mạnh của Thần Linh Người, chẳng những bằng việc khơi lên ước vọng hướng đến một thế giới mai sau, mà còn làm sinh động, thanh tẩy và vững chắc những khát vọng cao quí thúc đẩy gia đình nhân loại làm cho đời sống của mình thành một đời sống nhân bản hơn và hướng toàn thể trái đất về đích điểm này” (ibid. đoạn 38, xem cả đoạn 93). Cũng chính Thần Linh là Đấng gieo “các hạt giống Lời Chúa” hiện diện nơi các tập tục và văn hóa khác nhau, sửa soạn cho chúng được toàn vẹn trong Chúa Kitô (xem Công Đồng Chung Vaticanô II, Hiến Chế Tín Lý về Giáo Hội Lumen Gentium, đoạn 17; Sắc Lệnh về Hoạt Động Truyền Giáo của Giáo Hội Ad Gentes, đoạn 3, 15).  
  
29-       Như thế, Thần Linh, Đấng “thổi đâu thì thổi” (x.Jn 3:8), Đấng “đã hiện diện trong thế gian trước khi Chúa Kitô được vinh hiển” (xem Công Đồng Chung Vaticanô II, Sắc Lệnh về Hoạt Động Truyền Giáo của Giáo Hội Ad Gentes, đoạn 4), và là Đấng “tràn đầy thế gian, ... nắm giữ tất cả mọi sự lại với nhau (và) biết những gì phải nói” (Wis 1:7), đã mở rộng cái nhìn của chúng ta để suy nghĩ về hoạt động của Ngài ở mọi thời và mọi nơi (xem Thông Điệp Dominum et Vivificantem, đoạn 53: loc. cit., 874). Tôi thường nhớ đến sự việc này, một sự việc đã hướng dẫn Tôi trong rất nhiều cuộc gặp gỡ với các thành phần dân chúng khác nhau. Mối liên hệ của Giáo Hội với các tôn giáo khác phải tỏ ra một lòng tôn trọng lưỡng diện: “Tôn trọng con người, nơi việc họ cần đến những giải đáp cho các vấn đề sâu xa nhất của cuộc đời họ, và tôn trọng tác động của Thần Linh nơi con người” (Diễn Từ ngỏ với các Đại Biểu của các Tôn Giáo Ngoài Kitô Giáo, tại Madras, ngày 5/2/1986: AAS 78 – 1986 – 767; xem Sứ Điệp gửi Dân Chúng Á Châu, Manila, ngày 21/2/1981, 2-4: AAS 73 – 1981 – 392f; Diễn Từngỏ với các Đại Biểu của Các Tôn Giáo Khác, Tokyo, ngày 24/2/1981, 3-4: Insegnamenti IV/I – 1981 – 507f). Bỏ ra ngoài những cắt nghĩa sai lạc, thì việc gặp gỡ liên tôn ở Assisi là để chứng thực cho thấy niềm xác tín của Tôi về “mọi lời cầu nguyện chân thực đều được Chúa Thánh Thần tác động, Ngài là Đấng hiện diện nhiệm mầu nơi hết mọi cõi lòng con người” (Diễn Từ ngỏ với Các Vị Hồng Y và ngày 22/12/1986, đoạn 11: AAS 79 – 1987 – 1089).  
Cũng cùng một Vị Thần Linh này là Đấng đã hoạt động trong việc Nhập Thể và trong đời sống, trong cuộc tử nạn và Phục Sinh của Chúa Giêsu, và là Đấng hoạt động trong Giáo Hội. Thế nên, Ngài không phải là một vị thay thế cho Chúa Kitô, cũng không phải là vị điền vào chỗ trống, đôi khi được cho là xẩy ra, giữa Chúa Kitô và Ngôi Lời. Bất cứ những gì Thần Linh làm phát sinh nơi cõi lòng con người cũng như nơi lịch sử của các dân tộc, nơi các nền văn hóa cũng như nơi các đạo giáo, đều giúp vào việc sửa soạn cho con người đón nhận Phúc Âm (xem Công Đồng Chung Vaticanô II, Hiến Chế Tín Lý về Giáo Hội Lumen Gentium, đoạn 16), và chỉ có thể được hiểu liên quan đến Chúa Kitô, Lời nhập thể bởi quyền năng của Thần Linh, “để như một con người toàn vẹn, Người cứu lấy tất cả loài người và qui tụ tất cả mọi sự lại với nhau” (xem Công Đồng Chung Vaticanô II, Hiến Chế Mục Vụ về Giáo Hội trong Thế Giới Ngày Nay Gaudium et Spes, đoạn 45; xem Thông Điệp Dominum et Vivificantem, đoạn 54: loc. cit., 876).  
  
Ngoài ra, hoạt động phổ quát của Thần Linh cũng không được tách khỏi hoạt động riêng biệt của Ngài trong Thân Thể của Chúa Kitô là Giáo Hội. Thật vậy, bao giờ cũng là Thần Linh hoạt động, cả khi Ngài ban sự sống cho Giáo Hội và thúc đẩy Giáo Hội loan báo Chúa Kitô, cũng như khi Ngài gieo mầm và làm nẩy nở các tặng ân của Ngài nơi tất cả mọi người cũng như mọi dân tộc, khi hướng dẫn Giáo Hội khám phá ra những tặng ân ấy, nuôi dưỡng những tặng ân ấy và tiếp nhận bằng việc đối thoại. Mọi hình thức hiện diện của Thần Linh phải được đón nhận với lòng tôn kính và tri ân, song Giáo Hội có trách nhiệm trong việc nhận thức về việc hiện diện này, một trách nhiệm được Chúa Kitô ban Thần Linh của Người cho để dẫn dắt Giáo Hội vào tất cả sự thật (x. Jn 16:13).  
  
Hoạt Động Truyền Giáo Mới Chỉ Bắt Đầu  
  
30-       Thời đại của chúng ta đây, theo đà nhân loại đang tiến triển và không ngừng tìm kiếm, cần phải có một cuộc phục hưng hoạt động truyền giáo của Giáo Hội. Những chân trời và cơ hội truyền giáo đang rộng mở hơn bao giờ hết, Kitô hữu chúng ta được kêu gọi can đảm làm việc tông đồ bằng lòng tin tưởng nơi Thần Linh. Ngài là tác nhân chính của việc truyền giáo!  
  
Lịch sử nhân loại đã cho thấy có nhiều khúc quanh chính đã kích thích việc dấn thân truyền giáo, và Giáo Hội, được Thần Linh dẫn dắt, đã luôn luôn hết mình đáp ứng tại những khúc quanh này một cách khôn ngoan. Không thiếu gì những thành quả đã gặt hái được. Cách đây không lâu, chúng ta đã mừng kỷ niệm một ngàn năm của công cuộc truyền bá phúc âm hóa của dân Rus’ và dân Slav, nay chúng ta lại đang sửa soạn cử hành để mừng kỷ niệm năm trăm năm của công cuộc truyền bá phúc âm hóa Mỹ Châu. Cũng thế, chúng ta vừa tưởng niệm một trăm năm của công việc truyền bá đầu tiên tại một số quốc gia ở Á Châu, Phi Châu và Đại Dương Châu. Ngày nay Giáo Hội phải đương đầu với các thách đố khác và tiến tới những giới tuyến mới, cả về việc truyền giáo ban đầu ad gentes cũng như  về việc tân truyền bá phúc âm hóa cho những dân nước đã nghe loan truyền về Chúa Kitô. Ngày nay, tất cả mọi Kitô hữu, cả Giáo Hội riêng cũng như Giáo Hội hoàn vũ, đều được kêu gọi có cùng một lòng dũng cảm đã phấn khích các nhà truyền giáo trong quá khứ, và có cùng một tấm lòng sẵn sàng lắng nghe tiếng nói của Thần Linh.  
  
IV . CHÂN TRỜI BAO RỘNG CỦA VIỆC TRUYỀN GIÁO AD GENTES   
  
31- Chúa Giêsu đã sai các Tông Đồ của Người đến với mọi người, mọi dân tộc và hết mọi nơi trên mặt đất này. Qua các Vị Tông Đồ, Giáo Hội đã lãnh nhận một sứ vụ phổ quát – một sứ vụ vượt biên cương bờ cõi – một sứ vụ bao gồm việc thông truyền nguyên vẹn ơn cứu độ đúng như sự sống viên mãn được Chúa Kitô ban cho (x. Jn 10:10). Giáo Hội đã được “Chúa Kitô sai đi để tỏ ra cũng như để thông truyền tình yêu của Thiên Chúa cho tất cả mọi con người và mọi quốc gia” (Công Đồng Chung Vaticanô II, Sắc Lệnh về Hoạt Đồng Truyền Giáo của Giáo Hội Ad Gentes, đoạn 10).  
  
Sứ vụ này là một sứ vụ duy nhất và bất phân chia, chỉ có một nguồn gốc và một mục đích duy nhất; thế nhưng, sứ vụ này cũng bao gồm những công việc khác nhau và các thứ hoạt động khác nhau. Trước hết, có một hoạt động truyền giáo chúng ta gọi là truyền giáo ad gentes (cho các dân tộc), dựa theo tên gọi mở đầu cho Sắc Lệnh của Công Đồng Chung Vaticanô II về vấn đề này. Đây là một trong những hoạt động căn bản của Giáo Hội: nó là một hoạt động thiết yếu và không bao giờ chấm dứt. Thật vậy, Giáo Hội “không thể rút lui khỏi sứ vụ vĩnh viễn của mình trong việc mang Phúc Âm đến cho các đám đông dân chúng – cho cả hằng triệu triệu người nam nữ – thành phần chưa biết đến Chúa Kitô là Đấng Cứu Chuộc của nhân loại. Đây là một hoạt động truyền giáo được Chúa Giêsu đã đặc biệt ủy thác và còn ủy thác mỗi ngày cho Giáo Hội của Người” (Tông Huấn Người Tín Hữu Giáo Dân Christifideles Laici – 30/12/1988 – đoạn 35: AAS 81 – 1989 – 457).  
  
Một Hình Ảnh Đạo Nghĩa Phức Tạp và Đổi Thay hơn bao giờ hết  
  
32-       Hôm nay đây, chúng ta đang đối diện với một tình trạng đạo nghĩa hết sức khác biệt và đổi thay. Các dân tộc đang chuyển biến; các thực tại về xã hội và tôn giáo, trước kia rõ ràng đâu vào đó, ngày nay lại càng trở nên phức tạp hơn. Chúng ta chỉ cần nghĩ đến một vài hiện tượng, như việc thành thị hóa, việc ồ ạt di dân, làn sóng những người tị nạn, tình trạng bại hoại kitô giáo ở những xứ sở theo truyền thống Kitô giáo cổ kính, việc Phúc Âm và các giá trị của Phúc Âm càng gây tác dụng chưa từng thấy tại các xứ sở không theo Kitô giáo, cũng như tình trạng lan tràn nhanh chóng các việc sùng bái thần tượng thiên sai và các giáo phái. Tình trạng đột biến về đạo nghĩa và xã hội đã trở thành một tình trạng khó khăn trong việc áp dụng thực hành một số những chuyên biệt và những thứ loại của giáo hội đã quen thuộc đối với chúng ta. Ngay cả trước Công Đồng Chung Vaticanô II, có một số thành phố và xứ sở Kitô giáo đã trở thành những “địa sở truyền giáo”; thế mà tình trạng rõ ràng vẫn cho thấy chưa cải tiến gì qua những năm tháng từ hồi đó đến nay.  
  
Trong khi đó, công việc truyền giáo lại gặt hái được nhiều kết quả khắp thế giới, để có những Giáo Hội được thiết lập tốt đẹp như hiện nay, đôi khi còn tốt lành và trưởng thành đến nỗi có thể cung ứng cho nhu cầu của riêng cộng đồng mình, mà thậm chí còn gửi cả người đi truyền bá phúc âm hóa tại các Giáo Hội khác và địa sở khác nữa. Sự kiện này trái với một số miền theo Kitô giáo truyền thống đang cần phải được tái truyền bá phúc âm hóa. Bởi thế mới có một số người đặt vấn nạn là có nên tiếp tục nói đến hoạt động truyền giáo đặc biệt hay đến những miền “truyền giáo” đặc biệt, thay vào đó chúng ta nên nói đến một trường hợp truyền giáo duy nhất, với một việc truyền giáo duy nhất, giống như ở mọi nơi vậy. Cái khó khăn của vấn đề liên hệ đến thực tại phức tạp và đổi thay này, với việc cần phải truyền bá phúc âm hóa, rõ ràng là ở chỗ “ngôn ngữ truyền giáo”. Chẳng hạn như có một sự ngần ngại nào đó trong việc sử dụng các từ ngữ “những việc truyền giáo” và “những nhà truyền giáo”, những chữ được coi như đã lỗi thời và mang theo những ý nghĩa tiêu cực về mặt lịch sử. Người ta thích dùng danh từ “truyền giáo” ở số ít và tĩnh từ “truyền giáo” để diễn tả tất cả mọi hoạt động truyền giáo của Giáo Hội.  
  
Cái trăn trở này cho thấy có một sự thay đổi thực sự, một sự đổi thay có những khía cạnh tích cực nào đó. Cái được gọi là trở về hay “về nguồn” của các việc truyền giáo trong sứ vụ truyền giáo của Giáo Hội, việc đem truyền giáo học vào giáo hội học, và việc hội nhập cả hai lãnh vực này vào dự án cứu độ của Thiên Chúa Ba Ngôi, đã tạo nên cho chính hoạt động truyền giáo một đà tiến mới, một hoạt động đối với Giáo Hội không được coi như là một việc bên ngoài lề, mà là ở ngay cốt lõi của đời sống Giáo Hội, như là một công việc trọng yếu của toàn thể Dân Chúa. Tuy nhiên, cần phải để ý tránh cái nguy hiểm của việc đặt những trường hợp khác nhau ở cùng một mức độ, cũng như của việc làm suy giảm, thậm chí loại trừ, việc truyền giáo và các nhà truyền giáo ad gentes của Giáo Hội. Nói rằng toàn thể Giáo Hội là thừa sai thì không phải loại bỏ đi việc hiện hữu của việc chuyên biệt truyền giáo ad gentes, mà chỉ có ý nói rằng, tất cả mọi người Công Giáo phải là những nhà truyền giáo, ở chỗ, chẳng những không loại trừ mà thực sự còn đòi buộc phải có những con người nhận lãnh một ơn gọi đặc biệt để là “những nhà truyền giáo cả một đời ad gentes”.  
  
Việc Truyền Giáo ad gentes vẫn giữ nguyên Giá Trị của mình  
  
33-       Vấn đề về tính cách đa diện nơi các hoạt động trong cùng một sứ mệnh truyền giáo duy nhất của Giáo Hội không thuộc về bản chất của sứ mệnh truyền giáo, mà là do bởi tính cách khác nhau nơi hoàn cảnh thực hiện việc truyền giáo (xem Công Đồng Chung Vaticanô II, Sắc Lệnh về Hoạt Động Truyền Giáo của Giáo Hội Ad Gentes, đoạn 6). Nhìn vào thế giới hôm nay, bằng quan điểm của việc truyền bá phúc âm hóa, chúng ta có thể phân biệt ba trường hợp.  
  
Trường hợp thứ nhất được hoạt động truyền giáo của Giáo Hội nhắm tới, đó là các dân tộc, các nhóm người và các tương quan văn hóa xã hội chưa biết đến Chúa Kitô cùng Phúc Âm của Người, hay còn thiếu những cộng đồng Kitô hữu đủ trưởng thành để có thể hiện thực đức tin trong môi trường sống của họ, cũng như để loan báo đức tin của họ cho những nhóm người khác. Đây là việc truyền giáo ad gentes theo đúng nghĩa của từ ngữ (xem ibid).  
  
Trường hợp thứ hai là những cộng đồng Kitô hữu được thiết lập đầy đủ và vững chắc. Họ hăng say với đức tin và  sống đời Kitô hữu của mình. Họ làm chứng cho Phúc Âm nơi hoàn cảnh sống của mình và cảm thấy cần phải dấn thân cho việc truyền giáo chung. Giáo Hội thực hiện hoạt động và việc mục vụ chăm sóc tín hữu của mình nơi những cộng đoàn này.  
  
Trường hợp thứ ba là trường hợp ở giữa, đặc biệt là trường hợp ở nơi những xứ sở có gốc gác Kitô giáo lâu đời, đôi khi ở cả những Giáo Hội không lâu đời như vậy, là những nơi hết thảy các nhóm người lãnh nhận phép rửa đã mất đi cảm quan sống động của đức tin, thậm chí không còn coi mình là phần tử của Giáo Hội nữa, và sống một cuộc đời xa biệt hẳn với Chúa Kitô cũng như với Phúc Âm của Người. Điều cần phải làm trong trường hợp này đó là “việc tân truyền bá phúc âm hóa” hay “việc tái truyền bá phúc âm hóa” vậy.  
  
34-       Hoạt động truyền giáo xứng danh, tức là việc truyền giáo ad gentes (cho các dân tộc), nhắm đến “các dân tộc hay các nhóm người chưa tin vào Chúa Kitô”, “những người xa cách Chúa Kitô”, những người Giáo Hội “chưa đâm rễ” (xem ĐTC Phaolô VI, Tông Huấn Evangelii Nuntiandi, đoạn 18-20: loc. cit., 17-19). Việc này khác hẳn với các hoạt động khác của giáo hội, vì nó nhắm đến các nhóm người và các môi trường ngoài Kitô giáo là những gì chưa có hay chưa đủ việc giảng dạy Phúc Âm cũng như việc hiện diện của Giáo Hội. Bởi thế, nó mang đặc tính như là một việc loan báo Chúa Kitô cùng với Phúc Âm của Người, việc thiết lập Giáo Hội địa phương và là việc cổ võ các giá trị thuộc về Vương Quốc của Thiên Chúa. Bản chất chuyên biệt của việc truyền giáo ad gentes này là ở chỗ nó nhắm đến “những người không phải Kitô hữu”. Bởi thế, cần phải làm sao để bảo đảm được rằng, “việc truyền giáo đã được Chúa Giêsu ủy thác và còn ủy thác từng ngày cho Giáo Hội của Người” (Tông Huấn Người Tín Hữu Giáo Dân Christifideles Laici, đoạn 35: loc. cit., 457) một cách đặc biệt này không trở nên một phần việc tầm thường đối với toàn thể sứ vụ của tất cả Dân Chúa, khiến cho việc ấy bị bỏ bê hay quên lãng.  
  
Ngoài ra, các ranh giới phân chia giữa việc mục vụ chăm sóc tín hữu, việc tân truyền bá phúc âm hóa và việc hoạt động truyền giáo chuyên biệt không thể nào phân định được một cách rõ ràng, cũng không được nghĩ là chúng sẽ tạo nên những cản trở cho nhau, hay nghĩ rằng chúng là những ao tù. Tuy nhiên, cũng không được làm suy yếu lòng hăng say rao giảng Phúc Âm và thiết lập các Giáo Hội mới ở nơi các dân nước, hay ở các cộng đồng chưa có mặt của Giáo Hội, vì đây là công việc tiên quyết của Giáo Hội, một Giáo Hội đã được sai đến với tất cả mọi dân nước và cho đến tận cùng trái đất. Nếu không thực hiện việc truyền giáo ad gentes này, thì chiều kích truyền giáo của Giáo Hội sẽ bị mất đi ý nghĩa thiết yếu của mình, cũng như sẽ thiếu mất chính hoạt động biểu lộ chiều kích ấy.   
  
Cũng cần phải lưu ý đến việc liên thuộc thực sự và tăng lên giữa những hoạt động cứu độ khác nhau này của Giáo Hội. Mỗi hoạt động này đều ảnh hưởng lẫn nhau, kích động lẫn nhau và hỗ trợ lẫn nhau. Việc đẩy mạnh vấn đề truyền giáo khuyến khích những mối tương giao giữa các Giáo Hội, và hướng các Giáo Hội tới một thế giới rộng mở hơn, bằng những ảnh hưởng tích cực trong mọi lãnh vực. Các Giáo Hội ở những xứ sở theo truyền thống Kitô giáo chẳng hạn, phải bận tâm vào việc tân truyền bá phúc âm hóa gay go, đang hiểu được một cách rõ ràng là, họ không thể là các nhà truyền giáo cho các người ngoài Kitô giáo, ở các quê hương đất nước hay địa lục khác, nếu họ không hết sức quan tâm tới những người ngoài Kitô giáo tại phần đất của mình. Do đó, hoạt động truyền giáo ad intra (nội tại hay đối nội) là một dấu chỉ khả tín và là một kích thích cho hoạt động truyền giáo ad extra (ngoại tại hay đối ngoại), ngược lại cũng thế.  
  
Truyền Giáo cho Mọi Người, bất chấp Khó Khăn  
  
35-       Vấn đề truyền giáo ad gentes đụng phải một công viêïc lớn lao, một việc không thể nào thiếu được. Thật vậy, cả về quan điểm tăng phát nhân số, cũng như về quan điểm văn hóa xã hội liên quan đến hình thức nơi các mối liên hệ mới, đến những việc giao tiếp mới và những tình trạng thay đổi mới, thì việc truyền giáo dường như được nhắm tới những chân trời rộng mở hơn bao giờ hết. Công việc loan báo Chúa Giêsu Kitô cho tất cả mọi dân nước thật là vĩ đại, vượt ra ngoài tất cả mọi tầm mức cân đối theo nguồn lực nhân loại của Giáo Hội.   
  
Nếu đây là một vấn đề hoàn toàn thuộc về công cuộc của loài người thì những khó khăn ấy sẽ không thể nào vượt qua nổi và có thể dễ bị thất đảm. Ở một số xứ sở đã từ chối không cho các nhà truyền giáo vào. Tại những nơi khác, chẳng những cấm không được thực hiện việc truyền bá phúc âm hóa mà còn cấm cả việc trở lại nữa, thậm chí cả việc thờ phượng theo Kitô giáo. Có nơi trở ngại gây ra bởi bản chất của văn hóa, như việc truyền đạt sứ điệp Phúc Âm được coi là không thích hợp hay không thể nào hiểu nổi, và việc trở lại được coi như là việc ruồng bỏ dân tộc cùng với văn hóa của mình.  
  
36-       Cũng không thiếu những khó khăn ở ngay trong nội bộ của thành phần Dân Chúa; thật vậy, những khó khăn này là niềm đau đớn nhất của tất cả mọi người. Cái khó khăn đầu tiên được Đức Giáo Hoàng Phaolô VI vạch ra cho thấy là “việc thiếu lòng sốt mến. Trở ngại này càng trầm trọng hơn nữa vì nó phát xuất từ bên trong. Nó bộc lộ cho thấy ở chỗ mệt mỏi, mất hăng hái, dung hòa, thiếu hào hứng, nhất là thiếu vui vẻ và hy vọng” (Tông Huấn Evangelii Nuntiandi, đoạn 80: loc. cit., 73). Những trở ngại lớn lao khác đối với hoạt động truyền giáo của Giáo Hội bao gồm cả những vấn đề chia rẽ giữa Kitô hữu với nhau (xem Công Đồng Chung Vaticanô II, Sắc Lệnh về Hoạt Động Truyền Giáo của Giáo Hội Ad Gentes, đoạn 6), vấn đề băng hoại kitô giáo trong các xứ sở Kitô giáo, vấn đề sa sút ơn kêu gọi hoạt động tông đồ, và vấn đề chứng từ nơi tín hữu cũng như cộng đồng Kitô hữu không biểu lộ bằng việc sống theo gương Chúa Kitô. Thế nhưng, một trong những lý do nghiêm trọng nhất đối với tình trạng thiếu hứng khởi trong công việc truyền giáo đó là cái khuynh hướng đầy những dửng dưng, một khuynh hướng mà tiếc thay cũng xẩy ra nơi cả thành phần các Kitô hữu nữa. Khuynh hướng này bắt nguồn từ các quan điểm thần học sai lầm, có đặc tính của khuynh hướng đạo nghĩa tương đối, để rồi chủ trương là “đạo nào cũng tốt như nhau”. Với những lời của Đức Giáo Hoàng Phaolô VI, chúng ta có thể thêm là, còn có một số “những lý do tránh né làm ngăn trở việc truyền bá phúc âm hóa. Chắc chắn lý do tránh né tai hại ngấm ngầm nhất đó là những lý do người ta nại vào giáo huấn này nọ của Công Đồng Chung Vaticanô II” (Tông Huấn Evangelii Nuntiandi, đoạn 80: loc. cit., 73).  
  
Về khía cạnh này, Tôi tha thiết xin các nhà thần học và các phóng viên Kitô giáo chuyên nghiệp hãy tăng gia việc phục vụ của mình cho việc truyền giáo của Giáo Hội, để nhận thức được ý nghĩa sâu xa nơi việc mình làm, khi dựa theo những đường lối vững chắc là “cùng suy nghĩ với Giáo Hội” (sentire cum Ecclesia).  
  
Những khó khăn bên trong và bên ngoài không được làm cho chúng ta bi quan và bất động. Cái cần, ở đây cũng như ở mọi lãnh vực khác của đời sống Kitô hữu, đó là lòng cậy trông theo đức tin, bằng một niềm xác tín chúng ta không phải là tác nhân chính của việc Giáo Hội truyền giáo, mà là Chúa Giêsu Kitô cùng với Thần Linh của Người. Chúng ta chỉ là thành phần cộng sự viên, và khi chúng ta làm xong tất cả mọi sự chúng ta phải nói rằng: “Chúng tôi là những người đầy tớ bất xứng; chúng tôi chỉ làm những gì theo phận sự của mình mà thôi” (Lk 17:10).  
  
Những Tính Chất của Việc Giáo Hội Truyền Giáo ad gentes  
  
37-       Theo mệnh lệnh phổ quát của Chúa Kitô, việc truyền giáo ad gentes không còn biết đến biên cương bờ cõi nữa. Tuy nhiên, để nắm vững được tình thế, cũng nên xác định một số mốc điểm cần thiết cho việc truyền giáo.  
  
 (a)            Những Giới Hạn Về Lãnh Thổ. Hoạt động truyền giáo thường được xác định bởi những lãnh thổ riêng biệt. Công Đồng Chung Vaticanô II đã công nhân chiều kích lãnh thổ nơi việc truyền giáo ad gentes này (xem Công Đồng Chung Vaticanô II, Sắc Lệnh về Hoạt Động Truyền Giáo của Giáo Hội Ad Gentes, đoạn 6), một chiều kích ngay cả tới ngày hôm nay đây vẫn còn quan trọng đối với việc phân định trách nhiệm, hoạt động và giới hạn về địa dư của hoạt động truyền giáo. Việc truyền giáo phổ quát chắc chắn bao hàm cả một quan điểm đại đồng. Thật vậy, Giáo Hội không để cho nhà truyền giáo của mình bị cản trở bởi các giới tuyến về địa dư hay các ngăn trở về chính trị. Tuy nhiên, cũng phải công nhận là, vì khác với việc mục vụ chăm sóc cho tín hữu, cũng như khác với việc tân truyền bá phúc âm hóa cho thành phần không sống đạo, hoạt động truyền giáo ad gentes chỉ thực hiện tại các lãnh thổ và các nhóm người được ấn định rõ ràng.  
  
Chúng ta cũng không được ảo tưởng về việc phát triển thêm một số Giáo Hội mới trong những thời gian gần đây. Trong các lãnh thổ được ký thác cho các Giáo Hội này – đặc biệt là ở Á Châu, cũng như ở Phi Châu, ở Châu Mỹ La Tinh và ở Đại Dương Châu – vẫn còn có những vùng rộng lớn chưa được truyền bá phúc âm hóa. Nơi nhiều quốc gia có cả khối dân chúng và những lãnh vực văn hóa mang tầm vóc quan trọng vẫn chưa được nghe loan báo về Phúc Âm và về việc hiện diện của Giáo Hội địa phương (xem ibid., 20). Ngay cả nơi những xứ sở Kitô giáo lâu đời cũng có những miền còn đang được việc truyền giáo ad gentes đặc biệt thực hiện cho những nhóm người và những khu vực chưa được truyền bá phúc âm hóa. Bởi vậy, nơi cả những xứ sở này nữa, chẳng những cần đến việc tân truyền bá phúc âm hóa mà còn, ở một số trường hợp, cần đến việc bắt đầu truyền bá phúc âm hóa nữa (xem Diễn Từ ngỏ với các phần tử của Hội Nghị của Công Đồng Các Hội Đồng Giám Mục Âu Châu, ngày 11-10-1985: AAS 78 – 1986 – 178-189).  
  
Tuy nhiên, không phải ở đâu cũng có những trường hợp như nhau. Khi công nhận rằng những câu phát biểu về trách nhiệm truyền giáo của Giáo Hội sẽ không có công hiệu gì, nếu chúng không được nâng đỡ bằng một cuộc dấn thân thực sự cho việc tân truyền bá phúc âm hóa nơi các xứ sở Kitô giáo lâu đời, thì không có nghĩa là coi họ giống hệt như trường hợp của một dân tộc chưa bao giờ biết đến Chúa Giêsu Kitô, cũng như trường hợp của một dân tộc đã biết Người, chấp nhận Người và rồi lại phủ nhận Người, trong khi đó họ vẫn tiếp tục sống theo một nền văn hóa mà phần lớn được thấm nhiễm các nguyên tắc và giá trị Phúc Âm. Xét về đức tin thì đây là hai trường hợp khác nhau tận căn bản.  
  
Bởi vậy, tiêu chuẩn về địa dư, mặc dầu có một cái gì đó không chính xác cho lắm và luôn luôn tạm bợ vậy thôi, cũng vẫn là một ấn định vững chắc về những giới tuyến được hoạt động truyền giáo nhắm tới. Có những xứ sở cũng như những lãnh vực về địa dư và về văn hóa thiếu những cộng đồng Kitô hữu bản xứ. Ở những nơi khác, những cộng đồng này lại quá nhỏ, đến nỗi không phải là một dấu hiệu rõ ràng cho thấy việc hiện diện của Kitô giáo; hay họ thiếu năng động để truyền bá phúc âm hóa cho các cơ cấu tổ chức của họ, hoặc họ thuộc về một thành phần thiểu số không hội nhập với nền văn hóa chính của quốc gia. Đặc biệt ở Á Châu là lục địa mà việc truyền giáo của Giáo Hội ad gentes phải chủ yếu nhắm tới, Kitô hữu chỉ là một thiểu số nhỏ bé, mặc dù đôi khi có một con số trở lại đáng kể và có những gương sáng nổi bật qua việc hiện diện của Kitô hữu.  
  
 (b)            Những tân thế giới và những hiện tượng mới. Những biến đổi nhanh chóng và sâu xa làm nên đặc tính của thế giới ngày nay, nhất là ở nam bán cầu, đang tác dụng mạnh trên toàn diện bức ảnh truyền giáo. Nơi mà trước kia có những trường hợp nhân bản và xã hội vững chắc thì nay mọi sự lại không ngừng chuyển biến. Chẳng hạn, người ta nghĩ đến việc thành thị hóa và việc các phố xá mọc lên như nấm, nhất là nơi có mật độ dân cư đông đúc. Ở nơi một số không ít quốc gia, hơn nửa dân số sống tại một vài địa điểm “megalopolises”, tức là nơi phát xuất các tệ nạn, thường gây ra bởi khối người tự cảm thấy cái vô danh phận của mình.  
  
Trong thời đại tân tiến này, hoạt động truyền giáo cần phải được thực hiện đặc biệt ở những khu vực cô lập lẻ loi, xa biệt với các trung tâm văn minh, cũng là những nơi khó xâm nhập, bởi những khó khăn về truyền thông, ngôn ngữ hay khí hậu. Ngày nay, hình ảnh của việc truyền giáo ad gentes có lẽ đang thay đổi, đó là phải tập trung nỗ lực vào các thành thị lớn, nơi mà những tập tục và lối sống mới, xuất phát cùng với những thể thức mới về văn hóa và truyền thông là những yếu tố ảnh hưởng đến phần đông dân chúng. Người ta nghĩ đúng, “việc chọn thành phần cùng khốn nhất” tức là việc chúng ta không được chểnh mảng đối với những nhóm người bị bỏ rơi và lẻ loi nhất, thế nhưng, người ta nghĩ cũng không sai, đó là, nếu chúng ta bỏ rơi những trung tâm, nơi có thể nói, đang xuất hiện một thứ tân nhân loại, và là nơi đang hình thành những mô thức phát triển mới, thì có những con người hay những nhóm nhỏ sẽ không được truyền bá phúc âm hóa cho. Tương lai của các quốc gia trẻ trung đang hình thành tại các thành phố.  
  
Nói đến tương lai, chúng ta không thể không nói đến giới trẻ, thành phần làm nên hơn nửa phần dân số ở nhiều quốc gia. Chúng ta làm sao có thể mang sứ điệp của Chúa Kitô đến cho giới trẻ không phải là Kitô hữu, thành phần tiêu biểu cho tương lai của toàn thể các đại lục. Những phương tiện thông thường trong hoạt động mục vụ rõ ràng cho thấy là vẫn chưa đủ: cái cần thiết ở đây đó là những hội đoàn, những tổ chức, những trung tâm và nhóm hội chuyên biệt, cũng như những khởi xướng về văn hóa và xã hội dành cho giới trẻ. Đây là một lãnh vực cho các phong trào tân thời của giáo hội hoạt động mạnh hơn.  
  
Trong số những biến chuyển lớn đang xẩy ra trên thế giới hiện đại, việc di dân đã nẩy sinh ra một hiện tượng mới, đó là thành phần ngoài Kitô giáo đang tăng số rất đông tại các xứ sở Kitô giáo lâu đời, tạo nên những cơ hội mới mẻ cho việc tiếp xúc và trao đổi văn hóa, cũng như những cơ hội để Giáo Hội tỏ ra nồng hậu, đối thoại, trợ giúp, và, tắt một lời, thân ái. Trong số những người di dân, phải đề cao và chú trọng đến các người tị nạn. Ngày nay, trên thế giới có nhiều triệu người tị nạn, và con số những người tị nạn này không ngừng tăng lên. Họ đào thoát cho khỏi những hoàn cảnh bị đàn áp về chính trị và phải sống trong cùng khốn vô nhân bản, khỏi đói khát gây ra bởi những tỷ lệ về tai ương. Giáo Hội phải coi họ như một phần trong toàn thể mối quan tâm tông đồ của mình.  
  
Sau hết, chúng ta cần đề cập tới những trường hợp nghèo khó – thường ở trên một mức độ không thể nào chấp nhận được – đã xẩy ra ở một số không ít xứ sở, và thường là nguyên cớ gây nên việc di dân đông đảo. Cộng đồng tín hữu trong Chúa Kitô phải đương đầu với những trường hợp vô nhân bản ấy, ở chỗ, họ phải loan báo Chúa Kitô và Vương Quốc của Thiên Chúa như là một phương tiện để phục hồi phẩm giá của con người cho những người này.  
  
 (c)              Những lãnh vực văn hóa: hình ảnh tân thời của Công Hội Viện Hy Lạp. Sau khi rao giảng ở một số nơi, Thánh Phaolô đến Nhã Điển, nơi ngài vào Công Hội Viện của họ và loan báo Phúc Âm bằng ngôn ngữ thích hợp, dễ hiểu trong các khung cảnh đó (x. Acts 17:22-31). Vào thời bấy giờ, Công Hội Viện là tiêu biểu cho trung tâm văn hóa của thành phần học thức ở Nhã Điển, và ngày nay nó có thể được coi như một biểu hiệu cho các lãnh vực mới cần phải được loan báo Phúc Âm.  
  
Công Hội Viện đầu tiên của thời hiện đại là lãnh giới truyền thông, một lãnh giới đang liên kết nhân loại lại và đang biến nhân loại thành cái gọi là “khu làng hoàn vũ”. Phương tiện truyền thông xã hội đã trở nên quan trọng đến nỗi, đối với nhiều người, là phương tiện chính để trao đổi tin tức và giáo dục, để hướng dẫn và tác động hành vi cử chỉ nơi cá nhân, gia đình và trong xã hội nói chung. Nhất là đối với thế hệ trẻ trung đang lớn lên trong một thế giới được môi trường truyền thông vây bủa. Có lẽ thứ Công Hội Viện này đã bị bỏ bê ở một mức độ nào đó. Nói chung, chúng ta đã chú trọng đến các phương tiện khác để rao giảng Phúc Âm và để giáo dục Kitô hữu hơn, còn môi trường truyền thông thì bỏ mặc cho sáng kiến cá nhân hay cho các nhóm nhỏ nào đó, và đặt nó vào hàng thứ yếu trong chương trình mục vụ của mình. Thế nhưng, việc dấn thân vào môi trường truyền thông không phải chỉ để làm tăng cường thêm cho việc rao giảng Phúc Âm thôi. Còn có một thực tại sâu xa hơn chất chứa ở đó nữa: vì chính việc truyền bá phúc âm hóa cho văn hóa tân tiến ngày nay một phần lớn tùy thuộc vào ảnh hưởng của truyền thông, nên chỉ sử dụng truyền thông để quảng bá sứ điệp Kitô giáo và giáo huấn chân thực của Giáo Hội mà thôi chưa đủ. Cũng cần phải đưa sứ điệp vào “nền văn hóa mới” do các phương tiện truyền thông tân tiến tạo nên nữa. Đây là một vấn đề phức tạp, vì “nền văn hóa mới” này bắt nguồn chẳng những từ bất cứ những gì được tỏ hiện ra dần dần, mà còn ở chính những cách truyền đạt mới, với ngôn từ mới, với kỹ thuật mới và với một thứ tâm lý mới. Đức Giáo Hoàng Phaolô VI đã nói rằng “việc phân ly giữa Phúc Âm và văn hóa là một thảm trạng không tránh được của thời đại chúng ta” (Tông Huấn Evangelii Nuntiandi, đoạn 20; loc. cit., 19), và ngành truyền thông hoàn toàn cho thấy rõ được nhận định này.  
  
Còn nhiều hình thức Công Hội Viện khác trong thế giới tân tiến ngày nay là những mục tiêu được hoạt động truyền giáo của Giáo Hội nhắm đến; chẳng hạn, việc dấn thân cho hòa bình, phát triển và giải phóng các dân tộc; các quyền lợi của cá nhân cũng như của các dân tộc, nhất là của thành phần thiểu số; việc thăng tiến nữ giới và trẻ em; việc bảo vệ thế giới thiên nhiên. Cả những lãnh vực này nữa cũng cần phải được ánh sáng Phúc Âm soi chiếu.  
  
Chúng ta cũng phải đề cập tới một Công Hội Viện bao rộng về văn hóa, về việc nghiên cứu khoa học cũng như về các mối liên hệ quốc tế cổ võ việc đối thoại và tạo nên những cơ hội mới. Chúng ta cũng phải để ý đến những lãnh vực hoạt động tân tiến này và phải tham gia vào làm việc. Người ta cảm thấy rằng, họ đang thực sự cùng nhau vượt qua biển cả cuộc đời, nên họ được kêu gọi hiệp nhất và đoàn kết với nhau đặc biệt hơn bao giờ hết. Những đường lối cho các vấn đề cấp thiết phải được mọi người bắt tay nhau để tìm hiểu, bàn bạc và giải quyết. Đó là lý do tại sao càng cần đến những tổ chức và hội nghị quốc tế cho nhiều lãnh vực của đời sống con người, từ văn hóa đến chính trị, từ kinh tế tới việc nghiên cứu. Kitô hữu sống và làm việc trong lãnh vực quốc tế phải luôn luôn nhớ đến phận vụ của mình trong việc làm chứng cho Phúc Âm.  
  
38-       Thời điểm của chúng ta đây vừa đại thể lại vừa thu hút. Một đàng, người ta dường như đang theo đuổi sự thịnh vượng về vật chất và đang ngụp lặn sâu hơn bao giờ hết vào xu hường hưởng thụ và duy vật, thì đàng khác, chúng ta lại đang chứng kiến thấy một cuộc chán chường quay về tìm kiếm ý nghĩa cuộc đời, về nhu cầu sống nội tâm, về ước muốn học hỏi thêm những thể thức và phương pháp mới trong việc suy niệm cũng như cầu nguyện. Người ta đang tìm kiếm chiều kích thiêng liêng của đời sống như là một chất giải độc sau đó cho tình trạng suy giảm nhân bản, chẳng những ở nơi có các nền văn hóa nặng về yếu tố đạo nghĩa, mà còn ở cả những nơi xã hội bị tục hóa nữa. Hiện tượng này – được gọi là hiện tượng “hồi sinh đạo nghĩa” – mang một tính cách không phải là không mập mờ, song nó cũng cho thấy đó là một cơ hội tốt. Giáo Hội mang trong mình một di sản thiêng liêng vĩ đại để cống hiến cho nhân loại, một di sản trong Chúa Kitô, Đấng gọi mình “là đường, là sự thật và là sự sống”  (Jn 14:6), tức là đường lối của Kitô giáo, một đường lối dẫn con người đến gặp gỡ Thiên Chúa, đến việc nguyện cầu, đến việc hãm mình khổ chế, cũng như đến việc tìm kiếm ý nghĩa cuộc đời. Đây cũng là một “Công Hội Viện” cần phải được truyền bá phúc âm hóa nữa.   
  
Trung Thành với Chúa Kitô và Phát Huy Tự Do Con Người  
  
39-       Tất cả mọi hình thức của hoạt động truyền giáo đều được đánh dấu bởi nhận thức là, con người đang cổ võ quyền tự do của con người bằng việc loan báo Chúa Giêsu Kitô. Giáo Hội phải trung thành với Chúa Kitô là Đấng Giáo Hội là Thân Thể và là Đấng có sứ mệnh đang được Giáo Hội tiếp nối. Giáo Hội cần phải “đi cùng một con đường Chúa Kitô đã đi – tức là con đường nghèo khó, tuân phục, phục vụ và tự hy hiến bản thân mình cho đến chết để trở thành Đấng chiến thắng bằng việc Phục Sinh của mình” (Công Đồng Chung Vaticanô II, Sắc Lệnh về Hoạt Động Truyền Giáo của Giáo Hội Ad Gentes, đoạn 5; xem Hiến Chế Tín Lý về Giáo Hội Lumen Gentium, đoạn 8). Bởi thế, Giáo Hội buộc phải làm mọi sự có thể để thực hiện sứ mệnh truyền giáo của mình trong thế giới và cho tất cả mọi dân tộc. Giáo Hội có quyền làm điều này, một quyền lợi Thiên Chúa đã ban cho Giáo Hội để hoàn thành dự án của Ngài. Quyền tự do tôn giáo, một quyền lợi có những lúc vẫn còn bị giới hạn và ngăn chặn, vốn là quyền lợi tiên quyết và bảo đảm cho tất cả mọi quyền tự do khác, những quyền tự do bảo toàn công ích cho cá nhân cũng như dân chúng. Người ta cần phải hy vọng là tất cả mọi người ở khắp mọi nơi sẽ được hưởng quyền tự do tôn giáo đích thực. Giáo Hội tranh đấu cho quyền tự do này ở tất cả mọi xứ sở, nhất là ở những xứ sở đa số là Công Giáo, nơi Giáo Hội có một ảnh hưởng lớn. Thế nhưng, đây không phải là vấn đề tôn giáo của số đông hay của số ít, mà là vấn đề của quyền lợi bất khả tách lìa của mỗi một con người và mọi con người.  
  
Về phần mình, Giáo Hội hướng về con người bằng tất cả lòng tôn trọng quyền tự do của họ (xem Công Đồng Chung Vaticanô II, Tuyên Ngôn về Tự Do Tôn Giáo Dignitatis Humanae, đoạn 3-4; ĐTC Phaolô VI, Tông Huấn Evangelii Nuntiandi, đoạn 79-80: loc. cit., 71-75; ĐTC Gioan Phaolô II, Thông Điệp Redemptor Hominis, đoạn 12: loc. cit., 278-281). Sứ mệnh của Giáo Hội không làm hạn chế quyền tự do mà trái lại còn cổ động cho nó nữa. Giáo Hội tôn trọng cá nhân cũng như văn hóa, và Giáo Hội tôn kính thánh cung lương tâm của con người. Với những ai chống lại hoạt động truyền giáo của Giáo Hội, vì những lý do khác nhau nào đó, Giáo Hội lập lại là Xin hãy mở cửa cho Chúa Kitô!  
  
Đến đây, Tôi muốn ngỏ lời cùng tất cả mọi Giáo Hội riêng, mới cũng như cũ. Thế giới đang vững vàng tiến tới chỗ liên kết với nhau hơn, nên tinh thần Phúc Âm phải làm cho chúng ta vượt qua những chướng ngại về văn hóa cũng như về quốc gia dân tộc, bằng cách tránh đi tất cả mọi thái độ cô lập. Đức Giáo Hoàng Bênêđictô XV đã cảnh giác các nhà truyền giáo thời của ngài cho họ khỏi “quên phẩm vị xứng hợp của họ và nghĩ đến quê hương trần gian của họ hơn là đến quê hương trên trời” (Thông Điệp Maximum Illud: loc. cit., 446). Lời khuyên nhủ tương tự sau đây vẫn còn công hiệu cho ngày hôm nay đối với các Giáo Hội riêng: Hãy mở cửa cho các nhà truyền giáo, vì “mỗi một Giáo Hội riêng tự ý muốn tách mình ra khỏi Giáo Hội hoàn vũ, thì sẽ bị mất đi mối liên hệ với dự án của Thiên Chúa, và sẽ trở thành nghèo nàn về mặt giáo hội của mình” (Đức Thánh Cha Phaolô VI, Tông Huấn Evangelii Nuntiandi, đoạn 62: loc. cit., 52).  
  
Hướng Chú Ý tới Miền Nam và Miền Đông  
  
40-       Ngày nay, hoạt động truyền giáo vẫn cho thấy đó là cả một thách đố lớn lao nhất đối với Giáo Hội. Đã gần kết thúc đệ nhị Thiên Niên của Công Cuộc Cứu Chuộc rồi mà vẫn thấy rõ là nhiều người trong đa số nhân loại vẫn chưa được nghe rao giảng về Chúa Kitô lần đầu tiên gì cả. Các thành quả của hoạt động truyền giáo trong thời đại tân tiến hết sức là tốt đẹp. Giáo Hội đã được thiết lập trên mọi lục địa; thật thế, ngày nay đa số tín hữu và các Giáo Hội riêng không còn phải chỉ có nguyên ở Âu Châu nữa, mà là ở trên các lục địa được các nhà truyền giáo gieo vãi đức tin.  
  
Tuy nhiên, sự kiện về “tận cùng trái đất” là nơi Phúc Âm phải được mang đến vẫn càng ngày càng xa cách hơn bao giờ hết. Lời của giáo phụ Tertullianô về việc Phúc Âm được loan truyền khắp cùng trái đất và cho tất cả mọi dân tộc (xem De Praescriptione Haereticorum, XX: CCL I, 201f) vẫn còn rất xa vời với thực tại. Việc truyền giáo ad gentes vẫn còn trong tình trạng non nớt của mình. Các dân tộc mới xuất hiện trên khung cảnh thế giới, và cả họ nữa cũng có quyền để nghe loan báo về ơn cứu độ. Việc phát triển dân số nơi các đất nước không phải Kitô giáo ở Miền Nam và Miền Đông đang không ngừng tăng nhân số, thành phần vẫn chưa biết gì đến Việc Cứu Chuộc của Chúa Kitô cả.  
  
Thế nên, chúng ta cần hướng chú ý của mình tới những miền đất và những môi trường văn hóa còn đang ở ngoài ảnh hưởng của Phúc Âm. Tất cả mọi người tin tưởng nơi Chúa Kitô phải cảm thấy, như một phần nguyên vẹn thuộc đức tin của mình, mối quan tâm tông đồ trong việc truyền đạt cho những người khác ánh sáng và niềm vui của đức tin. Mối quan tâm này phải trở nên thực sự là một niềm đói khát trong việc làm cho Chúa được nhận biết, được trao ban cho cả một thế giới lớn rộng ngoài Kitô giáo.  
  
V. NHỮNG ĐƯỜNG LỐI TRUYỀN GIÁO  
  
"Hoạt động truyền giáo của Giáo Hội không gì khác và không gì hơn là việc bộc lộ hay là việc tỏ hiện dự án của Thiên Chúa, cùng với việc làm hoàn tất dự án này trên thế giới cũng như trong lịch sử, một lịch sử Thiên Chúa đang minh nhiên hoàn thành lịch sử cứu độ bằng các việc truyền giáo” (Công Đồng Chung Vaticanô II, Sắc Lệnh về Hoạt Động Truyền Giáo của Giáo Hội Ad Gentes, đoạn 9; xem Chương II, 10-18). Vậy Giáo Hội sẽ dùng đường lối nào để đạt được mục đích này?  
  
Hình Thức Đầu Tiên của Việc Truyền Giáo là Làm Chứng  
  
42-       Con người ngày nay tin tưởng vào các chứng nhân hơn là vào các thày dạy (xem ĐTC Phaolô VI, Tông Huấn Evangelii Nuntiandi, đoạn 41: loc. cit., 31f), vào nghiệm cảm hơn là vào giảng thuyết, và vào cuộc sống cũng như hành động hơn là vào các lý thuyết. Chứng từ của đời sống Kitô hữu là thể thức đầu tiên không thể thay thế của việc truyền giáo: Chúa Kitô, Đấng chúng ta đang tiếp nối việc truyền giáo của Người, là một “chứng từ” (Rev 1:5, 3:14) tuyệt nhất, và là mẫu mực cho tất cả mọi chứng từ Kitô giáo. Chúa Thánh Thần đồng hành với Giáo Hội dọc suốt con đường Giáo Hội đi, và liên kết với Giáo Hội bằng chứng từ Ngài thực hiện để tỏ Chúa Kitô ra (x. Jn 15:26-27).  
  
Thể thức đầu tiên của việc làm chứng là chính đời sống của nhà truyền giáo, của gia đình Kitô hữu và của cộng đồng giáo hội, là những gì tỏ ra cho thấy một lối sống mới. Nhà truyền giáo, người bất chấp mọi giới hạn và yếu kém của mình, sống một cuộc đời giản dị, lấy Chúa Kitô làm mô phạm, là dấu chỉ của Thiên Chúa và của các thực tại siêu việt. Thế nhưng, hết mọi người trong Giáo Hội, bằng việc cố gắng bắt chước Thày Chí Thánh, cũng đều có thể và phải thực hiện chứng từ đời sống này (xem Công Đồng Chung Vaticanô II, Hiến Chế Tín Lý về Giáo Hội Lumen Gentium, đoạn 28, 35, 38; Hiến Chế Mục Vụ về Giáo Hội trong Thế Giới Ngày nay Gaudium et Spes, đoạn 43; Sắc Lệnh về Hoạt Động Truyền Giáo của Giáo Hội Ad Gentes, đoạn 11-12); trong nhiều trường hợp, chứng từ loại này là một cách duy nhất khả dĩ để trở thành một nhà truyền giáo.  
  
Chứng từ của phúc âm hết sức cần thiết cho thế giới này là chứng từ của việc quan tâm đến con người, cũng như đến đức bác ái đối với thành phần nghèo khó, thành phần yếu kém và những kẻ khổ đau. Tấm lòng hết sức quảng đại nấp sau thái độ ấy cũng như sau những hành động ấy hoàn toàn đi ngược lại với tính vị kỷ của con người. Nó gợi lên những thắc mắc xác đáng để dẫn con người đến cùng Thiên Chúa và Phúc Âm. Việc dấn thân cho hòa bình, cho công lý, cho nhân quyền, và cho việc cổ võ nhân bản cũng là một chứng từ cho Phúc Âm, khi chứng từ ấy là một mối quan tâm tới con người và nhắm đến việc phát triển con người toàn vẹn (xem ĐTC Phaolô VI, Thông Điệp Populorum Progressio – 26/3/1967 – đoạn 21, 42: AAS 59 –1967 – 267f, 278).  
  
43-       Kitô hữu và các cộng đồng Kitô hữu đóng góp rất nhiều vào cuộc sinh hoạt nơi đất nước khả kính của họ, và có thể trở thành dấu chỉ Phúc Âm, khi họ trung thành với quê hương, dân tộc và văn hóa đất nước của mình, mà vẫn luôn luôn giữ được tự do Chúa Kitô ban cho. Kitô giáo hướng về tình huynh đệ đại đồng, vì tất cả mọi người nam nữ đều là những người con của cùng một Cha và là anh chị em trong Chúa Kitô.  
  
Giáo Hội được kêu gọi để làm chứng cho Chúa Kitô, bằng việc can đảm lên tiếng đối đầu với tình trạng băng hoại của quyền lực chính trị hay kinh tế; bằng cách không tìm kiếm vinh dự và giầu sang vật chất cho mình; bằng việc sử dụng các nguồn lợi của mình để phục vụ thành phần nghèo khổ nhất, và bằng việc bắt chước đời sống giản dị của Chúa Kitô. Giáo Hội và các nhà truyền giáo của Giáo Hội cũng phải thực hiện chứng từ khiêm nhượng, nhất là khiêm nhượng đối với bản thân mình – một đức khiêm nhượng giúp họ xét lại lương tâm cá nhân cũng như cộng đồng, để sửa đổi hành vi của mình nơi bất cứ điều gì trái với Phúc Âm và làm biến dạng dung nhan của Chúa Kitô.  
  
Việc Loan Báo Tiên Khởi về Chúa Kitô Cứu Độ  
  
44-       Việc loan báo là ưu tiên mãi mãi của việc truyền giáo. Giáo Hội không thể trốn tránh lệnh truyền hiển nhiên của Chúa Kitô, hay để cho con người nam nữ không biết đến “Tin Mừng” về việc họ được Thiên Chúa yêu thương và cứu độ. “Việc truyền bá phúc âm hóa cũng sẽ luôn luôn chất chứa - như nền tảng, trọng tâm và đồng thời cũng là tột đỉnh cơ cấu của nó - một loan báo minh nhiên là, nơi Chúa Giêsu Kitô, Con Thiên Chúa làm người, Đấng đã chết và sống lại từ trong kẻ chết, ơn cứu độ được hiến ban cho tất cả mọi người như một tặng vật của ân sủng và của tình thương Thiên Chúa (x.Eph.2:8; Rm.1:16...)” (ĐTC Phaolô VI, Tông Huấn Evangelii Nuntiandi, đoạn 27: loc. cit., 23). Tất cả mọi thể thức của hoạt động truyền giáo đều nhắm đến việc loan truyền này, một việc loan truyền bày tỏ và dẫn đến một mầu nhiệm được giữ kín qua các thời đại và được tỏ ra cho thấy nơi Chúa Kitô (x. Eph 3:3-9; Col 1:25-29), mầu nhiệm ở ngay cốt lõi của sứ mệnh truyền giáo và đời sống Giáo Hội, làm mấu chốt chi phối toàn thể việc truyền bá phúc âm hóa.  
  
Trong thực tại phức tạp của việc truyền giáo, việc rao giảng tiên khởi đóng một vai trò trọng yếu và không thể thay thế được, vì nó đem con người “vào mầu nhiệm tình yêu Thiên Chúa, Đấng mời gọi họ dự phần cùng mối liên hệ riêng tư với chính Ngài trong Chúa Kitô” (Công Đồng Chung Vaticanô II, Sắc Lệnh về Hoạt Động Truyền Giáo của Giáo Hội Ad Gentes, đoạn 13), và mở đường cho họ trở về với Ngài. Đức tin được phát sinh từ việc rao giảng, và mọi cộng đồng giáo hội đều được bắt nguồn và sống động từ việc đáp ứng riêng tư của mỗi tín hữu đối với việc rao giảng này (xem ĐTC Phaolô VI, Tông Huấn Evangelii Nuntiandi, đoạn 15: loc. cit., 13-15; Công Đồng Chung vaticanô II, Sắc Lệnh về Hoạt Động Truyền Giáo của Giáo Hội Ad Gentes, đoạn 13-14). Như toàn thể công cuộc cứu độ lấy Chúa Kitô làm tâm điểm thế nào, thì toàn thể hoạt động truyền giáo cũng nhắm đến việc loan truyền mầu nhiệm của Người như vậy.  
  
Chủ đề cho việc loan truyền này là Chúa Kitô chịu đóng đanh, tử nạn và phục sinh: nhờ Người chúng ta hoàn toàn và thực sự được giải thoát khỏi sự dữ, tội lỗi và sự chết; và nhờ Người Thiên Chúa ban “sự sống mới” là sự sống thần linh và trường cửu. Đó là “Tin Mừng” làm thay đổi con người và lịch sử của con người, và là “Tin Mừng” tất cả mọi dân tộc có quyền được nghe biết. Việc loan truyền này phải được thực hiện trong mối tương quan với cuộc sống của con người cũng như của các dân tộc nghe biết. Việc loan truyền này phải được thực hiện bằng một thái độ yêu thương và trọng kính đối với những ai nghe biết, bằng một thứ ngôn từ thực tế và thích ứng với hoàn cảnh. Qua việc loan truyền này, Thần Linh hoạt động và thiết lập mối hiệp thông giữa nhà truyền giáo và thính giả của họ, một mối hiệp thông khả dĩ vì cả hai đều tham dự vào mối hiệp thông với Thiên Chúa là Cha qua Chúa Kitô (xem Thông Điệp Dominum et Vivificantem, đoạn 42, 64: loc. cit., 857-859, 892-894).  
  
45-       Bởi được liên kết với toàn thể cộng đồng giáo hội, việc loan truyền ấy không bao giờ là một tác động thuần cá nhân. Nhà truyền giáo hiện diện và thi hành công việc của mình theo lệnh truyền nhận được; cho dù có hoạt động một mình đi nữa, họ vẫn gắn liền bằng một mối giây liên kết chặt chẽ vô hình với hoạt động truyền bá phúc âm hóa của toàn thể Giáo Hội (xem ĐTC Phaolô VI, Tông Huấn Evangelii Nuntiandi, đoạn 60: loc. cit., 50f). Không sớm thì muộn thính giả của họ cũng nhận ra nơi họ cộng đồng đã sai họ đi và đang nâng đỡ họ.  
  
Việc loan truyền này được đức tin khơi động, một đức tin phát sinh lòng nhiệt thành và sốt mến nơi nhà truyền giáo. Như đã được đề cập, Sách Tông Vụ dùng chữ parrhesia để diễn tả thái độ này, một từ ngữ có nghĩa là nói lên một cách tỏ tường và can trường. Từ ngữ này cũng được thấy cả nơi Thánh Phaolô nữa: “Chúng tôi đã can đảm trong Thiên Chúa của mình để công bố cho anh em Phúc Âm của Thiên Chúa trước sự chống đối cả thể” (1Thes 2:2); “Hãy cầu nguyện... cho tôi nữa, để tôi được can đảm mở miệng ra loan truyền mầu nhiệm Phúc Âm mà tôi là khâm sai trong xiềng xích; để tôi có thể công bố mầu nhiệm Phúc Âm này một cách vững mạnh như tôi phải nói” (Eph 6:18-20).  
  
Trong việc loan báo Chúa Kitô cho các người ngoài Kitô giáo, nhà truyền giáo phải xác tín rằng, nhờ hoạt động của Thần Linh, nơi con người cũng như các dân tộc đã có một niềm mong chờ, cho dù chỉ là một niềm mong chờ trong tiềm thức, được biết đến sự thật về Thiên Chúa, về con người và về cách thức chúng ta được giải thoát khỏi tội lỗi và sự chết. Lòng nhiệt thành của nhà truyền giáo trong việc loan báo Chúa Kitô phát xuất từ niềm xác tín là họ đang đáp ứng niềm mong chờ ấy, bởi thế, họ không bị chán nản hay ngưng việc làm chứng nhân, cho dù họ được kêu gọi chứng tỏ đức tin của mình trong một môi trường thù hận hay lãnh đạm. Họ biết rằng Thần Linh của Cha đang nói qua họ (x. Mt 10:17-20; Lk 12:11-12), và họ có thể nói cùng với các Tông Đồ là: “Chúng tôi là những chứng nhân về những điều này, có cả Thánh Thần làm chứng nữa” (Acts 5:32). Họ biết rằng họ không loan truyền một sự thật của nhân loại mà là chính “lời Chúa”, lời có một quyền năng tự tại và nhiệm mầu của mình” (x. Rm 1:16).  
  
Cuộc thử thách cao cả nhất là hiến sự sống mình, cho đến độ chấp nhận cái chết để làm chứng lòng mình tin tưởng nơi Chúa Giêsu Kitô. Trải suốt giòng lịch sử Kitô giáo, các vị tử đạo, hay là “các chứng nhân”, bao giờ cũng nhiều và không thể thiếu được trong việc truyền bá Phúc Âm. Trong thời đại của chúng ta đây, có nhiều Giám Mục, linh mục, tu sĩ nam nữ, giáo dân – thường là những vị anh hùng vô danh, thành phần hiến mạng sống mình để làm chứng cho đức tin. Họ là tin mừng và là chứng nhân đức tin tuyệt hạng.  
  
Hoán Cải và Lãnh Nhận Phép Rửa  
  
46-       Việc loan truyền lời Chúa nhắm đến việc làm cho con người trở lại làm Kitô hữu, tức là làm cho con người hoàn toàn và chân thành gắn bó với Chúa Kitô và Phúc Âm của Người bằng đức tin. Việc trở lại là một tặng ân của Thiên Chúa, một công việc của Chúa Ba Ngôi. Chính Thần Linh là Đấng mở lòng con người ra để họ tin vào Chúa Kitô và “tuyên xưng Người” (x. 1Cor. 12:3); “Không ai đến được với Tôi nếu Cha là Đấng sai Tôi không lôi kéo họ” (Jn 6:44), Chúa Giêsu đã nói với những ai đến với Người bằng đức tin như thế.  
   
Việc trở lại bằng đức tin đầu tiên là một việc trọn vẹn và sâu xa, và là một việc không làm giới hạn hay cản trở tặng ân của Thiên Chúa. Việc trở lại này cũng làm phát sinh một tiến trình năng động kéo dài cả đời, một tiến trình đòi phải liên tục từ bỏ “cuộc sống theo xác thịt” để “sống theo Thần Linh” (x. Rom 8:3-13). Việc trở lại tức là tự động chấp nhận vương quyền cứu độ của Chúa Kitô để làm môn đệ của Người.  
  
Theo gương Thánh Gioan Tẩy Giả, vị dọn đường cho Chúa Kitô bằng “việc rao giảng phép rửa thống hối để được ơn tha tội” (Mk 1:4), cũng như theo gương chính Chúa Kitô, Đấng “sau khi Gioan bị tống ngục... đã đến Galilêa rao giảng Phúc Âm Chúa mà nói: ‘Thời điểm đã trọn, vương quốc Thiên Chúa đã đến; hãy ăn năn hối cải và tin vào Phúc Âm’” (Mk 1:14-15), Giáo Hội cũng kêu gọi tất cả mọi người hãy ăn năn trở lại.  
  
Cho đến nay, lời các nhà truyền giáo kêu gọi những người ngoài Kitô giáo trở lại đã được tái xét hay không được nhắc đến nữa. Việc trở lại này được coi như là một tác động “mộ giáo”; người ta cho rằng chỉ cần giúp cho con người nên người hơn hay trung thành với đạo của họ là đủ rồi, tức là chỉ cần xây dựng những cộng đồng có khả năng hoạt động cho công lý, tự do, hòa bình và đoàn kết là đủ. Cái người ta bỏ qua không nói tới ở đây đó là mọi người có quyền nghe biết “Tin Mừng” của Thiên Chúa, Đấng trong Chúa Kitô đã tỏ mình và ban mình ra cho con người, để mỗi một người có thể sống trọn vẹn với ơn gọi xứng hợp của riêng mình. Thực tại cao cả này được diễn tả qua những lời Chúa Giêsu nói với người phụ nữ Samaritanô: “Nếu chị biết ơn Thiên Chúa ban”, cũng như qua ước vọng vô tri song tha thiết của chị phụ nữ này: “Xin ông hãy cho tôi thứ nước này để tôi không còn khát nữa” (Jn 4:20,15).  
  
47-       Được Thần Linh tác động, các Vị Tông Đồ đã mời gọi tất cả mọi người hoán cải đời sống của họ, trở lại và lãnh nhận phép rửa. Ngay sau biến cố Chúa Thánh Thần Hiện Xuống, Thánh Phêrô đã nói với đám đông dân chúng những lời đánh động: “Khi nghe thấy vậy, họ cảm thấu đến tận đáy lòng, nên nói với Thánh Phêrô cùng với các Vị Tông Đồ rằng: ‘Thưa Quí Huynh, chúng tôi cần phải làm sao đây?’ Thánh Phêrô nói với họ: ‘Anh em hãy ăn năn thống hối và mọi người trong anh em hãy lãnh nhận phép rửa nhân danh Chúa Giêsu Kitô để được ơn tha thứ tội lỗi; rồi anh em sẽ được lãnh nhận tặng ân Thánh Thần’” (Acts 2:37-38). Chính ngày hôm đó có ba ngàn người được rửa tội. Lần khác, sau khi chữa lành cho một người què, Thánh Phêrô nói với đám đông dân chúng, bằng cách lập lại rằng: “Bởi thế anh em hãy ăn năn thống hối và trở lại để tội lỗi của anh em được tẩy xóa!” (Acts 3:19).  
  
Việc trở lại cùng Chúa Kitô là một việc gắn liền với Phép Rửa, chẳng những vì tập truyền của Giáo Hội, mà còn vì ý của chính Chúa Kitô, Đấng đã sai các Tông Đồ đi tuyển mộ môn đệ ở tất cả mọi dân nước và rửa tội cho họ (x. Mt 28:19). Việc trở lại gắn liền với Phép Rửa còn vì chính nhu cầu cần phải lãnh nhận tràn đầy sự sống mới trong Chúa Kitô nữa. Như Chúa Giêsu nói với Nicôđêmô: “Thật vậy, thật vậy, Tôi cho ông biết, ai không được sinh lại bởi nước và Thần Linh, người ấy không được vào Nước Thiên Chúa” (Jn 3:5). Đúng thế, trong Phép Rửa, chúng ta được tái sinh vào sự sống của con cái Thiên Chúa, được hiệp nhất với Chúa Giêsu Kitô và được xức dầu trong Chúa Thánh Thần. Phép Rửa không phải chỉ là một ấn tín của việc trở lại, một thứ dấu hiệu bề ngoài cho thấy việc trở lại và chứng tỏ việc trở lại. Trái lại, Phép Rửa là một Bí Tích biểu hiệu cho việc tái sinh bởi Thần Linh và làm cho việc tái sinh bởi Thần Linh hiệu thành, phép này thiết lập những mối liên hệ thật sự và không thể đứt đoạn với Chúa Ba Ngôi, phép này cũng làm cho chúng ta nên các chi thể của Thân Mình Chúa Kitô là Giáo Hội.  
   
Phải nói đến tất cả những điều này là vì không ít người, ngay cả đến những người đang hoạt động cho việc truyền giáo ad gentes, có một khuynh hướng muốn tách việc trở lại với Chúa Kitô và việc lãnh nhận Phép Rửa ra khỏi nhau, như thể Phép Rửa là một cái gì không cần. Thật vậy, ở một số nơi, những cứu xét về xã hội học liên quan tới Phép Rửa đã làm lu mờ đi ý nghĩa đích thực của Phép Rửa là một tác động của đức tin. Sự việc này xẩy ra là do các yếu tố khác nhau về lịch sử cũng như về văn hóa, những yếu tố phải được loại bỏ nếu còn tồn tại, để Bí Tích tái sinh thiêng liêng có thể được quan niệm đúng như bản chất của mình. Các cộng đoàn giáo hội địa phương phải chú trọng đến việc này. Cũng phải nhận rằng, có nhiều người tỏ lòng muốn chấp nhận Chúa Kitô và sứ điệp của Người song không muốn chấp nhận bằng việc lãnh nhận bí tích, là vì thành kiến hay vì những thiếu sót nơi Kitô hữu đã làm cho họ không thể hiểu được bản tính thực sự của Giáo Hội là mầu nhiệm của đức tin và đức mến (xem Công Đồng Chung Vaticanô II, Hiến Chế về Giáo Hội Lumen Gentium, đoạn 6-9). Tôi muốn khuyến khích những người như vậy hãy hoàn toàn mở lòng mình ra cho Chúa Kitô, và muôn nhắc nhở với họ là, nếu họ cảm thấy được lôi kéo đến cùng Chúa Kitô, thì chính Người là Đấng muốn Giáo Hội phải là “nơi” thực sự họ tìm được Người. Tôi cũng mời gọi tín hữu Kitô giáo, cá nhân cũng như cộng đồng, hãy thực sự làm chứng cho Chúa Kitô bằng sự sống mới họ đã lãnh nhận.  
  
Chắc chắn người nào trở lại cũng đều là một quà tặng cho Giáo Hội và làm cho Giáo Hội thấy rằng mình phải có một trách nhiệm đàng hoàng đối với họ, không phải vì những người trở lại cần phải được sửa soạn dọn mình lãnh nhận Bí Tích qua thời gian dự tòng và học đạo, mà còn, nhất là trong trường hợp trở lại của người lớn, vì nơi những người trở lại này có một thứ nghị lực mới, một lòng nhiệt thành đối với đức tin và muốn sống Phúc Âm trong Giáo Hội. Một khi gia nhập cộng đồng giáo hội, họ sẽ hết sức thất vọng nếu họ chứng kiến thấy một sự sống thiếu sốt mến và chẳng có dấu hiệu gì là mới mẻ cả! Chúng ta không thể rao giảng việc ăn năn hoán cải, trừ phi chính chúng ta biết tái ăn năn hoán cải mỗi ngày.  
  
Hình Thành Giáo Hội Địa Phương  
  
48-       Việc trở lại và Phép Rửa mở lối gia nhập vào một Giáo Hội đã có sẵn, hay đòi phải thiết lập những cộng đồng mới là những cộng đồng tuyên xưng Chúa Giêsu là Đấng Cứu Thế và là Chúa. Đây là phần thuộc về dự án của Thiên Chúa, vì Ngài muốn “kêu gọi con người thông phần vào sự sống của Ngài, không phải chỉ theo cá nhân, không có liên hệ gì với nhau, mà còn làm cho họ thành một dân tộc bao gồm những đứa con của Ngài bị phân tán khắp nơi qui tụ lại với nhau nên một” (Công Đồng Chung Vaticanô II, Sắc Lệnh về Hoạt Động Truyền Giáo của Giáo Hội Ad Gentes, đoạn 2; xem Hiến Chế Tín Lý về Giáo Hội Lumen Gentium, đoạn 9).  
  
Việc truyền giáo ad gentes nhắm đến mục tiêu là thiết lập các cộng đồng Kitô giáo và phát triển các Giáo Hội cho đến mức hoàn toàn trưởng thành. Đó là mục đích chính yếu và ấn định của hoạt động truyền giáo, đến nỗi việc truyền giáo sẽ không hoàn thành cho đến khi tiến tới việc thiết lập một tân Giáo Hội riêng biệt, một Giáo Hội có thể sinh hoạt bình thường ở môi trường địa phương của mình. Sắc Lệnh Ad Gentes đã trình bày dài về vấn đề này (xem Chương III, 19-22), và vì Công Đồng Chung Vaticanô II chủ trương theo chiều hướng thần học chú trọng đến toàn thể mầu nhiệm Giáo Hội được thể hiện nơi mỗi Giáo Hội riêng, miễn là Giáo Hội riêng không tự mình cô lập song vẫn giữ mối hiệp thông với Giáo Hội hoàn vũ, để rồi cũng trở thành một nhà truyền giáo. Ở đây chúng ta đang nói đến một tiến trình rộng lớn và dài dòng, khó lòng xác định được chính xác giai đoạn nào thực sự đáng được gọi là giai đoạn kết thúc hoạt động truyền giáo để tiến sang hoạt động mục vụ. Tuy nhiên, cũng cần phải làm sáng tỏ một số điểm chính.  
  
49-       Trước hết và trên hết, cần phải nỗ lực để thiết lập các cộng đồng Kitô giáo ở khắp nơi, các cộng đồng làm nên “dấu hiệu hiện diện của Thiên Chúa trên thế giới” (ibid., 15), và là những cộng đồng phát triển cho tới khi trở thành Các Giáo Hội. Mặc dù đã có một con số khá đông các địa phận, song vẫn còn nhiều miền rất rộng không có Giáo Hội địa phương, hay không đủ số tín hữu trong một lãnh thổ rộng lớn với một mật độ dân cư đông đảo. Còn nhiều điều phải làm trong việc gieo trồng và phát triển Giáo Hội. Giai đoạn hình thành giáo hội được gọi là plantatio Ecclesia này chưa đạt đến đích điểm của mình; thật vậy, đối với nhiều người thuộc giòng dõi nhân loại thì giai đoạn này thậm chí cũng chưa được bắt đầu nữa.  
  
Trách nhiệm phải làm công việc này là của Giáo Hội hoàn vũ cũng như của các Giáo Hội riêng, của toàn thể Dân Chúa cũng như của tất cả mọi lực lượng truyền giáo trong Dân Chúa. Hết mọi Giáo Hội, ngay cả Giáo Hội được hình thành bởi những người mới trở lại đi nữa, tự bản chất của mình, đều là truyền giáo, và vừa được truyền bá phúc âm hóa cho vừa thực hiện truyền bá phúc âm hóa. Đức tin bao giờ cũng phải được tỏ ra cho thấy như là một tặng ân của Thiên Chúa sinh động trong cộng đồng (gia đình, giáo xứ, hội đoàn), và vươn tới người khác bằng chứng từ lời nói cũng như việc làm. Hoạt động truyền bá phúc âm hóa của cộng đồng Kitô hữu, trước tiên ở tại địa phương của mình, rồi tới các nơi khác trong phạm vi truyền giáo phổ quát của Giáo Hội. Chúa luôn luôn kêu gọi chúng ta ra khỏi bản thân mình để chia sẻ với người khác các sản vật chúng ta có, bắt đầu là đức tin, món quà tặng qúi nhất. Thành quả của các tổ chức, phong trào, giáo xứ và việc tông đồ của Giáo Hội đều được căn cứ vào chiều hướng thực hiện việc truyền giáo buộc phải làm này. Chỉ nhờ trở thành truyền giáo cộng đồng Kitô hữu mới có thể thắng vượt được những chia rẽ và căng thẳng nội tại, cũng như mới có thể tái khám phá thấy mối hiệp nhất và sức mạnh đức tin của mình.  
  
Nhân viên truyền giáo được sai đến từ các Giáo Hội và các quốc gia khác phải hoạt động trong mối hiệp thông với quí vị trách nhiệm địa phương của mình để làm phát triển cộng đồng Kitô hữu. Nhân viên truyền giáo đặc biệt phải – theo qui định của các vị Giám Mục và hợp tác với những vị có trách nhiệm ở cấp độ địa phương – duy trì việc quảng bá đức tin cùng với việc làm cho Giáo Hội lan tới những môi trường ngoài Kitô giáo cũng như tới nơi những nhóm người không phải Kitô hữu, và làm phấn khởi ở Giáo Hội riêng cái cảm quan truyền giáo, để mối quan tâm mục vụ luôn luôn được gắn liền với mối quan tâm truyền giáo ad gentes. Có thế, hết mọi Giáo Hội mới cảm nghiệm được nơi mình nỗi bận tâm của Chúa Kitô Mục Tử Nhân Lành, Đấng hoàn toàn hiến mình phục vụ cho đàn chiên, song vẫn nghĩ tới “các chiên khác chưa thuộc về đàn này” (Jn 10:16).  
  
50-       Nỗi bận tâm này sẽ trở nên như động lực khích thích để tái tấu cuộc dấn thân hoạt động cho việc đại kết. Mối liên hệ giữa hoạt động đại kết và hoạt động truyền giáo làm phát sinh ra hai yếu tố gắn liền với nhau cần phải được cứu xét. Một đàng, chúng ta phải nhận thức rằng: “Tình trạng Kitô hữu chia rẽ nhau làm hư hại đến công cuộc thánh hảo của việc rao giảng Phúc Âm cho mọi tạo vật và là một trở ngại cho nhiều người tiến đến với đức tin” (ibid. 6). Ở chỗ, Tin Mừng hòa giải do Kitô hữu lại là thành phần chia rẽ nhau rao giảng sẽ làm cho chứng từ của họ mất đi giá trị. Bởi thế, rất cần phải hoạt động cho việc hiệp nhất Kitô giáo, để hoạt động truyền giáo được sinh hoa kết trái hơn. Chúng ta cũng không được quên rằng, các nỗ lực hướng về tình trạng hiệp nhất này, tự chúng, chỉ là dấu hiệu cho việc hòa giải Thiên Chúa đang mang lại giữa chúng ta.  
  
Đàng khác, cũng thực sự có một cái gì đó hiệp thông, mặc dù bất toàn, giữa tất cả những người lãnh nhận Phép Rửa trong Chúa Kitô. Bởi thế, Công Đồng đã ấn định một nguyên tắc là: “trong khi chờ đợi để nêu lên tất cả những gì có vẻ khác nhau và lầm lẫn, cũng như những gì có vẻ chống đối nhau không lành mạnh, người Công Giáo phải lấy tinh thần hiệp thông mà hợp tác với các anh chị em ly khai của mình, theo các qui định của Sắc Lệnh về Đại Kết: bằng một bản tuyên xưng chung đức tin của mình nơi Thiên Chúa và nơi Chúa Giêsu Kitô trước mặt các dân nước bao nhiêu có thể, cũng như bằng việc cộng tác với nhau trong các vấn đề về xã hội và kỹ thuật, về văn hóa và tôn giáo” (ibid. 6; xem Sắc Lệnh về Đại Kết Unitatis Redintegratio, đoạn 3).  
  
Việc Kitô hữu thuộc các Giáo Hội khác nhau và các Cộng Đồng Giáo Hội khác nhau thực hiện hoạt động đại kết và chứng từ hòa hợp cho Chúa Giêsu Kitô đã mang lại hoa trái dồi dào. Thế nhưng, hơn bao giờ hết, khi mà Kitô hữu và các giáo phái pha phôi Kitô giáo đang nỗ lực gieo rắc lầm lạc, thì họ lại càng phải cùng nhau hoạt động và làm chứng hơn nữa. Việc lan tràn những giáo phái này cho thấy mối đe dọa đối với Giáo Hội Công Giáo cũng như đối với tất cả mọi Cộng Đồng Giáo Hội đang cùng Giáo Hội Công Giáo đối thoại. Mối đe dọa này xẩy ra bất cứ ở đâu, thì theo chiều hướng của hoàn cảnh địa phương, việc các Kitô hữu cùng nhau phản ứng lại, tự nó, là một việc đại kết vậy.  
  
 “Các Giáo Hội Căn Bản” là Lực Lượng Truyền Bá Phúc Âm  
  
51-       Có một hiện tượng phát triển nhanh chóng nơi các Giáo Hội trẻ trung – một hiện tượng đôi khi được các vị Giám Mục và Hội Đồng Giám Mục của các vị cho là một ưu tiên mục vụ – đó là hiện tượng “các cộng đoàn giáo hội cơ bản” (cũng được gọi bằng các danh xưng khác nữa), những cộng đoàn đang chứng tỏ cho thấy là những trung tâm ích lợi cho việc đào tạo Kitô hữu cũng như việc dấn thân truyền giáo. Đây là những nhóm Kitô hữu, ở cấp độ gia đình hay trong một môi trường thu hẹp tương tự nào đó, họp nhau lại để nguyện cầu, đọc Thánh Kinh, học giáo lý và bàn luận về các vấn đề nhân bản cũng như giáo hội với ý hướng dấn thân hoạt động chung. Những cộng đoàn này là dấu sinh động trong Giáo Hội, là dụng cụ huấn luyện và truyền bá phúc âm hóa, cũng là một khởi điểm vững vàng cho một tân xã hội được xây dựng trên một “nền văn minh yêu thương”.  
  
Những cộng đoàn này phân nhỏ cộng đồng giáo xứ và làm nên cộng đồng giáo xứ, một cộng đồng mà họ vẫn gắn bó. Họ đi sâu vào những miền kém may mắn và quê mùa làng mạc, để trở nên men của đời sống Kitô giáo, của việc chăm sóc người nghèo và bị bỏ rơi, cũng như của việc dấn thân làm cho xã hội được biến đổi. Nơi những cộng đoàn giáo hội cơ bản này, cá nhân Kitô hữu cảm nghiệm được cộng đồng, nhờ đó, họ cảm thấy họ đang đóng một vai trò chủ động và được phấn khởi để thông công làm việc chung. Như thế, các cộng đoàn này trở nên một phương tiện truyền bá phúc âm hóa và là việc rao giảng tiên khởi cho Phúc Âm, cũng là nguồn của các thừa tác vụ mới. Ngoài ra, được thấm nhập tình yêu Kitô giáo, các cộng đoàn này còn chứng tỏ cho thấy họ có thể thắng vượt được những chia rẽ, giòng tộc và chủng tộc.  
  
Hết mọi cộng đoàn, nếu thực sự là Kitô giáo, đều phải được thiết lập trên Chúa Kitô và sống trong Người, ở chỗ lắng nghe lời Chúa, tập trung việc cầu nguyện của mình vào Thánh Thể, sống hiệp thông với nhau bằng việc nên một lòng trí, cũng như chia sẻ cho nhau tùy theo nhu cầu cần thiết của các phần tử (x. Acts 2:42-47). Như Đức Giáo Hoàng Phaolô VI đã nhắc nhở, hết mọi cộng đoàn này phải sống hiệp nhất với Giáo Hội riêng cũng như với Giáo Hội hoàn vũ, hoàn toàn hiệp thông với các Vị Chủ Chăn và Huấn Quyền của Giáo Hội, bằng quyết tâm hoạt động truyền giáo và không nhường bước cho khuynh hướng cô lập hóa hay những khai thác thuộc ý thức hệ (xem Tông Huấn Evangelii Nuntiandi, đoạn 58: loc. cit., 46-49). Cuộc Thượng Hội Giám Mục Thế Giới năm 1985 lên tiếng như sau: “Vì Giáo Hội là hiệp thông, ‘các cộng đoàn cơ bản’ mới, nếu thực sự hiệp nhất với Giáo Hội, mới là thực sự thể hiện mối hiệp thông này và mới là phương tiện kiến tạo nên một mối hiệp thông sâu xa hơn. Có thế, những cộng đoàn cơ bản ấy mới là nguồn hy vọng dồi dào cho đời sống của Giáo Hội” (Final Report, II, C, 6).  
  
VI . CÁC VỊ LÃNH ĐẠO VÀ NHÂN VIÊN CỦA VIỆC TÔNG ĐỒ TRUYỀN GIÁO  
  
Không có các chứng nhân cũng không có chứng từ, cũng như không có các nhà truyền giáo cũng không có hoạt động truyền giáo vậy. Chúa Giêsu đã chọn và sai con người đi để làm chứng nhân và tông đồ cho Người, nhờ đó, họ được thông phần vào sứ vụ của Người và tiếp tục công cuộc cứu độ của Người: “Các con sẽ là chứng nhân của Thày ở Gialiêm, khắp Giuđêa và Samaria cho đến tận cùng trái đất” (Acts 1:8).  
  
Mười Hai Vị là những người đầu tiên hoạt động trong sứ vụ truyền giáo đại đồng của Giáo Hội. Các vị hợp thành một “chủ thể đoàn” của sứ vụ này, khi các vị được Chúa Giêsu tuyển chọn ở với Người và được Người sai đến “với chiên lạc nhà Yến-Duyên” (Mt 10:6). Tính cách hợp đoàn này cũng không che dấu được một số nhân vật nổi nang trong nhóm của các vị, như Thánh Giacôbê, Thánh Gioan và nhất là Thánh Phêrô, vị nổi nhất đúng như câu nói: “Phêrô và các Tông Đồ khác” (Acts 2:14, 37). Chính nhờ Thánh Phêrô mà chân trời sứ vụ đại đồng của Giáo Hội được trải rộng ra, và mở đường cho công cuộc truyền giáo ngoại hạng của Thánh Phaolô, vị được kêu gọi và sai đi đến với các dân nước theo ý muốn của Thiên Chúa” (x. Gal 1:15-16).  
  
Trong việc lan rộng việc truyền giáo của Giáo Hội sơ khai, chúng ta thấy, cùng với các vị Tông Đồ, còn có những nhân vật thấp vai hơn, song những người chúng ta cũng không được coi thường. Đây là những cá nhân, nhóm người và cộng đồng. Điển hình là Giáo Hội địa phương ở Antiôkia, một cộng đồng mà, sau khi được truyền bá phúc âm hóa cho, đã trở nên một cộng đồng truyền bá phúc âm hóa, một cộng đồng sai các nhà truyền giáo đến các nơi khác (x. Acts 13:2-3). Giáo Hội sơ khai cảm nghiệm được sứ vụ truyền giáo của mình là một công việc làm cộng đồng, nhưng cũng công nhận ở nơi mình có cả “những vị thừa sai đặc biệt” hay “những nhà truyền giáo chuyên lo cho Dân Ngoại”, như Thánh Phaolô và Banabê.  
  
62-            Những gì được thực hiện ngay từ ban đầu của Kitô Giáo trong việc trải rộng sứ vụ truyền giáo đại đồng của mình vẫn còn hiệu lực và trở nên khẩn thiết vào lúc này đây. Giáo Hội tự bản chất là truyền giáo, vì lệnh truyền của Chúa Kitô không phải là một cái gì ngẫu nhiên hay bề ngoài, mà là những gì chạm đến chính con tim của Giáo Hội. Thế nên, Giáo Hội hoàn vũ và mỗi một Giáo Hội mới được sai đến với các dân nước. Chính vì “để cho lòng nhiệt thành truyền giáo này có thể nở hoa nơi dân tộc của mình”, mà việc các Giáo Hội trẻ rất cần phải “chia sẻ vào công việc truyền giáo đại đồng của Giáo Hội sớm bao nhiêu có thể. Họ phải tự sai các nhà truyền giáo đi loan truyền Phúc Âm khắp thế giới, cho dù họ có bị thiếu hụt giáo sĩ chăng nữa” (Công Đồng Chung Vaticanô II, Sắc Lệnh về Hoạt Động Truyền Giáo của Giáo Hội Ad Gentes, đoạn 20). Nhiều Giáo Hội riêng đã làm như thế, Tôi hết sức khuyến khích họ hãy tiếp tục công việc này.  
   
Nơi mối liên hệ chính yếu này giữa Giáo Hội hoàn vũ và các Giáo Hội riêng, chúng ta thấy thể hiện thực sự bản chất truyền giáo đích thật và trọn vẹn của Giáo Hội: “Trong một thế giới đang thu hẹp lại khoảng cách làm cho thế giới càng nhỏ hơn, thì các cộng đồng Giáo Hội càng phải liên kết với nhau, trao đổi các nguồn lực và nguồn lợi cần thiết, để trở thành một nhóm dấn thân thực hiện sứ vụ truyền giáo duy nhất chung trong việc loan truyền và sống Phúc Âm... Các Giáo Hội được gọi là trẻ trung cần phải lấy sức lực từ các Giáo Hội lâu đời hơn, và các Giáo Hội lâu đời hơn cần đến chứng từ và động lực của các Giáo Hội trẻ trung, để mỗi một Giáo Hội có thể rút ra được những gì là phong phú của nhau” (Tông Huấn Christifideles Laici, đoạn 35: loc. cit., 458)  
  
Những Người Có Trách Nhiệm với Hoạt Động Truyền Giáo  
  
63-       Như Chúa Phục Sinh đã ra lệnh truyền giáo đại đồng cho Tông Đồ Đoàn dưới quyền lãnh đạo của Thánh Phêrô thế nào, thì nay trách nhiệm ấy cũng được ủy thác chính yếu cho Giám Mục Đoàn dưới quyền lãnh đạo của Vị Kế Thừa Thánh Phêrô như vậy (xem Công Đồng Chung Vaticanô II, Sắc Lệnh về Hoạt Động Truyền Giáo của Giáo Hội Ad Gentes, đoạn 38). Nhận thức được trách nhiệm này, Tôi cảm thấy có nhiệm vụ phải nói về vấn đề ấy trong những cuộc gặp gỡ với các Giám Mục, liên quan đến việc tân truyền bá phúc âm hóa cũng như đến sứ vụ truyền giáo đại đồng. Tôi đã tông du khắp thế giới để “loan truyền Phúc Âm, để ‘làm cho anh em mình vững mạnh’ trong niềm tin, để an ủi Giáo Hội, để gặp gỡ dân chúng. Các cuộc tông du này là những cuộc hành trình đức tin... chúng cũng là những dịp để dạy giáo lý di động, những dịp loan truyền Phúc Âm bằng việc quảng bá Phúc Âm và Huấn Quyền tông truyền cho tất cả mọi nơi trên thế giới” (Bài Diễn Từ ngỏ với Các Vị Hồng Y và những người làm việc ở Tòa Thánh Rôma, ở Thành Vatican và ở Giáo Phận Rôma, ngày 28/6/1980, 10: Insegnamenti, III/1 – năm 1980 – 1887).  
  
Các vị Giám Mục anh em của Tôi, cùng với Tôi, có trách nhiệm trực tiếp đối với việc truyền bá phúc âm hóa thế giới, với tư cách vừa là một phần tử của Giám Mục Đoàn, vừa là vị Chủ Chiên của Giáo Hội riêng. Về khía cạnh này, Công Đồng nói: “Trách nhiệm loan truyền Phúc Âm khắp thế giới là trách nhiệm thuộc về chủ chiên đoàn, về tất cả những ai Chúa Kitô đã truyền lệnh chung” (Hiến Chế Tín Lý về Giáo Hội Lumen Gentium, đoạn 23). Công Đồng còn nói rằng, các vị Giám Mục “đã được thánh hiến không phải chỉ để cho giáo phận riêng mà còn cho việc cứu độ của toàn thế giới nữa” (Sắc Lệnh về Hoạt Động Truyền Giáo của Giáo Hội Ad Gentes, đoạn 38). Trách nhiệm chung này cần phải có một số những việc làm thực tiễn. Bởi thế, “Cuộc Họp của các vị Giám Mục... trong số những quan tâm quan trọng chung chung khác, phải đặc biệt để ý đến hoạt động truyền giáo, một nhiệm vụ cao cả nhất và thánh hảo nhất của Giáo Hội” (ibid. 29). Trách nhiệm này cũng phải được phản ánh, ở những cấp độ khác nhau, nơi Các Hội Đồng Giám Mục cũng như nơi những cơ cấu của các hội đồng này ở tầm vóc quốc tế, đó là trách nhiệm phải tự mình đóng góp vào việc truyền giáo (xem ibid. 38).  
  
Cả mỗi một vị Giám Mục cũng thế, với vai trò là Mục Tử của Giáo Hội riêng, các vị có một nhiệm vụ truyền giáo bao rộng. Các vị nhận lấy nhiệm vụ này “như một người quản trị và như trọng tâm của mối hiệp nhất nơi việc tông đồ thuộc giáo phận, để cổ võ hoạt động truyền giáo, để hướng dẫn và điều hợp công việc này... Các vị cũng cần phải biết rằng, hoạt động tông đồ không chỉ giới hạn nơi những người đã trở lại, mà còn là một chia sẻ công bình, cả về nhân viên cũng như ngân quĩ, cho việc truyền bá phúc âm hóa các người ngoài Kitô giáo nữa” (ibid. 30).  
  
64-       Mỗi một Giáo Hội riêng phải tỏ ra quảng đại và mở lòng mình trước những nhu cầu của các Giáo Hội khác. Việc cộng tác giữa các Giáo Hội, trong một hỗ tương chính đáng làm cho họ sẵn sàng chia sẻ và nhận lãnh, là một nguồn mạch phong phú cho chung họ và chạm tới một số lãnh vực khác nhau của đời sống giáo hội. Điển hình về vấn đề này là lời tuyên ngôn của Các Giám Mục ở Puebla: “Cuối cùng đã đến thời giờ để Mỹ Châu Latinh... hướng tới ad gentes ở ngoài biên cương bờ cõi của mình. Chúng ta chắc chắn cần đến các nhà truyền giáo cho chính mình, thế nhưng, chúng ta phải lấy cái nghèo túng của mình mà cho đi” (Các Văn Thư của Hội Nghị Chung Lần Ba của Các Giám Mục Mỹ Châu Latinh, ở Puebla năm 1979: 2941 [368]).    
  
Theo tinh thần này, Tôi kêu gọi các vị Giám Mục và các Hội Đồng Giám Mục hãy quảng đại để thực hiện việc áp dụng những khoản về các Qui Tắc được Thánh Bộ về Giáo Sĩ ban hành, liên quan đến việc cộng tác giữa các Giáo Hội riêng, nhất là liên quan đến việc phân phối giáo sĩ trên thế giới tốt đẹp hơn (xem Các Qui Tắc Postquan Apostoli ngày 25/3/1980: AAS 72 năm 1980, 343-364).  
  
Sứ mệnh truyền giáo của Giáo Hội thì rộng lớn hơn là “việc hiệp thông giữa các Giáo Hội với nhau”; sứ mệnh này phải được nhắm đến chẳng những vấn đề trợ giúp vào việc tái truyền bá phúc âm hóa, mà còn và chính yếu vào cả hoạt động truyền giáo nữa. Tôi kêu gọi tất cả mọi Giáo Hội, mới cũng như cũ, hãy chia sẻ với nhau mối quan tâm của Tôi đây, bằng việc tìm cách thắng vượt những chướng ngại khác nhau và làm tăng thêm các ơn gọi truyền giáo.  
  
Các Nhà Truyền Giáo và Dòng Tu Ad Gentes  
  
65-       Giờ đây, cũng như trong quá khứ, những người và những tổ chức được Sắc Lệnh Ad Gentes dành hẳn một chương đặc biệt nói đến, mang tựa đề “Các Nhà Truyền Giáo”, đang nắm giữ một vị thế hết sức quan trọng trong số những ai dấn thân vào việc tông đồ truyền giáo. Điều này cần phải cẩn thận suy xét, nhất là về phía các nhà truyền giáo, thành phần có thể tiến đến chỗ, bởi những đổi thay xẩy ra trong lãnh vực truyền giáo, không còn hiểu được ý nghĩa nơi ơn gọi của mình nữa, cũng như không còn biết chính xác những gì Giáo Hội mong đợi ở họ hiện nay nữa.  
  
Sau đây là những lời căn bản của Công Đồng: “Mặc dù công việc quảng bá đức tin phải được thực hiện hết sức mình có thuộc về mỗi một người môn đệ của Chúa Kitô đi nữa, thì Chúa bao giờ cũng kêu gọi những ai Người muốn, trong số các môn đệ của Người, để họ được ở với Người và để Người có thể sai họ đi rao giảng cho các dân tộc. Theo đó, nhờ Chúa Thánh Thần, Đấng phân phát các tặng ân của mình tùy ý cho lợi ích của tất cả mọi người, Chúa Kitô khơi dậy ơn gọi truyền giáo nơi cõi lòng nhiều người, đồng thời Người cũng làm nổi lên trong Giáo Hội những Tu Hội đảm nhận nhiệm vụ truyền bá phúc âm hóa, một việc truyền bá là trách nhiệm của toàn thể Giáo Hội, như là một việc làm chuyên biệt của mình” (ibid. 23).  
  
Bởi thế, điều được đề cập đến ở đây là một “ơn gọi đặc biệt”, theo mẫu ơn gọi của các vị Tông Đồ. Ơn gọi này được biểu lộ ra nơi việc hoàn toàn dấn thân cho việc truyền bá phúc âm hóa, một việc dấn thân bao gồm toàn thể bản thân và cuộc sống của nhà truyền giáo, đòi họ phải tự hiến mình đi đến hết nghị lực và thời giờ của họ. Những ai đã nhận được ơn gọi này, “do thẩm quyền hợp pháp sai đi, bằng đức tin và lòng tuân phục, đến với những ai xa cách Chúa Kitô, được dành riêng cho công việc họ được kêu gọi để làm như những thừa tác viên của Phúc Âm” (ibid). Các nhà truyền giáo phải luôn luôn suy nghĩ về việc đáp ứng cần có đối với ân huệ họ đã lãnh nhận, và tiếp tục cập nhật hóa việc học hỏi về tín lý cũng như tông đồ của mình.  
  
66-       Các Tu Hội Truyền Giáo, bằng việc rút kinh nghiệm và việc sáng tạo của mình song vẫn trung thành với đặc sủng của vị sáng lập, phải lợi dụng tất cả mọi phương tiện cần thiết để bảo đảm cho các dự sinh truyền giáo của mình được trang bị đầy đủ và được canh tân sinh lực về tinh thần, về luân lý cũng như về thể lý của họ (ibid. 23, 27). Họ phải cảm nhận được rằng, họ là một phần thiết yếu của cộng đồng giáo hội, và phải thực hiện công việc của mình trong mối hiệp thông với cộng đồng này. Thật vậy, “hết mọi Tu Hội có là vì Giáo Hội và phải làm cho Giáo Hội nên phong phú bằng những đặc tính chuyên biệt, theo tinh thần đặc thù và sứ vụ chuyên biệt của mình”; các vị Giám Mục chính là người trông coi việc họ trung thành với đặc sủng của Hội Dòng họ (xem Thánh Bộ về Dòng Tu và Thánh Bộ về Giám Mục, Các Hướng Dẫn về Các Mối Liên Hệ giữa Giám Mục và Tu Hội trong Giáo Hội Mutuae Relationes, ngày 14/5/1978, 14b: AAS 70 năm 1978, 482; cf. n. 28: loc. cit., 490).  
  
Nói chung, các Tu Hội Truyền Giáo được hình thành trong Giáo Hội bắt nguồn ở các xứ sở Kitô giáo lâu đời, rồi theo giòng lịch sử, họ đã trở thành phương tiện cho Thánh Bộ Propaganda Fide sử dụng để quảng bá đức tin và thành lập các Giáo Hội mới. Ngày nay, những Tu Hội này mỗi ngày một nhận thêm nhiều các dự sinh từ các Giáo Hội trẻ do họ thiết lập, trong khi các Tu Hội Truyền Giáo mới đã mọc lên nơi các xứ sở trước kia chỉ là nơi tiếp nhận các nhà truyền giáo thì nay lại là chỗ gửi các nhà truyền giáo đi. Đây là một chiều hướng đáng ca ngợi cho thấy hiệu lực liên tục và cần thiết nơi ơn gọi truyền giáo chuyên biệt của các Tu Hội này. Các Tu Hội ấy vẫn “hoàn toàn cần thiết” (Công Đồng Chung Vaticanô II, Sắc Lệnh về Hoạt Động Truyền Giáo của Giáo Hội Ad Gentes, đoạn 27), chẳng những cho hoạt động truyền giáo ad gentes theo truyền thống của họ, mà còn cho việc khơi động lên lòng sốt mến truyền giáo nơi các Giáo Hội thuộc những xứ sở Kitô giáo lâu đời cũng như nơi các Giáo Hội trẻ.  
  
Ơn gọi chuyên biệt của các nhà “trọn đời” truyền giáo này vẫn còn nguyên hiệu lực của nó: nó là mẫu dấn thân truyền giáo của Giáo Hội, một việc dấn thân truyền giáo cần thực sự và hoàn toàn ban tặng bản thân mình, cần những nỗ lực mới mẻ và vững mạnh. Vì thế, các nhà truyền giáo nam nữ, thành phần hiến cả đời mình vào việc làm chứng cho Chúa Phục Sinh nơi các dân nước, không được để cho mình cảm thấy lung lạc bởi bị ngờ vực, hiểu lầm, loại trừ hay bách hại. Họ phải phục hồi ân sủng thuộc đặc sủng chuyên biệt của mình và phải can đảm dấn bước, bằng việc lưu tâm tìm kiếm – theo tinh thần đức tin, tuân phục và hiệp thông với các vị Chủ Chăn - thành phần hèn kém nhất và những nơi khó khăn nhất.  
  
Các Linh Mục Giáo Phận với Việc Truyền Giáo Hoàn Vũ  
  
67-       Là cộng sự viện của Giám Mục, các linh mục, bởi Bí Tích Truyền Chức Thánh, được kêu gọi để thông phần vào mối quan tâm về sứ mệnh truyền giáo của Giáo Hội: “Tặng ân thiêng liêng các linh mục đã nhận được khi chịu chức, không phải cho việc truyền giáo nhỏ hẹp và giới hạn, mà là cho sứ vụ cứu độ đại đồng và gồm tóm hết mọi sự ‘cho đến tận thế’. Vì hết mọi thừa tác vụ tư tế đều thông phần vào mục tiêu đại đồng của sứ mệnh truyền giáo do Chúa Kitô ủy thác cho các vị Tông Đồ” (Công Đồng Chung Vaticanô II, Sắc Lệnh về Thừa Tác Vụ và Đời Sống của Linh Mục Presbyterorum Ordinis, đoạn 10; xem Sắc Lệnh về Hoạt Đồng Truyền Giáo của Giáo Hội Ad Gentes, đoạn 39). Bởi lý do này, việc đào luyện các tuyển sinh cho chức linh mục phải nhắm đến việc hiến cho họ “một tinh thần Công Giáo thực sự, nhờ đó, họ sẽ biết làm siêu vượt các giới hạn thuộc giáo phận của họ, xứ sở hay nghi thức, và cộng tác giúp đỡ toàn thể Giáo Hội, sửa soạn cho việc rao giảng Phúc Âm khắp mọi nơi” (Công Đồng Chung vaticanô II, Sắc Lệnh về Việc Đào Luyện Linh Mục Optatem Totius, 20). Tất cả mọi linh mục phải có trí khôn và tâm hồn của các nhà truyền giáo – mở lòng ra trước các nhu cầu của Giáo Hội cũng như của thế giới, chú ý đến những người xa xôi nhất, nhất là với các nhóm người ngoài Kitô Giáo trong miền của mình. Họ phải mang trong lòng mình, trong lời cầu nguyện, nhất là ở Hy Tế Thánh Thể, mối quan tâm của toàn thể Giáo Hội đối với tất cả nhân loại.                                                                 
  
Đặc biệt ở những miền Kitô hữu chỉ là một thiểu số thì các linh mục cần phải đầy nhiệt tình và dấn thân truyền giáo hơn nữa. Chúa ủy thác cho họ chẳng những việc mục vụ chăm sóc cộng đồng Kitô hữu, mà còn và trên hết việc truyền bá phúc âm hóa cho đồng bào của họ là thành phần không thuộc về đàn chiên của Chúa Kitô. Các linh mục sẽ “không ngừng làm cho mình lúc nào cũng sẵn sàng đối với Chúa Thánh Thần cũng như đối với vị Giám Mục để được sai đi rao giảng Phúc Âm ở ngoài biên cương đất nước của họ. Điều này chẳng những đòi hỏi họ phải trưởng thành trong ơn gọi của họ, mà còn đòi họ phải đặc biệt sẵn sàng tách lìa quê hương, văn hóa và gia đình của mình, cũng như đòi họ phải có một khả năng đặc biệt để thích nghi với những văn hóa khác, tỏ ra hiểu biết và tôn trọng những nền văn hóa ấy” (Bài Diễn Từ ngỏ với Hội Nghị của Thánh Bộ Truyền Bá Phúc Âm Hóa cho Các dân Tộc, ngày 14/4/1989, 4: AAS 81 năm 1989, 1140)  
  
68-       Trong Bức Thông Điệp Fidei Donum, Đức Giáo Hoàng Piô XII, bằng việc nhìn xa trông rộng, đã khuyến khích các Giám Mục hãy cống hiến một số linh mục của mình để tạm thời phục vụ tại các Giáo Hội Phi Châu, cũng như đã ban phép cho các dự án hiện hành nhắm đến mục tiêu này. Hai mươi lăm năm sau, Tôi đã vạch ra cho thấy cái mới mẻ đáng chú ý của Bức Thông Điệp này, một bức thông điệp “khỏa lấp khía cạnh về lãnh thổ nơi việc linh mục phục vụ để hướng nó về toàn thể Giáo Hội” (Sứ Điệp cho Ngày Thế Giới Truyền Giáo, 1982: Insegnamenti V/2 năm 1982, 1879). Ngày nay kinh nghiệm này đã cho thấy nó hiệu nghiệm và thành quả biết bao. Thật vậy, các linh mục của Thông Điệp Fidei Donum là dấu hiệu đặc thù của mối liên kết hiệp thông nơi các Giáo Hội. Họ đã đóng góp một cách sáng giá vào việc phát triển nơi những cộng đồng giáo hội thiếu thốn, trong khi rút lấy từ các cộng đồng này một đức tin tươi mới và linh hoạt. Dĩ nhiên, việc phục vụ truyền giáo của linh mục thuộc địa phận phải hợp với một số tiêu chuẩn và điều kiện nào đó. Các linh mục thừa sai phải được chọn lựa từ những tuyển sinh xứng hợp nhất, và phải được sửa soạn thích hợp cho công việc đặc biệt đang chờ đợi họ (xem Công Đồng Chung Vaticanô II, Sắc Lệnh về Hoạt Động Truyền Giáo của Giáo Hội Ad Gentes, 38; Thánh Bộ về Giáo Sĩ, Các Qui Tắc Postquam Apostoli, 24-25: loc. cit., 361). Bằng một thái độ cởi mở và huynh đệ, họ phải trở nên một phần nơi khung cảnh mới của Giáo Hội tiếp nhận họ, và nên một hàng giáo sĩ với các linh mục địa phương, dưới quyền của vị Giám Mục (Thánh Bộ về Giáo Sĩ, Các Qui Tắc Postquam Apostoli, 29: loc. cit., 362f; Công Đồng Chung Vaticanô II, Sắc Lệnh về Hoạt Động Truyền Giáo của Giáo Hội Ad Gentes, 20). Tôi hy vọng là tinh thần phục vụ sẽ được tăng hơn nơi các linh mục thuộc những Giáo Hội thiết lập lâu đời, và sẽ được bảo tồn nơi các linh mục thuộc những Giáo Hội thành lập muộn hơn.  
  
Thành Quả Truyền Giáo của Đời Sống Tận Hiến  
  
69-       Từ kho tàng Thần Linh khôn lường và đa diện đã phát sinh ra những ơn gọi của các Tu Hội Tận Hiến có những phần tử, “bởi việc hiến thân phụng sự Giáo Hội do bằng thánh hiến bản thân mình, có phận sự phải đóng một vai trò đặc biệt nơi hoạt động truyền giáo, một cách xứng hợp với Tu Hội của mình” (CIC, c 783). Lịch sử đã chứng tỏ cho thấy các Gia Đình Dòng Tu, từ các cơ cấu đan viện cổ xưa, tới các Dòng Tu thời trung cổ, cho đến các Hội Dòng cận đại hơn, phục vụ Giáo Hội một cách ngoại hạng, bằng việc quảng bá đức tin và thành lập các Giáo Hội.  
  
 (a)        Theo tiếng vang vọng của Công Đồng, Tôi mời gọi các Tu Hội Chiêm Niệm hãy thiết lập cộng đoàn của mình nơi các Giáo Hội trẻ, để “rạng ngời minh chứng cho những người ngoài Kitô giáo thấy được phẩm tính uy nghi cao cả và tình yêu của Thiên Chúa, cũng như thấy được mối hiệp nhất trong Chúa Kitô” (Sắc Lệnh về Hoạt Động Truyền Giáo của Giáo Hội Ad Gentes, đoạn 40). Việc hiện diện này làm ích cho khắp thế giới ngoài Kitô giáo, nhất là ở những miền có các truyền thống tôn giáo coi trọng đời sống chiêm niệm theo chiều hướng khổ chế nhiệm nhặt cũng như theo chiều hướng tìm kiếm Đấng Tối Cao.  
  
 (b)        Đối với các Tu Hội Hoạt Động, Tôi đề nghị họ hãy lợi dụng rất nhiều cơ hội để làm việc bác ái, để loan truyền Phúc Âm, để thực hiện việc giáo dục Kitô giáo, thực hiện những nỗ lực về văn hóa Kitô giáo và thực hiện tình đoàn kết Kitô giáo với người nghèo khổ và những người bị kỳ thị, bỏ rơi và đàn áp. Dù có triệt để theo đuổi mục đích truyền giáo hay không, những Tu Hội này cũng phải tự hỏi mình phải làm thế nào để tỏ ra và có thể nới rộng hoạt động của họ cho việc phát triển Vương Quốc của Thiên Chúa. Trong những thời gian gần đây, nhiều Tu Hội đã đáp ứng lời yêu cầu này, lời yêu cầu Tôi hy vọng sẽ được để ý tới hơn nữa và được áp dụng hơn nữa, để việc phục vụ càng ngày càng chuyên chính. Giáo Hội cần phải làm sáng tỏ các giá trị cao cả của Phúc Âm mà Giáo Hội là người nắm giữ. Không ai làm chứng một cách công hiệu hơn cho những giá trị Phúc Âm này, cho bằng những người tuyên khấn sống đời tận hiến giữ mình trinh khiết, khó nghèo và tuân phục, hoàn toàn hiến mình cho Thiên Chúa và luôn luôn sẵn sàng phục vụ con người cũng như xã hội theo gương Chúa Kitô (xem ĐTC Phaolô VI, Tông Huấn Evangelii Nuntiandi, đoạn 69: loc. cit., 58f).  
  
70-       Tôi cũng gửi lời cảm ơn đặc biệt đến các Chị Dòng truyền giáo, những người biến cuộc sống đồng trinh của mình vì Nước Trời thành vai trò làm mẹ thiêng liêng dồi dào sinh lực và hoa trái. Chính việc truyền giáo ad gentes đã hiến cho họ một mục tiêu rộng lớn để “hy hiến thân mình bằng một lòng yêu thương trọn vẹn không phân chia” (Tông Thư Mulieris Dignitatem ngày 15/8/1988, đoạn 20: AAS 80 năm 1988, 1703). Gương mẫu và hoạt động của giới nữ, thành phần, qua việc giữ mình đồng trinh, tận hiến mình cho tình yêu Thiên Chúa và tha nhân, nhất là chính người nghèo khổ, là một dấu hiệu phúc âm không thể thiếu được nơi những dân tộc và những nền văn hóa mà nữ giới vẫn còn xa vời trên con đường tiến đến tình trạng tiến bộ nhân bản và giải phóng con người. Tôi hy vọng là nhiều nữ Kitô hữu trẻ sẽ được lôi kéo đến việc hiến thân mình cho Chúa Kitô, rồi sẽ lấy được sức mạnh và niềm vui nơi việc thánh hiến của mình để làm chứng cho Người nơi các dân tộc chưa nhận biết Người.  
  
Tất Cả Mọi Giáo Dân là Thừa Sai theo Phép Rửa  
  
71-       Các vị Giáo Hoàng mới đây đã nhấn mạnh đến tầm quan trọng của vai trò giáo dân trong hoạt động truyền giáo (xem Đức Piô XII, Thông Điệp Evangelii Praecones: loc. cit., 510ff; Thông Điệp Fidei Donum: loc. cit., 228ff; ĐTC Gioan XXIII, Thông Điệp Princeps Pastorum: loc. cit., 855ff; ĐTC Phaolô VI, Tông Huấn Evangelii Nuntiandi, 70-73: loc. cit., 59-63). Trong Tông Huấn Christifideles Laici, Tôi đã nói rõ ràng về việc Giáo Hội “vĩnh viễn truyền giáo để mang Phúc Âm đến cho nhiều người – cả hằng triệu triệu người nam nữ – thành phần chưa biết Chúa Kitô là Đấng Cứu Chuộc của nhân loại” (đoạn 35: loc. cit., 457), cũng như nói về trách nhiệm của người tín hữu giáo dân liên quan đến vấn đề này. Việc truyền giáo ad genteslà nhiệm vụ của toàn thể Dân Chúa. Nếu nền tảng của một Giáo Hội mới cần phải có Thánh Thể, và bởi đó cũng cần đến thừa tác vụ linh mục, thì hoạt động truyền giáo, một hoạt động được thực hiện bằng nhiều cách thức khác nhau, là một công việc của tất cả mọi tín hữu Kitô giáo.  
  
Ngay từ những thuở ban đầu của Kitô giáo, rõ ràng là giáo dân – với tư cách cá nhân, gia đình hay toàn thể cộng đồng – đã chia sẻ vào việc quảng bá đức tin. Đức Giáo Hoàng Piô XII nhắc lại sự kiện này trong Thông Điệp đầu tiên về các việc truyền giáo của ngài (xem Evangelii Praecones: loc. cit., 510-514), trong đó ngài đã nêu lên một số trường hợp nơi những việc truyền giáo của giáo dân. Trong những thời tân tiến hiện nay, việc tham gia chủ động này của các nhà truyền giáo giáo dân nam nữ không hề thiếu. Chúng ta làm sao quên được vai trò quan trọng do nữ giới nắm giữ, đó là vai trò làm việc của họ trong gia đình, nơi học đường, nơi sinh hoạt chính trị, xã hội và văn hóa, nhất là nơi việc họ dạy tín lý Kitô giáo? Thật vậy, chúng ta cần phải công nhận – và cần phải tôn vinh – rằng có một số Giáo Hội đã được bắt nguồn từ hoạt động của các nhà truyền giáo giáo dân nam nữ.  
  
Công Đồng Chung Vaticanô II đã xác nhận truyền thống này, qua việc nói đến đặc tính truyền giáo của toàn thể Dân Chúa, nhất là nói đến việc tông đồ giáo dân (xem Hiến Chế Tín Lý về Giáo Hội Lumen Gentium, 17, 33ff), khi nhấn mạnh tới việc đóng góp đặc biệt cho hoạt động truyền giáo mà họ được kêu gọi thực hiện (xem Sắc Lệnh về Hoạt Động Truyền Giáo của Giáo Hội Ad Gentes, 35-36, 41). Nhu cầu đối với tất cả mọi tín hữu trong việc thông phần vào trách nhiệm này không phải chỉ là vấn đề làm cho việc tông đồ tăng thêm hiệu năng; nó còn là một quyền lợi và là một nhiệm vụ bởi phẩm vị thánh tẩy của họ, nhờ đó “tín hữu, về phần mình, tham dự vào sứ vụ tam diện của Chúa Kitô trong vai trò làm Tư Tế, Ngôn Xứ và Vương Đế” (Tông Huấn Christifideles Laici, đoạn 14: loc. cit., 410). Bởi thế, “họ bị bó buộc bởi nhiệm vụ chung và họ có quyền, theo tư cách cá nhân hay đoàn thể, cố gắng để làm cho sứ điệp thần linh được tất cả mọi dân tộc trên thế giới nhận biết và chấp nhận. Phận sự bó buộc này lại càng cần ở những hoàn cảnh mà dân chúng chỉ có thể nghe thấy Phúc Âm và nhận biết Chúa Kitô qua một mình họ mà thôi” (CIC, c. 225; xem Công Đồng Chung Vaticanô II, Sắc Lệnh về Việc Tông Đồ Giáo Dân Apostolicam Actuositatem, 6, 13). Ngoài ra, vì tính cách trần thế của mình, họ được đặc biệt kêu gọi “để tìm kiếm Vương Quốc của Thiên Chúa bằng việc dấn thân vào các việc làm trần thế và qui các việc này về với ý muốn của Thiên Chúa” (Công Đồng Chung Vaticanô II, Hiến Chế Tín Lý về Giáo Hội Lumen Gentium, 31; xem CIC, c. 225, 2).  
  
72-       Lãnh vực mà người giáo dân hiện diện và chủ động như là những nhà truyền giáo thì rất rộng rãi. “Lãnh vực riêng của họ... là một thế giới rộng lớn và phức tạp về chính trị, xã hội và kinh tế... “ (ĐTC Phaolô VI, Tông Huấn Evangelii Nuntiandi, 70: loc. cit., 60), ở cấp độ địa phương, quốc gia và quốc tế. Trong Giáo Hội, đó là những loại dịch vụ, phận vụï, tác vụ và đường lối truyền bá đời sống Kitô giáo. Tôi muốn nói đến việc phát triển nhanh chóng những “phong trào giáo hội” đầy những năng động truyền giáo, như là một phát triển mới mẻ xuất hiện tại nhiều Giáo Hội vào những thời gian gần đây. Khi những phong trào này khiêm nhượng tìm cách tham gia vào sinh hoạt của Giáo Hội địa phương và được vị Giám Mục cùng các linh mục trong giáo phận đón nhận vào giáo phận cũng như vào cơ cấu của giáo xứ, chúng là tiêu biểu cho tặng ân thực sự của Thiên Chúa, cho cả việc tân truyền bá phúc âm hóa cũng như cho hoạt động truyền giáo xứng danh của mình. Bởi thế, Tôi kêu gọi là những phong trào này phải được quảng bá, và phải được sử dụng trong việc làm phát sinh một nghị lực tươi mới, nhất là nơi giới trẻ, cho đời sống Kitô hữu, cũng như cho việc truyền bá phúc âm hóa, theo cái nhìn đa diện về những đường lối mà Kitô hữu có thể bắt tay hành động và biểu lộ mình ra.  
  
Trong lãnh vực hoạt động truyền giáo,việc tông đồ giáo dân có những hình thức khác nhau cần phải được tôn trọng vì bản chất và mục đích của chúng. Các hội đoàn truyền giáo giáo dân, các hiệp hội Kitô hữu thiện nguyện quốc tế, các phong trào, nhóm hội và tổ chức thân hữu thuộc giáo hội đủ loại khác nhau – tất cả mọi tổ chức này cần phải được đóng góp vào việc truyền giáo ad gentes, với tư cách là những cộng hoạt viên với Giáo Hội địa phương. Nhờ đó, việc phát triển của người tín hữu trưởng thành và có trách nhiệm mới được bảo tồn, người tín hữu đang được các Giáo Hội trẻ công nhận là “một yếu tố thiết yếu và không thể phủ nhận trong việc plantatio Ecclesiae” (Tông Huấn Christifideles Laici, 35: loc. cit., 458).  
   
Công Việc của Giáo Lý Viên và các Thừa Tác Vụ khác nhau  
  
73-       Trong số thành phần giáo dân trở nên những nhà truyền bá phúc âm hóa, thì các giáo lý viên chiếm một địa vị cao quí. Sắc Lệnh về Hoạt Động Truyền Giáo của Giáo Hội nói về họ như  là “đạo binh giáo lý viên, cả nam lẫn nữ, đáng ca ngợi, thành phần góp phần rất nhiều vào công việc truyền giáo nơi các dân nước. Được thấm nhiễm tinh thần tông đồ, họ thực hiện việc đóng góp chuyên biệt và hết sức cần thiết cho công cuộc quảng bá đức tin cũng như cho Giáo Hội, bằng những nỗ lực hết mình của họ” (đoạn 17). Chính vì lý do đó, các Giáo Hội được thiết lập lâu đời, dấn thân cho việc tân truyền bá phúc âm hóa, đã tăng phát con số những giáo lý viên cùng đẩy mạnh hoạt động giáo lý. Thế nhưng, “chữ ‘giáo lý viên’ trước hết thuộc về những giáo lý viên ở miền đất truyền giáo... Những Giáo Hội đang nở hoa hôm nay đây đã không được dựng xây lên nếu không có mặt họ” (Tông Huấn Catechesi Tradendae, 66: loc. cit., 1331).  
  
Cho dù có nới rộng các việc đóng góp của người giáo dân, cả ở trong lẫn ngoài Giáo Hội đi nữa, thì vẫn luôn luôn cần đến thừa tác vụ giáo lý viên, một thừa tác vụ có những đặc tính riêng của mình. Giáo lý viên là những chuyên viên, những chứng nhân trực tiếp và là những nhà truyền bá phúc âm hóa không thể thay thế được, thành phần, như Tôi vẫn thường phát biểu và cảm nghiệm thấy qua các cuộc hành trình truyền giáo của mình, cho thấy sức mạnh căn bản của các cộng đồng Kitô hữu, nhất là nơi các Giáo Hội trẻ. Giáo Luật mới đã công nhận những việc làm, phẩm chất và điều kiện các giáo lý viên (xem c. 785, 1).  
  
Tuy nhiên, cũng không được quên rằng, công viêïc của các giáo lý viên đang càng ngày càng trở nên khó khăn và khẩn thiết hơn, bởi những đổi thay về giáo hội cũng như về xã hội. Những gì Công Đồng gợi ý vẫn còn hiệu lực cho tới ngày nay, đó là gợi ý huấn luyện cẩn thận về tín lý và sư phạm, gợi ý tiếp tục canh tân về tinh thần và về việc tông đồ, cũng như gợi ý cần phải cung cấp cho giáo lý viên “một tiêu chuẩn sống và an sinh xã hội xứng hợp” (Sắc Lệnh về Hoạt Động Truyền Giáo của Giáo Hội Ad Gentes, 17). Còn một vấn đề quan trọng nữa, đó là việc nỗ lực thiết lập và nâng đỡ những trường dạy cho các giáo lý viên, được Hội Đồng Giám Mục chuẩn nhận và cấp bằng được sau này chính thức công nhận (xem Hội Nghị Thánh Bộ về Việc Truyền Bá Phúc Âm Hóa Các Dân Tộc năm 1969, về các giáo lý viên và các “Hướng Dẫn” liên hệ ban hành 4/1970: Bibliographia Missionaria 34 năm 1970, 197-212 và S.C. de Propaganda Fide Memoria Rerum, III/2 năm 1976, 821-831).  
  
74-       Ngoài các giáo lý viên ra, cũng cần phải đề cập tới những đường lối khác trong việc phục vụ Giáo Hội và sứ mệnh truyền giáo của Giáo Hội; tức là nói đến các nhân viên khác của Giáo Hội, như những người điều khiển cầu nguyện, thánh ca và phụng vụ; những người làm đầu các cộng đồng giáo hội cơ bản và các nhóm học hỏi Thánh Kinh; những người lo các việc bác ái; những quản trị viên điều hành các nguồn lợi của Giáo Hội; những lãnh đạo viên trong các hình thức tông đồ khác; các thày cô dạy về tôn giáo ở các trường học. Tất cả mọi phần tử giáo dân phải hiến một phần thời giờ của mình cho Giáo Hội, bằng việc sống đức tin của mình một cách chân chính.  
  
Thánh Bộ Truyền Bá Phúc Âm Hóa cho Các Dân Nước và Các Cơ Cấu lo Việc Hoạt Động Truyền Giáo  
  
75-       Các người điều hành và các nhân viên hoạt động mục vụ truyền giáo phải cảm nhận được việc hiệp nhất của họ trong mối hiệp thông làm nên đặc tính của Nhiệm Thể Giáo Hội. Chúa Kitô đã cầu nguyện cho điều này ở Bữa Tiệc Ly rằng: “Như Cha ở trong Con và như Con ở trong Cha, để họ cũng được ở trong chúng ta, cho thế giới tin rằng Cha đã sai Con” (Jn 17:21). Hoa trái của hoạt động truyền giáo chỉ được tìm thấy nơi mối hiệp thông này thôi.  
   
Thế nhưng, vì Giáo Hội cũng là chính mối hiệp thông, một hiệp thông hữu hình và có tổ chức, nên sứ mệnh truyền giáo của Giáo Hội cũng cần phải được thống nhất theo hình thức và cơ cấu giữa những trách nhiệm và phận vụ dự phần khác nhau, đến nỗi, tất cả mọi phần tử “có thể cống hiến sức lực của mình cho việc xây dựng Giáo Hội một cách hòa hợp” (Công Đồng Chung Vaticanô II, (Sắc Lệnh về Hoạt Động Truyền Giáo của Giáo Hội Ad Gentes, 28).   
  
Thánh Bộ phụ trách hoạt động truyền giáo có trách nhiệm “hướng dẫn và điều hợp khắp thế giới việc truyền bá phúc âm hóa các dân tộc cũng như việc hợp tác truyền giáo, liên quan tương xứng với thẩm quyền của Thánh Bộ về Các Giáo Hội Đông Phương” (Tông Hiến Pastor Bonus, ngày 28/6/1988, 85: AAS 80 năm 1988, 881; xem Công Đồng Chung Vaticanô II, Sắc Lệnh về Hoạt Động Truyền Giáo của Giáo Hội Ad Gentes, 29). Bởi thế, công việc của Thánh Bộ phụ trách hoạt động truyền giáo là “tuyển mộ các nhà truyền giáo và phân phối họ tùy theo nhu cầu cần hơn ở các vùng khác nhau..., phác họa một chương trình hoạt động ngăn nắp, ban hành các qui tắc và chỉ dẫn cùng với các nguyên tắc hợp với công việc truyền bá phúc âm hóa, và nâng đỡ những giai đoạn đầu trong việc làm của họ” (xem Công Đồng Chung Vaticanô II, Sắc Lệnh về Hoạt Động Truyền Giáo của Giáo Hội Ad Gentes, 29; xem ĐTC Gioan Phaolô II, Tông Hiến Pastor Bonus, 86: loc. cit., 882). Tôi muốn xác nhận những chỉ dẫn khôn ngoan này. Để tái khai mào cho việc truyền giáo ad gentes, cần phải có một trung tâm quảng bá, hướng dẫn và điều hợp, tức là, cần phải có Thánh Bộ về Việc Truyền Bá Phúc Âm Hóa Các Dân Tộc. Tôi xin mời Các Hội Đồng Giám Mục cùng các cơ cấu khác nhau của những hội đồng này, các vị Bề Trên Tổng Quyền của các Dòng Tu, Hội Dòng và Tu Hội, cũng như các tổ chức giáo dân tham gia hoạt động truyền giáo, hãy trung thành cộng tác với Phân Bộ này, một Phân Bộ có thẩm quyền cần thiết trong việc phác họa và hướng dẫn cùng phối hợp hoạt động truyền giáo khắp thế giới.  
  
Thánh Bộ này, một Thánh Bộ có một lịch sử dài rất nổi nang, được kêu gọi để đóng một vai trò trọng yếu liên quan đến việc tìm hiểu và phác họa các chương trình hoạt động mà Giáo Hội cần có để nhất định hướng tới sứ mệnh truyền giáo bằng nhiều hình thức khác nhau. Để đạt được mục đích ấy, Thánh Bộ này phải giữ liên hệ chặt chẽ với các Phân Bộ khác của Tòa Thánh, với các Giáo Hội địa phương cũng như các lực lượng truyền giáo khác. Theo giáo hội học về việc hiệp thông liên quan đến vấn đề toàn thể Giáo Hội là truyền giáo, cũng như đến vấn đề không thể thiếu được các ơn gọi và các tổ chức chuyên biệt khác nhau lo hoạt động truyền giáo ad gentes, thì vai trò hướng dẫn và điều hợp của Thánh Bộ về Việc Truyền Bá Phúc Âm Hóa Các Dân Tộc rất là quan trọng, để làm sao có thể kết hợp nỗ lực trong việc đối phó với những vấn đề khó khăn ai cũng quan tâm tới, tùy theo thẩm quyền xứng hợp riêng của mỗi chức phận và cơ cấu.  
  
76-       Các Hội Đồng Giám Mục và các nhóm khác nhau của các hội đồng này rất cần phải hướng dẫn và điều hợp hoạt động truyền giáo theo cấp quốc gia và cấp miền. Công Đồng xin họ “hãy bàn luận với nhau trong việc giải quyết những vấn đề quan trọng và những rắc rối khẩn trương, tuy nhiên, vẫn phải để ý tới những cái khác nhau ở địa phương” (Sắc Lệnh về Hoạt Động Truyền Giáo của Giáo Hội Ad Gentes, 31), và hãy cứu xét đến vấn đề phức tạp trong việc hội nhập văn hóa. Thật vậy, hoạt động rộng lớn và điều hòa đang được diễn tiến ở lãnh vực này đã mang lại kết quả trông thấy. Đây là một hoạt động phải được tăng tiến và điều hợp khá hơn nữa với hoạt động của các phần vụ khác của cùng một Hội Đồng Giám Mục, để mối quan tâm truyền giáo không để cho một phân bộ hay cơ chế duy nhất nào phụ trách, mà là được tất cả cùng nhau chia sẻ.  
  
Các phân bộ và tổ chức tham gia vào hoạt động truyền giáo phải kết hợp sức lực và sáng kiến mỗi khi có cơ hội. Hội Đồng Các Bề Trên Tổng Quyền phải có cùng một quan tâm theo phạm vi của mình, mà vẫn giữ liên hệ với các Hội Đồng Giám Mục, theo những chỉ dẫn và qui tắc được qui định (xem ibid. 33), cũng như bàn hỏi với các ủy ban khác nhau. Nên có cả các cuôïc họp và các hình thức cộng tác khác giữa những tổ chức truyền giáo với nhau, cả trong vấn đề huấn luyện lẫn học hỏi (xem Công Đồng Chung Vaticanô II, Sắc Lệnh về Hoạt Động Truyền Giáo của Giáo Hội Ad Gentes, 29; xem ĐTC Phaolô VI, Tông Thư Motu Prorio Ecclesiae Santae, III, 22: loc. cit., 787).  
  
VII . VIỆC CỘNG TÁC TRONG HOẠT ĐỘNG TRUYỀN GIÁO  
  
Vì là phần thể của Giáo hội theo Phép Rửa mà tất cả mọi Kitô hữu đều chia sẻ trách nhiệm vào hoạt động truyền giáo. “Việc cộng tác truyền giáo” là lời diễn tả được dùng để nói lên việc các cộng đồng và Kitô hữu chia sẻ với nhau nơi quyền lợi và nhiệm vụ truyền giáo này.  
  
Việc cộng tác truyền giáo được bắt nguồn và sống động, trước hết, nơi mối hiệp nhất riêng tư với Chúa Kitô. Chỉ khi nào chúng ta được nên một với Người, như cành nho dính liền với cây nho (x. Jn 15:5), chúng ta mới có thể sinh hoa trái tốt tươi. Bằng đời sống thánh thiện, hết mọi Kitô hữu có thể trở nên phần sai trái nơi việc truyền giáo của Giáo Hội. Công Đồng Chung Vaticanô II đã mời gọi tất cả mọi người hãy thực hiện “việc canh tân nội tâm sâu xa, để nhờ nhận thức sống động được trách nhiệm riêng của mình trong việc quảng bá Phúc Âm, họ có thể góp phần của mình vào việc truyền giáo nơi các dân nước” (Công Đồng Chung Vaticanô II, Sắc Lệnh về Hoạt Động Truyền Giáo của Giáo Hội Ad Gentes, 35; xem CIC, c-c. 211, 781).  
  
Chia sẻ thực hiện sứ vụ truyền giáo đại đồng, bởi thế, không bị giới hạn vào một số những hoạt động chuyên biệt, nhưng là một dấu hiệu trưởng thành trong đức tin cũng như trong đời sống Kitô hữu sinh hoa kết trái. Như thế, các tín hữu nói riêng mới vươn đức ái của mình ra cho thấy mối quan tâm đối với cả những kẻ ở xa cũng như ở gần. Họ cầu nguyện cho các việc truyền giáo và cho các ơn gọi truyền giáo. Họ giúp các nhà truyền giáo và lấy làm phấn khởi làm theo các công việc của các vị ấy. Khi các nhà truyền giáo trở lại, họ tiếp đón các vị bằng một niềm vui giống như niềm vui của các cộng đồng Kitô hữu tiên khởi, khi các cộng đồng này nghe các Tông Đồ thuật lại những sự lạ lùng Thiên Chúa đã làm qua việc các Tông Đồ giảng dạy (x. Acts 14:27).  
  
Cầu Nguyện và Hy Sinh cho Các Nhà Thừa Sai  
  
78-       Trong số những hình thức chia sẻ này, đầu tiên là việc cộng tác về phần thiêng liêng qua lời cầu nguyện, qua hy sinh và qua chứng từ của đời sống Kitô hữu. Việc cầu nguyện phải kèm theo cuộc hành trình của các nhà truyền giáo, để việc loan truyền Lời Chúa được tác hiệu theo ơn Chúa. Trong các Bức Thư của mình, Thánh Phaolô thường xin tín hữu cầu nguyện cho ngài, để ngài có thể loan truyền Phúc Âm một cách tin tưởng và vững vàng. Cầu nguyện cần phải được đi kèm với hy sinh. Giá trị cứu chuộc của đau khổ, vì yêu mến chấp nhận và dâng lên cho Thiên Chúa, bắt nguồn từ hiến tế của chính Chúa Kitô, Đấng kêu gọi các phần thể thuộc Nhiệm Thể của Người thông phần vào các khổ đau của Người, để hoàn tất những đau khổ ấy nơi xác thịt của họ (x. Col 1:24). Việc hy sinh của các nhà truyền giáo phải được chia sẻ và kèm theo bằng các hy sinh của tất cả mọi tín hữu. Do đó, Tôi hết sức muốn những ai lo việc mục vụ chăm sóc bệnh nhân hãy dạy cho họ biết về hiệu năng của đau khổ, và khuyến khích họ hãy hiến dâng những đau khổ của họ lên Thiên Chúa để cầu cho các nhà truyền giáo. Bằng việc hiến dâng như vậy, chính bệnh nhân trở nên những nhà truyền giáo, như các phong trào do họ lập nên, hay được lập nên cho thành phần của họ, nhấn mạnh. Lễ Trọng Kính Chúa Thánh Thần Hiện Xuống – thời điểm mở màn cho việc truyền giáo của Giáo Hội – nơi một số cộng đồng, được cử hành như là một “Ngày Chịu Đựng Khổ Đau để cầu cho Các Việc Truyền Giáo”.   
  
 “Này con đây, Lạy Chúa! Con sẵn sàng! Xin hãy sai con!”  
  
79-       Việc cộng tác truyền giáo được nói lên, trước hết, bằng việc cổ võ các ơn gọi truyền giáo. Dù có công nhận tính cách hiệu năng của các đường lối khác nhau để tham gia vào hoạt động truyền giáo, cũng cần phải tái xác nhận rằng, việc hoàn toàn dấn thân trọn đời cho công cuộc của các ngành truyền giáo là việc đứng hàng đầu, nhất là dấn thân trong các Tu Hội và Hội Dòng truyền giáo. Việc cổ võ các ơn gọi như vậy là tâm điểm của việc cộng tác truyền giáo. Việc rao giảng Phúc Âm đòi phải có các nhà rao giảng; mùa màng cần thợ gặt. Việc truyền giáo được thực hiện, trước hết, bởi những con người nam nữ tận hiến đời mình cho công cuộc của Phúc Âm, và là những con người sẵn sàng mang ơn cứu độ ra đi đến khắp nơi trên thế giới.  
  
Tôi muốn nhắc lại để kêu gọi việc quan tâm đến các ơn gọi truyền giáo. Nhận thức được trách nhiệm chung của Kitô hữu trong việc góp phần vào hoạt động truyền giáo, cũng như vào việc phát triển các dân tộc nghèo khổ hơn mình, chúng ta cần phải thắc mắc hỏi mình rằng, ở một vài xứ sở, trong khi việc đóng góp về tiền bạc tăng lên, thì các ơn gọi truyền giáo, những ơn gọi này mới là mức đo lường thực sự của việc tự hy hiến bản thân cho anh chị em của mình, lại đang có nguy cơ mất đi. Các ơn gọi làm linh mục và sống đời tận hiến là một dấu hiệu chắc chắn nói lên sức sống của một Giáo Hội.  
  
80-       Khi nghĩ đến vần đề hệ trọng này, Tôi hết lòng tin tưởng và tha thiết kêu gọi các gia đình và giới trẻ. Các gia đình, nhất là các cha mẹ, cần ý thức rằng, họ phải “hiến dâng phần đóng góp đặc biệt cho lợi ích truyền giáo của Giáo Hội, bằng việc nuôi dưỡng các ơn kêu gọi truyền giáo nơi con cái nam nữ của họ” (Tông Huấn Familiaris Consortio, 54: loc. cit., 147).  
  
Đời sống nguyện cầu thiết tha, cảm thức đích thực trong việc phục vụ tha nhân của mình, và việc tham gia nhiệt thành vào các hoạt động trong Giáo Hội, cống hiến các gia đình những điều kiện thuận lợi gieo mầm ơn gọi nơi giới trẻ. Khi cha mẹ sẵn sàng để cho một trong những đứa con của mình ra đi truyền giáo, khi họ xin ơn này nơi Chúa, Ngài sẽ ban cho họ vui mừng vào ngày có đứa con trai hay con gái của họ nghe thấy Chúa gọi theo Ngài.  
  
Tôi xin chính giới trẻ hãy lắng nghe lời Chúa Kitô khi Người nói với họ những gì Người đã từng nói với Simon Phêrô và Anrê ở bờ hồ: “Hãy theo Tôi, Tôi sẽ làm cho các anh thành những tay đánh cá người” (Mt 4:19). Chớ gì họ can đảm đáp lại như tiên tri Isaia đã làm: “Này con đây, lạy Chúa! Con sẵn sàng rồi! Xin hãy sai con đi!” (x. Is 6:8). Họ sẽ có một cuộc sống tuyệt vời trước mắt, và họ sẽ nếm được niềm vui đích thực trong việc loan truyền “Tin Mừng” cho anh chị em là những người họ sẽ dẫn đi trên con đường cứu độ.  
  
 “Cho đi hơn nhận lãnh” (Acts 20:35)  
  
81-       Các nhu cầu về vật chất và tài chính cho những việc truyền giáo thì nhiều: không phải ở tại việc thiết lập một Giáo Hội với cơ cấu tối thiểu (nguyện đường, trường sở cho các giáo lý viên và chủng sinh, nhà cửa), mà còn để hỗ trợ cho các việc bác ái, giáo dục và tiến bộ của con người – một lãnh vực hoạt động rộng lớn, nhất là nơi các xứ nghèo. Giáo Hội truyền giáo cho đi những gì Giáo Hội nhận được, và phân phối cho kẻ nghèo các của cải vật chất do các con cái nam nữ giầu có về vật chất của Giáo Hội cúng cho Giáo Hội. Ở đây, Tôi muốn cám ơn tất cả những ai đã hy sinh và đóng góp vào công cuộc của những việc truyền giáo. Các hy sinh và chia sẻ của họ không thể nào thiếu được trong việc xây dựng Giáo Hội cũng như trong việc tỏ lòng yêu thương.  
  
Trong vấn đề trợ giúp về vật chất, cần phải để ý tới tinh thần làm việc dâng cúng. Đối với vấn đề này, chúng ta phải xét lại lối sống của mình: các việc truyền giáo chẳng những xin đóng góp mà còn xin chia sẻ vào công việc giảng dạy và bác ái đối với kẻ nghèo nữa. Tất cả những gì chúng ta nhận được nơi Thiên Chúa – chính sự sống cũng như của cải vật chất – không thuộc về chúng ta mà được ban cho chúng ta để chúng ta sử dụng. Lòng quảng đại cho đi bao giờ cũng phải được đức tin hướng dẫn và tác động: bấy giờ chúng ta mới thực sự có phúc khi cho đi hơn là nhận lãnh.  
  
Ngày Truyền Giáo Thế Giới, một ngày muốn đề cao nhận thức về các việc truyền giáo, cũng như để quyên tiền cho các việc truyền giáo, là một ngày quan trọng trong đời sống Giáo Hội, vì nó dạy cách cho đi, như một lễ vật dâng lên Thiên Chúa, trong việc cử hành Thánh Thể và cho tất cả mọi việc truyền giáo trên thế giới.  
  
Những Hình Thức Mới trong Việc Cộng Tác Truyền Giáo  
  
82-       Ngày nay, việc cộng tác truyền giáo bao gồm những hình thức mới, chẳng những dưới hình thức trợ giúp về kinh tế, mà còn dưới hình thức trực tiếp tham gia nữa. Những hoàn cảnh mới liên quan tới hiện tượng di chuyển đòi Kitô hữu phải có một tinh thần hoạt động truyền giáo đích thực.  
  
Trào lưu du lịch khắp thế giới nay đã trở nên một hiện tượng ào ạt. Hiện tượng này là một phát triển tốt, nếu các người đi du lịch giữ được thái độ tôn trọng đối với vấn đề trao đổi để thăng tiến về văn hóa và ước muốn làm như vậy, bằng việc tìm cách tiếp xúc với nhau, chứ không phải để phô trương và phung phí. Phần Kitô hữu, họ cần nhận thức được, trước hết, phận sự buộc họ phải luôn luôn làm chứng cho đức tin và tình yêu Chúa Kitô. Kiến thức trực tiếp về cuộc sống truyền giáo cũng như về các cộng đồng Kitô giáo mới cũng có thể là một kinh nghiệm thăng tiến bản thân và có thể làm cho đức tin của mình thêm vững mạnh. Đến thăm các địa sở truyền giáo là việc nên làm, nhất là đối với thành phần giới trẻ đến đó để phục vụ cũng như để lấy thêm kinh nghiệm dồi dào hơn cho đời sống Kitô hữu.  
  
Hiện nay, vì các lý do công ăn việc làm, đã mang nhiều Kitô hữu từ các cộng đồng trẻ đến những vùng Kitô giáo chưa được biết tới, có những lúc còn bị cấm cản hay bắt bớ nữa. Cũng thế, đối với trường hợp của những phần tử tín hữu thuộc các xứ Kitô giáo lâu đời đến làm việc một thời gian ở những đất nước ngoài Kitô giáo. Những trường hợp này thật sự là một cơ hội sống đức tin và làm chứng đức tin. Trong những thế kỷ đầu, Kitô giáo phát triển là vì Kitô hữu, khi di chuyển hay định cư ở những vùng Chúa Kitô chưa được loan báo, đã can đảm làm chứng cho đức tin của mình và đã thành lập các cộng đoàn đầu tiên ở đó.  
   
Đông hơn nữa là những người công dân ở các xứ truyền giáo, và những tín đồ thuộc các tôn giáo ngoài Kitô giáo, đến định cư ở các nước khác để học hành hay làm việc, hoặc bị buộc phải làm như thế vì tình trạng chính trị hay kinh tế tại đất nước của họ. Việc hiện diện của những người anh chị em này tại các xứ sở theo Kitô giáo lâu đời là một thách đố cho các cộng đồng giáo hội, và là một kích thích cho việc tiếp đãi, đối thoại, phục vụ, chia sẻ, minh chứng và trực tiếp loan báo. Nơi những xứ sở Kitô giáo, các cộng đồng và các nhóm về văn hóa cũng đang hình thành những gì cần cho việc truyền giáo ad gentes, và các Giáo Hội địa phương, được hợp tác của những người di dân đến từ các xứ sở của họ, cũng như của những nhà truyền giáo hồi hương, phải hết sức đáp ứng đối với các trường hợp này.  
  
Việc cộng tác truyền giáo cũng có thể bao gồm cả các nhà lãnh đạo về chính trị, kinh tế, văn hóa và phóng sự, cũng như những chuyên gia của các cơ chế quốc tế khác nhau nữa. Trong thế giới tân tiến hiện nay, vấn đề phân định các ranh giới về địa dư hay văn hóa càng trở nên khó khăn hơn. Tình trạng liên thuộc giữa con người với nhau đang tăng lên, và sự kiện này trở thành một kích thích cho chứng từ Kitô giáo cũng như cho việc truyền bá phúc âm hóa.  
  
Cổ Động và Huấn Luyện Truyền Giáo trong Thành Phần Dân Chúa  
  
83-       Việc huấn luyện truyền giáo là công việc của Giáo Hội địa phương, được tiếp tay bởi các nhà truyền giáo và Tu Hội của họ, cũng như được tiếp tay bởi người đến từ các Giáo Hội trẻ. Công việc này không được coi như là một việc nổi nang bề ngoài mà là việc chính đối với đời sống Kitô hữu. Thậm chí đối với cả việc “tân truyền bá phúc âm hóa” nơi các xứ Kitô giáo thì đề tài về những việc truyền giáo cũng cho thấy là rất hữu ích: chứng từ của các nhà truyền giáo vẫn là một lời kêu gọi đối với cả thành phần tín hữu không hành đạo lẫn thành phần không tin đạo, chứng từ này truyền đạt các giá trị Kitô giáo. Bởi thế, các Giáo Hội riêng phải làm cho vấn đề phát động những việc truyền giáo thành yếu tố chính trong hoạt động mục vụ thông thường ở các giáo xứ, hội đoàn và nhóm hội, nhất là ở các nhóm giới trẻ.  
  
Khi nhắm đến mục đích này, cần phải quảng bá chi tiết qua các việc phát hành cũng như qua các phương tiện trợ thính thị về truyền giáo. Những phương tiện này đóng một vai trò quan trọng, trong việc phổ biến sinh hoạt của Giáo Hội hoàn vũ, cũng như trong việc chia sẻ những kinh nghiệm của các nhà truyền giáo và của các Giáo Hội địa phương họ hoạt động. Nơi những Giáo Hội mới mẻ vẫn chưa có phương tiện in ấn, hay các phương tiện khác trong tay, thì các Tu Hội Truyền Giáo cần phải giúp nhân lực và vật lực cho những công việc làm này.   
  
Một việc huấn luyện như thế được ủy thác cho các vị linh mục và cộng sự viên của họ, cho các nhà giáo dục và giáo sư, cũng như cho các nhà thần học, nhất là những người dạy trong các chủng viện và các trung tâm dành cho giáo dân. Việc huấn luyện về thần học không thể và không được bỏ qua việc truyền giáo đại đồng của Giáo Hội, việc đại kết, việc học hỏi các tôn giáo lớn khác và khoa truyền giáo. Tôi đề nghị là những môn học như vậy phải được dạy đặc biệt trong các chủng viện cũng như trong các nhà huấn luyện cho Tu Sĩ nam nữ, những môn học cần có một số linh mục hay học viên chuyên môn về các ngành truyền giáo học khác nhau.  
  
Các hoạt động nhắm đến vấn đề phát động chú trọng đến những việc truyền giáo bao giờ cũng phải được hướng về các mục tiêu đặc biệt này; tức là mục tiêu thông báo và huấn luyện Dân Chúa trong việc tham phần vào sứ vụ truyền giáo đại đồng của Giáo Hội, mục tiêu cổ võ các ơn gọi ad gentes và mục tiêu khuyến khích cộng tác vào việc truyền bá phúc âm hóa. Thật là không đúng khi trình bày một hình ảnh thiếu hụt về hoạt động truyền giáo, như thể nó chỉ hoàn toàn nhắm vào việc giúp đỡ kẻ nghèo, vào việc góp phần giải phóng kẻ bị đàn áp, vào việc đề cao phát triển hay bảo vệ quyền lợi của con người. Giáo Hội truyền giáo nhất định bao gồm cả những công việc hàng đầu này, thế nhưng, công việc chính yếu của Giáo Hội nằm ở chỗ khác, ở chỗ thành phần nghèo khổ đói khát Thiên Chúa, chứ không phải đói khát bánh ăn và tự do vậy thôi. Hoạt động truyền giáo trước hết phải làm chứng cho và loan truyền ơn cứu độ trong Chúa Kitô, cùng với việc thiết lập các Giáo Hội địa phương là nơi sau này trở thành phương tiện giải phóng đúng nghĩa.   
  
Trách Nhiệm Chính của Các Hội Truyền Giáo thuộc Tòa Thánh  
  
84-       Vai trò dẫn đầu trong việc phát động này là của Các Hội Truyền Giáo thuộc Tòa Thánh, như Tôi thường cho thấy trong các Sứ Điệp Tôi gửi cho Ngày Truyền Giáo Thế Giới. Bốn Hội này – Hội Truyền Bá Đức Tin, Hội Thánh Phêrô Tông Đồ, Hội Trẻ Em Thánh và Hội Hợp Đoàn Thừa Sai – có cùng một mục đích trong việc nuôi dưỡng tinh thần truyền giáo hoàn vũ nơi Dân Chúa. Hội Hợp Đoàn Thừa sai có mục đích trực tiếp và đặc biệt phát động ý thức truyền giáo và huấn luyện các linh mục và tu sĩ nam nữ trở nên thành phần cung cấp kiến thức và huấn luyện ở tại các cộng đồng Kitô hữu. Ngoài ra, Hội Hợp Đoàn Thừa Sai còn tìm cách cổ động các Hội khác, như “linh hồn” của các hội ấy (xem ĐTC Phaolô VI, Graves et Increscentes, ngày 5/9/1966: AAS 58 năm 1966, 750-756). “Đây phải là khẩu hiệu của chúng ta: Tất cả mọi Giáo Hội phải hiệp nhất cho việc hoán cải toàn thể thế giới” (P. Manna, Le nostre “Chiese” e la Propagazione del Vangelo, Trento la Ducenta, 1952, p. 35).  
  
Vì hưởng đặc ân của Giáo Hoàng và Giám Mục Đoàn, những Hội này, cả ở trong phạm vi của các Giáo Hội địa phương, cũng thực sự “đứng đầu... vì các hội ấy là phương tiện giúp người Công Giáo, ngay từ hồi còn nhỏ, được thấm nhiễm tinh thần truyền giáo đại đồng và truyền giáo chân truyền; các hội ấy cũng là phương tiện bảo đảm cho việc lạc quyên tốt đẹp vì lợi ích của tất cả những việc truyền giáo theo nhu cầu của mỗi một việc” (Công Đồng Chung Vaticanô II, Sắc Lệnh về Hoạt Động Truyền Giáo của Giáo Hội Ad Gentes, 38). Mục đích khác nữa của các Hội Truyền Giáo là cổ động các ơn gọi trọn đời ad gentes, cả ở các Giáo Hội cũ lẫn Giáo Hội mới. Tôi tha thiết muốn thấy việc các Hội Truyền Giáo này càng ngày càng cổ động phát triển theo chiều hướng ấy.  
  
Về phương diện hoạt động của mình, những Hội này lệ thuộc vào phạm vi hoàn cầu của Thánh Bộ Phụ Trách Việc Truyền Bá Phúc Âm Hóa Các Dân Tộc; ở cấp độ địa phương, các hội ấy tùy thuộc vào Hội Đồng Các Giám Mục cũng như tùy thuộc vào Giám Mục của từng Giáo Hội, trong việc hợp tác với các trung tâm cổ động đang hoạt động. Các hội ấy mang đến cho thế giới Công Giáo tinh thần đại đồng và tinh thần phục vụ đối với việc truyền giáo của Giáo Hội, mà không có tinh thần này cũng không có việc cộng tác thật sự.  
  
Chẳng Những Cho Việc Truyền Giáo mà còn Nhận từ Việc này nữa  
  
85-       Việc hợp tác trong hoạt động truyền giáo không có nghĩa là cho đi mà không nhận lãnh. Tất cả mọi Giáo Hội riêng, cả mới lẫn cũ, đều được kêu gọi để cho đi và nhận lãnh theo tương quan của việc truyền giáo đại đồng, không Giáo Hội nào được khép mình lại trước những nhu cầu của các Giáo Hội khác. Công Đồng viết: “Bởi... tính chất công giáo, các phần riêng mang các tặng ân của mình đến cho các phần khác và cho toàn thể Giáo Hội, để làm cho toàn khối và từng phần riêng lớn lên hơn nữa, qua việc tất cả truyền thông cho nhau, cũng như qua việc liên kết nỗ lực hướng đến mối hiệp nhất toàn vẹn... Giữa những phần khác nhau trong Giáo Hội có những liên hệ hiệp thông sâu xa liên quan đến những kho tàng thiêng liêng, đến các nhân viên tông đồ và đến việc trợ giúp về vật chất” (Hiến Chế Tín Lý về Giáo Hội Lumen Gentium, đoạn 13).  
  
Tôi kêu gọi tất cả mọi Giáo Hội, Giám Mục, linh mục, tu sĩ và các phần tử giáo dân, hãy hướng về tính cách đại đồng của Giáo Hội, và hãy tránh hết mọi hình thức khuynh hướng thiển cận chỉ biết lấy mình hay độc quyền, hoặc những cảm giác tự mãn. Các Giáo Hôïi địa phương, mặc dầu được ăn sâu vào dân tộc và văn hóa riêng của mình, cũng phải luôn luôn giữ được cảm thức sống động về tính cách đại đồng của đức tin, về việc cho đi và nhận lãnh các tặng ân thiêng liêng, về các kinh nghiệm của hoạt động mục vụ trong việc truyền bá phúc âm hóa và việc loan báo lúc ban đầu, cũng như về nhân lực cho việc tông đồ và các nguồn lợi vật chất.  
  
Khuynh hướng muốn trở nên biệt lập có thể là một khuynh hướng mãnh liệt. Các Giáo Hội cũ, liên quan đến việc tân truyền bá phúc âm hóa, có thể nghĩ rằng việc truyền giáo của mình hiện nay ở tại phần đất của mình, do đó, các Giáo Hội này có thể bị nhụt đi nhuệ khí đối với thế giới ngoài Kitô giáo, bất đắc dĩ để cho các ơn gọi đến với các Tu Hội truyền giáo, các Hội Dòng Tu Sĩ hay các Giáo Hội riêng khác. Thế nhưng, chính nhờ việc cho đi một cách quảng đại những gì chúng ta có mà chúng ta sẽ nhận được. Những Giáo Hội trẻ, có nhiều nơi được chúc phúc bởi có dồi dào ơn gọi, đã ở trong vị thế sai các linh mục và Tu Sĩ nam nữ tới các Giáo Hội lâu đời hơn.  
  
Ngoài ra, các Giáo Hội trẻ cũng đang quan tâm đến căn tính riêng của mình, đến việc hội nhập văn hóa, cũng như đến việc tự do phát triển thoải mái mà không bị ảnh hưởng bởi ngoại bang, để rồi cuối cùng họ có thể đóng cửa không có các nhà truyền giáo tới nữa. Với những Giáo Hội này, Tôi xin nói là: Đừng tự cô lập lấy mình; hãy sẵn sàng tiếp nhận các nhà truyền giáo, cùng sự nâng đỡ của các Giáo Hội khác, và cũng làm như vậy cho các Giáo Hội khắp nơi. Chính vì các vấn đề liên quan đến Giáo Hội của mình mới cần tới việc liên tục liên hệ với các anh chị em mình trong đức tin. Bằng mọi phương tiện hợp pháp, hãy tìm cách bảo đảm cho bằng được việc nhận thức về niềm tự do mình có quyền hưởng, khi nhớ rằng các môn đệ của Chúa Kitô phải “vâng lời Thiên Chúa hơn là người ta” (Acts 5:29).  
  
Thiên Chúa đang Sửa Soạn một Mùa Xuân Mới cho Phúc Âm  
  
86-       Nhìn vào thế giới hôm nay, chúng ta bị dội lại bởi nhiều yếu tố tiêu cực có thể làm cho chúng ta bi quan. Thế nhưng, cảm giác này không chính đáng: chúng ta tin vào Thiên Chúa là Cha và là Chúa của chúng ta, vào lòng tốt và tình thương của Ngài. Trong lúc Ngàn Năm thứ ba của ơn cứu chuộc gần đến, Thiên Chúa đang sửa soạn một mùa xuân rất tươi đẹp cho Kitô giáo, và chúng ta đã thấy được các dấu hiệu le lói của nó. Thật vậy, cả nơi thế giới ngoài Kitô giáo lẫn nơi thế giới Kitô giáo lâu đời, con người đang dần dần tiến gần tới những lý tưởng và giá trị Phúc Âm hơn, một đà phát triển Giáo Hội đang tìm cách phấn khích. Thật vậy, ngày nay, các dân tộc có một cảm nhận chung về những giá trị sau đây: việc loại trừ bạo lực và chiến tranh; việc tôn trọng con người và các quyền lợi của con người; niềm mong ước được tự do, công chính và tình yêu huynh đệ; việc thắng vượt các hình thức khác nhau về chủng tộc và dân tộc; việc công nhận phẩm vị và vai trò của nữ giới.  
  
Niềm hy vọng của Kitô giáo nâng đỡ chúng ta trong việc chúng ta hoàn toàn dấn thân cho công cuộc truyền bá phúc âm hóa, cũng như cho việc truyền giáo đại đồng, và khiến chúng ta nguyện cầu như Chúa Giêsu dạy chúng ta: “Chúng con nguyên Nước Cha trị đến. Chúng con nguyện ý Cha thể hiện dưới đất cũng như trên trời” (Mt 6:10).  
   
Còn thật nhiều người đang đợi chờ Chúa Kitô, đó là những nhóm người và những khối văn hóa chưa biết đến Phúc Âm, hay những người hầu như chưa biết đến có Giáo Hội, nhiều đến nỗi cần phải liên kết tất cả nguồn lợi của Giáo Hội lại. Vào thời điểm sửa soạn cử hành Cuộc Mừng Kỷ Niệm năm 2000, toàn thể Giáo Hội lại càng dấn thân cho một mùa vọng truyền giáo mới. Chúng ta phải tăng thêm lòng nhiệt thành tông đồ của chúng ta để truyền sang cho các người khác ánh sáng và niềm vui của đức tin, và toàn thể Dân Chúa phải được giáo huấn theo lý tưởng cao cả này.  
  
Chúng ta không thể bằng lòng khi thấy cả triệu triệu anh chị em của mình, cũng như chúng ta, được cứu chuộc bằng  máu Chúa Kitô, mà lại sống chẳng biết gì về tình yêu của Thiên Chúa cả. Bởi vì, đối với mỗi một tín hữu, cũng như đối với toàn thể Giáo Hội, công việc truyền giáo vẫn phải là một việc làm trên hết, vì công việc này liên quan đến định mệnh đời đời của con người, cũng là công việc hợp với dự án nhiệm mầu và nhân hậu của Thiên Chúa.  
  
VIII . LINH ĐẠO TRUYỀN GIÁO  
  
Hoạt động truyền giáo đòi phải có một linh đạo đặc biệt, một linh đạo áp dụng riêng cho tất cả những ai được Thiên Chúa kêu gọi để trở thành những nhà truyền giáo.  
  
Được Thần Linh Dẫn Dắt  
  
Linh đạo này trước hết được thể hiện nơi một đời sống hoàn toàn dễ dạy đối với Thần Linh. Thần Linh sẽ uốn nắn đời sống được chúng ta phó thác cho Ngài, để nhờ đó chúng ta càng ngày càng trở nên giống Chúa Kitô hơn. Chúng ta không thể nào làm chứng cho Chúa Kitô mà lại không phản chiếu hình ảnh của Người, một hình ảnh được làm cho sống động trong chúng ta, nhờ ân sủng và quyền năng của Thần Linh. Như thế, tấm lòng dễ dạy này làm cho chúng ta nhận được các ơn mạnh bạo và khôn ngoan là những yếu tố thiết yếu cho linh đạo truyền giáo.  
  
Điển hình cho linh đạo này là gương của các vị Tông Đồ trong đời sống công khai của Chúa Kitô. Mặc dù các vị yêu mến Người và quảng đại đáp lại lời Người kêu gọi, các vị vẫn tỏ ra cho thấy các vị không thể nào hiểu được những lời của Người và tỏ ra lưỡng lự theo Người trên con đường khổ đau và hèn hạ. Thần Linh đã biến đổi các vị thành những chứng nhân can trường của Chúa Kitô, cũng như thành những con người khôn ngoan loan truyền lời của Chúa Kitô. Chính Thần Linh là Đấng đã hướng dẫn các vị qua khó khăn thử thách và theo những đường lối mới của việc truyền giáo.  
  
Ngày nay, cũng như trong quá khứ, việc truyền giáo vẫn gặp khó khăn thử thách và phức tạp, đòi phải có lòng can đảm và ánh sáng của Thần Linh. Chúng ta thường cảm nghiệm thấy tình trạng thảm thương của cộng đồng Kitô giáo tiên khởi, một cộng đồng đã chứng kiến thấy những lực lượng không chịu tin tưởng và hận thù “hợp nhau chống lại Chúa và Đấng Xức Dầu của Ngài” (Acts 4:26). Giờ đây, cũng như hồi ấy, chúng ta phải cầu nguyện để Thiên Chúa ban cho chúng ta lòng mạnh dạn rao giảng Phúc Âm; chúng ta phải chú ý tới những đường lối nhiệm mầu của Thần Linh và để cho Ngài dẫn dắt mình vào tất cả sự thật (x. Jn 16:13).  
  
Sống Mầu Nhiệm Chúa Kitô, “Đấng được sai đi”  
  
88-       Một đặc tính thiết yếu của linh đạo truyền giáo là sống hiệp thông thân mật với Chúa Kitô. Chúng ta không thể hiểu biết và thi hành việc truyền giáo được, trừ phi chúng ta đối chiếu nó với Chúa Kitô là Đấng đã được sai đi truyền bá phúc âm hóa. Thánh Phaolô đã diễn tả thái độ của Chúa Kitô như sau: “Tác hành của anh em phải giống như của Chúa Giêsu Kitô, Đấng mặc dù mang danh phận là Thiên Chúa song cũng không cho mình cứ phải ngang hàng với Thiên Chúa mới được, trái lại, Người đã hủy mình ra hư không, mặc lấy thân phận tôi đòi, sinh ra giống như con người. Và trong hình dạng làm người, Người đã tự hạ và đã vâng lời cho đến chết, cho dù có phải chết trên Thập Giá” (Phil 2:5-8).  
  
Như thế, Mầu Nhiệm Nhập Thể và Cứu Chuộc được cho thấy như là một việc hoàn toàn tự hư không hóa bản thân mình, nhờ đó Chúa Kitô có thể sống trọn vẹn thân phận con người, trong việc chấp nhận làm theo tất cả dự án của Cha. Cuộc tự hủy bản thân mình ra hư không này là một cuộc tự hủy bản thân mình chan hòa những yêu thương và nói lên lòng yêu thương. Việc truyền giáo đi theo cùng một đường lối như vậy, và là việc truyền giáo dẫn đến chân Thập Giá.  
  
Nhà truyền giáo cần phải “từ bỏ chính mình và mọi sự cho đến bấy giờ họ cho là của mình, để làm cho mình nên mọi sự cho mọi người” (Công Đồng Chung Vaticanô II, Sắc Lệnh về Hoạt Động Truyền Giáo của Giáo Hội Ad Gentes, 24). Họ làm điều này bằng một đức khó nghèo khiến họ thanh thoát sống cho Phúc Âm, bằng việc thắng vượt lòng dính bén với con người cũng như sự vật bao quanh họ, để họ có thể trở nên anh chị em cho những ai họ được sai tới và nhờ đó họ mang Chúa Kitô Cứu Thế đến cho những người đó. Đó là mục tiêu của linh đạo truyền giáo: “Đối với người yếu đuối tôi trở nên người yếu đuối...; tôi trở nên mọi sự cho mọi người để bằng mọi cách có thể cứu được một số nào đó. Tôi làm tất cả những điều này là vì Phúc Âm...” (1Cor 9:22-23).  
  
Chính vì được “sai” mà nhà truyền giáo nghiệm thấy sự hiện diện an ủi của Chúa Kitô, Đấng ở với họ mọi giây phút trong cuộc sống – “Đừng sợ... vì Ta ở với con” (Acts 18:9-10) – và là Đấng chờ đợi họ nơi cõi lòng của mọi người.  
  
Yêu Mến Giáo Hội và Nhân Loại như Chúa Kitô  
  
89-       Linh đạo truyền giáo cũng được đánh dấu bằng đức ái tông đồ, đức ái của Chúa Kitô, Đấng đã đến “để tụ họp con cái Thiên Chúa bị phân tán khắp nơi về một mối” (Jn 11:52), đức ái của Vị Mục Tử Nhân Lành biết chiên của mình, tìm kiếm chúng và hiến mạng sống mình cho chúng (x. Jn 10). Những ai có tinh thần truyền giáo cảm thấy tình yêu khát khao các linh hồn của Chúa Kitô và tình yêu của Chúa Kitô đối với Giáo Hội.  
  
Nhà truyền giáo bị thôi thúc bởi “lòng nhiệt thành đối với các linh hồn”, một lòng nhiệt thành do đức ái của Chúa Kitô thúc đẩy, dưới hình thức quan tâm, dịu dàng, thương cảm, cởi mở, sẵn sàng và chú trọng tới các vấn đề của con người. Tình yêu của Chúa Kitô rất sâu xa: Ngài là Đấng “biết những gì nơi con người” (Jn 2:25), đã yêu thương mọi người bằng việc hiến cho họ ơn cứu chuộc và chịu đựng khổ đau khi bị ruồng bỏ.  
  
Nhà truyền giáo là một con người của đức ái. Để loan truyền cho tất cả mọi anh chị em của mình là những người anh chị em ấy được Thiên Chúa yêu thương và có khả năng yêu thương, nhà truyền giáo phải chứng tỏ tình yêu đối với tất cả mọi người, bằng việc hiến cuộc sống mình cho tha nhân. Nhà truyền giáo là “anh chị em của hết mọi người”, khi mang nơi bản thân mình tinh thần của Giáo Hội, tấm lòng cởi mở và nỗi quan tâm của Giáo Hội đối với tất cả mọi dân tộc và mọi người, nhất là đối với những anh chị em thấp kém và nghèo hèn nhất. Sống như vậy, nhà truyền giáo mới thắng vượt được những trở ngại và phân rẽ về chủng tộc, giai cấp hay ý thức hệ. Nhà truyền giáo là dấu chứng của tình yêu Thiên Chúa trên thế giới này – một tình yêu không phân biệt hay thiên vị.  
  
Sau hết, như Chúa Kitô, nhà truyền giáo phải yêu mến Giáo Hội: “Chúa Kitô đã yêu thương Giáo Hội và đã hiến mạng sống mình cho Giáo Hội” (Eph 5:25). Tình yêu thương này, cho đến độ hiến mạng sống mình, là đích điểm họ nhắm đến. Chỉ có tình yêu sâu xa đối với Giáo Hội mới có thể bảo trì lòng nhiệt thành của nhà truyền giáo mà thôi. Cái thôi thúc hằng ngày của nhà truyền giáo, như Thánh Phaolô nói, đó là “mối quan tâm lo cho tất cả mọi Giáo Hội” (2Cor 11:28). Đối với hết mọi nhà truyền giáo, “lòng trung thành với Chúa Kitô không thể nào tách lìa khỏi lòng trung thành với Giáo Hội” (Công Đồng Chung Vaticanô II, Sắc Lệnh về Thừa Tác Vụ và Đời Sống của Các Linh Mục Presbyterorum Ordinis, 14).  
  
Nhà Thừa Sai Đích Thực là Một Vị Thánh  
  
90-       Ơn gọi hoạt động truyền giáo, tự bản chất của mình, là một ơn gọi phát xuất từ ơn gọi nên thánh. Một nhà truyền giáo thực sự như vậy chỉ khi nào họ dấn thân sống theo con đường thánh thiện: “Thánh Thiện phải được gọi là một tiên quyết căn bản và là một điều kiện không thể thay thế đối với mọi người trong việc hoàn tất sứ mệnh cứu độ trong Giáo Hội” (Tông Huấn Christifideles Laici, 17: loc. cit., 419).  
  
Ơn gọi phổ quát nên thánh gắn liền với ơn gọi phổ quát truyền giáo. Mọi phần tử tín hữu đều được kêu gọi nên thánh và truyền giáo. Đây là điều Công Đồng hết sức tha thiết ước mong, một Công Đồng hy vọng có thể “soi sáng cho tất cả mọi dân nước bằng ánh quang của Chúa Kitô, một ánh quang phát tỏa trên khuôn mặt của Giáo Hội, bằng việc rao giảng Phúc Âm cho mọi tạo vật” (Hiến Chế Tín Lý về Giáo Hội Lumen Gentium, 1). Linh đạo truyền giáo của Giáo Hội là một cuộc hành trình tiến đến sự thánh thiện.  
  
Việc canh tân động lực cho việc truyền giáo ad gentes đòi phải có những nhà truyền giáo thánh đức. Việc cập nhật hóa những kỹ thuật mục vụ, tổ chức và điều hành các nguồn lực của giáo hội, hay nghiên cứu sâu xa vào nền tảng thánh kinh và thần học về đức tin, cũng chưa đủ. Điều cần là lòng phấn khởi cho “việc hăng say nên thánh” mới mẻ nơi các nhà truyền giáo, cũng như nơi khắp các cộng đồng Kitô giáo, đặc biệt nơi những ai làm việc gần gũi nhất với các nhà truyền giáo (xem Bài Diễn Từ ở Cuộc Họp CELAM, tại Port-au-Prince, ngày 9/3/1983: AAS 75 năm 1983, 771-779; Bài Giảng Khai Mạc cho “Novena of  Years” do CELAM phat động, Santo Domingo, ngày 12/10/1984: Insegnamenti VII/2 năm 1984, 885-897).  
  
Anh Chị Em thân mến: chúng ta hãy nhớ đến lòng nhiệt thành truyền giáo của các cộng đồng Kitô hữu tiên khởi. Bất chấp phương tiện di chuyển và truyền thông hạn hẹp vào những thời ấy, việc loan truyền Phúc Âm vẫn nhanh chóng tiến đến tận cùng trái đất. Đó là tôn giáo của một Con Người chết trên thập giá, của “một viên đá vấp phạm cho người Do Thái và ngu xuẩn cho Dân Ngoại” (1Cor 1:23)! Bên dưới cái năng động truyền giáo này chính là đời sống thánh thiện của các Kitô hữu và các cộng đồng Kitô hữu tiên khởi vậy.  
  
91-       Thế nên, Tôi muốn ngỏ lời với những phần tử mới được rửa tội nơi các cộng đồng trẻ cũng như nơi các Giáo Hội trẻ. Hôm nay, các con là niềm hy vọng của Giáo Hội hai ngàn tuổi của chúng ta đây: là con người trẻ trung về đức tin, các con phải như những Kitô hữu tiên khởi, chiếu tỏa nhiệt tình và lòng can đảm, trong việc quảng đại hiến thân cho Thiên Chúa và tha nhân. Tóm lại, các con phải dấn thân trên con đường thánh thiện. Chỉ có thế các con mới là dấu chứng của Thiên Chúa trên thế giới này, và mới làm sống lại nơi quê hương xứ sở của các con truyền sử của Giáo Hội sơ khai. Các con cũng mới là men tinh thần truyền giáo cho các Giáo Hội lâu đời.  
  
Về phần mình, các nhà truyền giáo phải phản chiếu tặng ân được mời gọi của mình nơi nhiệm vụ nên thánh cần phải có nơi họ, phải lập lại trong tâm trí mỗi ngày, và cố gắng cập nhật hóa việc huấn luyện về tín lý cũng như về mục vụ. Nhà truyền giáo phải là một “nhà chiêm niệm trong hoạt động”. Họ tìm thấy những giải đáp cho các vấn đề theo ánh sáng của lời Chúa, cũng như trong lời cầu nguyện chung riêng. Việc Tôi tiếp xúc với các vị đại biểu của các truyền thống linh đạo ngoài Kitô giáo, nhất là những vị ở Á Châu, đã làm cho Tôi tin tưởng theo chiều hướng là, tương lai của việc truyền giáo phần lớn lệ thuộc vào việc chiêm niệm. Nhà truyền giáo nếu không phải là một người chiêm niệm thì họ không thể nào loan truyền Chúa Kitô một cách khả tín được. Họ là chứng nhân cho cảm nghiệm về Thiên Chúa, và họ phải nói được như các vị Tông Đồ: “những gì chúng tôi trông thấy... liên quan đến lời sự sống, ... thì chúng tôi cũng đem loan truyền cho anh em” (1Jn 1:1-3).  
  
Nhà truyền giáo là một người của các Phúc Đức. Trước khi sai 12 Vị đi truyền bá phúc âm hóa, Chúa Giêsu, trong “bài nói về truyền giáo” (x. Mt 10), đã dạy cho các vị biết những đường lối hoạt động truyền giáo: đó là nghèo khó, khiêm nhu, chấp nhận khổ đau và bách hại, mong ước công lý và hòa bình, đức ái – tức là, các Phúc Đức được thực hành trong đời sống tông đồ (x. Mt 5: 1-12). Khi sống các Phúc Đức, nhà truyền giáo cảm thấy và chứng tỏ cho thấy một cách cụ thể rằng, Vương Quốc của Thiên Chúa đã trị đến, và họ đã chấp nhận Vương Quốc này. Đặc tính của hết mọi cuộc sống truyền giáo chân chính đó là niềm vui nội tâm do đức tin mà có. Trong một thế giới bị quằn quại và dập dụi bởi quá nhiều rối ren, một thế giới có xu hướng bi quan, thì con người loan truyền “Tin Mừng” phải là một con người tìm được niềm hy vọng thực sự nơi Chúa Kitô.  
  
Kết Luận  
  
92-       Ngày hôm nay, Giáo Hội được một cơ hội, như chưa bao giờ có trước đây,  dùng chứng từ và lời rao giảng của mình để mang Phúc Âm đến cho tất cả mọi dân tộc và mọi quốc gia. Tôi thấy được rạng đông của một thời truyền giáo mới, một rạng đông sẽ trở thành một ngày sống rạng ngời mang lại cả một mùa màng phì nhiêu, nếu tất cả mọi Kitô hữu, nhất là các nhà truyền giáo và các Giáo Hội trẻ, quảng đại và thánh thiện đáp ứng những mời gọi và thách đố trong thời đại của chúng ta đây.  
Như các vị Tông Đồ sau khi Chúa Kitô Thăng Thiên, Giáo Hội cũng phải hợp nhau lại trên căn Thượng Lầu “cùng với Đức Maria, Mẹ của Chúa Giêsu” (Acts 1:14), để cầu xin Thần Linh, cũng như để lấy sức lực và lòng can đảm trong việc thực thi mệnh lệnh truyền giáo. Cả chúng ta nữa, như các vị Tông Đồ, chúng ta cần phải được Thần Linh biến đổi và hướng dẫn.  
Vào thời điểm sát cận Ngàn Năm thứ ba, toàn thể Giáo Hội được mời gọi sống tha thiết với mầu nhiệm của Chúa Kitô hơn nữa, bằng việc cộng tác với một lòng tri ân cảm mến vào công cuộc cứu độ. Giáo Hội làm việc này cùng với Mẹ Maria và theo gương Mẹ Maria, Mẹ của Giáo Hội và là mô phạm của Giáo Hội: Mẹ Maria là mô phạm của một thứ tình yêu mẫu tử làm cho tất cả mọi người hứng khởi cộng tác vào sứ mệnh tông đồ của Giáo Hội trong việc tái sinh nhân loại. Thế nên, “được kiên cường bởi việc Chúa Kitô hiện diện, Giáo Hội hành trình qua thời gian, tiến về tột đỉnh của các thời đại, để nghênh đón Chúa đến. Thế nhưng, trong cuộc hành trình này... Giáo Hội tiến bước theo con đường được vạch vẽ dấu chân của Trinh Nữ Maria” (Thông Điệp Redemptoris Mater, ngày 25/3/1987, 2: AAS 79 năm 1987, 362f).  
Tôi ký thác Giáo Hội, nhất là những ai đang dấn thân thực hiện mệnh lệnh truyền giáo trong thế giới hôm nay cho “vai trò trung gian của Đức Maria là vai trò hoàn toàn hướng về Chúa Kitô và hướng đến việc tỏ hiện quyền năng cứu độ của Người” (ibid. 22: loc. cit., 390). Như Chúa Kitô đã sai các Tông Đồ của Người đi nhân danh Cha và Con và Thánh Thần thế nào, để lập lại lệnh truyền này, Tôi cũng ban cho tất cả các con Phép Lành Tòa Thánh của Tôi, nhân danh Chúa Ba Ngôi Chí Thánh. Amen.

Ban hành tại Rôma, Đền Thờ Thánh Phêrô, ngày 7/12/1990, Kỷ Niệm 25 Năm Sắc Lệnh Công Đồng Ad Gentes, năm thứ 13 của Giáo Triều Tôi.  
Gioan Phaolô II